

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

**NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG
MÃ NGÀNH: 6720301**

Đồng Tháp, 2022

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số 99a/QĐ-CDYT ngày 14/4/2022)

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm tra LT/ TH
I		Các môn học chung, đại cương					
1	MH6101	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	MH6102	Tiếng Anh cơ bản	6	120	42	72	6
3	MH6103	Tiếng Anh chuyên ngành Y	2	40	39	0	1
4	MH6104	Tin học	3	75	15	58	2
5	MH6105	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
6	MH6106	Sinh học và di truyền	1	20	19	0	1
7	MH6107	Vật lý đại cương và lý sinh	1	20	19	0	1
8	MH6108	Hóa học	1	20	19	0	1
9	MH6109	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
10	MH6110	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
Tổng			25	555	254	274	27
II	Các môn học chuyên môn						
II.1	Môn học cơ sở						
11	MH6111	Giải phẫu và sinh lý	3	70	39	29	2
12	MH6112	Hoá sinh	1	20	19	0	1

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm tra LT/ TH
13	MH6113	Vi sinh vật và ký sinh trùng	2	50	19	29	2
14	MH6114	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1
15	MH6115	Dược lý	2	50	19	29	2
16	MH6116	Điều dưỡng cơ sở I	3	70	39	29	2
17	MH6117	Điều dưỡng cơ sở II	4	100	39	59	2
18	MH6118	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	20	19	0	1
19	MH6119	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh	2	50	19	29	2
20	MH6120	Dinh dưỡng và tiết chế	1	20	19	0	1
21	MH6121	Pháp luật	2	30	18	10	2
22	MH6122	Tổ chức và quản lý y tế	2	40	39	0	1
23	MH6123	Đạo đức hành nghề Y dược	1	20	19	0	1
24	MH6124	Y học cổ truyền	3	110	19	89	2
Tổng			28	670	345	303	22
II.2	Môn học chuyên môn						
25	MH6125	Giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2	50	19	29	2
26	MH6126	Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	2	50	19	29	2
27	MH6127	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	3	110	19	89	2
28	MH6128	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	65	19	44	2

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm tra LT/ TH
29	MH6129	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	2	65	19	44	2
30	MH6130	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	2	65	19	44	2
31	MH6131	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	65	19	44	2
32	MH6132	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	65	19	44	2
33	MH6133	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	65	19	44	2
34	MH6134	Phục hồi chức năng	2	65	19	44	2
35	MH6135	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	65	19	44	2
36	MH6136	Quản lý điều dưỡng	1	20	19	0	1
37	MH6137	Nghiên cứu khoa học	1	20	19	0	1
38	MH6138	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1
39	MH6139	THBV Chăm sóc các bệnh truyền nhiễm	1	45	0	44	1
40	MH6140	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao	2	65	19	44	2
41	MH6141	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao	2	65	19	44	2
42	MH6142	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	65	19	44	2
43	MH6143	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	176	4
44	MH6144	Báo cáo tốt nghiệp	3	135	0	135	0

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm tra LT/ TH
Tổng			41	1365	343	986	36
II.3 Các học phần tự chọn (chọn 3 tín chỉ)							
45	MH6145	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi nâng cao	1	20	19	0	1
46	MH6146	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực nâng cao	1	20	19	0	1
47	MH6147	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (Da liễu, lao)	1	20	19	0	1
48	MH6148	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt)	2	50	19	28	3
Tổng			3	40	38	0	2
Tổng chung			97	2660	980	1591	89

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NGOẠI
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG,
HỆ CHÍNH QUY VÀ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY
(Kèm theo Quyết định số 99a/QĐ-CDYT ngày 14/4/2022)

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NGOẠI
(Mắt - Răng hàm mặt - Tai mũi họng)

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện học kỳ VI (đối với chính quy) hoặc IV (đối với liên thông).

2. Tính chất: Trang bị Cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Chăm sóc chuyên khoa hệ ngoại (Mắt; Răng hàm mặt; Tai mũi họng); Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực chuyên khoa hệ ngoại; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực chuyên khoa hệ ngoại)

II. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức:** Trình bày được: nguyên nhân, triệu chứng, biên chứng và phương pháp dự phòng một số bệnh thông thường Tai mũi họng, Mắt và Răng hàm mặt.

- **Về kỹ năng**

1. Thực hiện đúng quy định một số kỹ thuật chăm sóc về Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt thông thường.

3. Tuyên truyền giáo dục nhân dân tại cộng đồng về cách phòng các bệnh thông thường thuộc các chuyên ngành TMH, Mắt, RHM.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	I. Điều dưỡng Tai mũi họng	11	6	5	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.1	Sơ lược giải phẫu - sinh lý tai mũi họng và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tai mũi họng.	4	1	3	
1.2	Chăm sóc bệnh nhân viêm tai giữa và chăm sóc bệnh nhân viêm tai xương chũm.	1	1		
1.3	Chăm sóc bệnh nhân viêm mũi và chăm sóc bệnh nhân viêm xoang	1	1		
1.4	Chăm sóc bệnh nhân viêm V.A, viêm họng - Amydan	1	1		
1.5	Chăm sóc bệnh nhân viêm thanh quản, bệnh nhân chảy máu mũi và dị vật đường ăn - dị vật đường thở.	3	1	2	
1.6	Phát hiện sớm và chăm sóc bệnh nhân ung thư tai, mũi, họng, đầu, cổ và các loại thuốc thường dùng trong TMH	1	1		
2	II. Điều dưỡng Mắt	13	7	5	1
2.1	Giải phẫu và sinh lý mắt	3	1	1	1
2.2	Chăm sóc bệnh nhân viêm kết mạc và chăm sóc bệnh nhân viêm giác mạc, viêm loét giác mạc.	1	1		
2.3	Chăm sóc bệnh nhân glocom và bệnh nhân viêm màng bồ đào.	1	1		
2.4	Chăm sóc bệnh các bộ phận phụ thuộc của mắt và bệnh nhân đục thủy tinh thể.	2	1	1	
2.5	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương mắt	2	1	1	
2.6	Cách khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa	3	1	2	
2.7	Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa và các tiêu phẫu trong nhãn khoa	1	1		
3	III Điều dưỡng Răng hàm mặt	26	6	18	2
3.1	Giải phẫu sinh lý và tổ chức học của răng, sâu răng và dự phòng	4	1	3	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
3.2	Viêm tuỷ, viêm quanh cuống, viêm quanh răng	3	1	2	
3.3	Chỉ định, chống chỉ định nhổ răng, chăm sóc bệnh nhân sau nhổ răng và cấp cứu răng miệng: giảm đau, cầm máu	6	1	4	1
3.4	Chăm sóc răng miệng ban đầu ở tuyến y tế cơ sở	10	1	8	1
3.5	Các chấn thương vùng hàm mặt	2	1	1	
3.6	Viêm mô tế bào vùng hàm mặt và các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt	1	1		
Tổng cộng		50	19	28	3

2. Nội dung chi tiết

I. ĐIỀU DƯỠNG TAI MŨI HỌNG

Bài 1: Sơ lược giải phẫu - sinh lý tai mũi họng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được cấu tạo cơ bản của tai, mũi, họng..
2. Nêu được các hoạt động chính của tai, mũi, họng

2. Nội dung

- 2.1. Sơ lược giải phẫu tai, mũi, họng.
- 2.2. Chức năng sinh lý của tai, mũi, họng.
 - 2.2.1. Sinh lý tai.
 - 2.2.2. Sinh lý mũi.
 - 2.2.3. Sinh lý họng.

Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân viêm tai giữa và chăm sóc bệnh nhân viêm tai xương chũm.

Thời gian: 1 giờ

A. VIÊM TAI GIỮA

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm tai giữa.
2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị bệnh viêm tai giữa.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm tai giữa.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm tai giữa cấp tính
 - 2.2.2. Viêm tai giữa mãn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. VIÊM TAI XƯƠNG CHŨM

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm tai xương chũm.
2. Mô tả được các biến chứng nội sọ do tai.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm tai xương chũm hoặc có biến chứng nội sọ do tai.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm tai xương chũm mãn tính
 - 2.2.2. Viêm tai xương chũm mãn tính hồi viêm
 - 2.2.3. Viêm tai xương chũm mãn tính hồi viêm xuất ngoại
- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Viêm màng não do tai
 - 2.3.2. Áp xe não do tai
 - 2.3.3. Viêm tĩnh mạch bên do tai
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Nội khoa
 - 2.4.2. Ngoại khoa
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc bệnh nhân viêm mũi và chăm sóc bệnh nhân viêm xoang

Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM MŨI

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm mũi.

2. Trình bày và phân tích được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm mũi theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm mũi cấp tính
 - 2.2.2. Viêm mũi mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM XOANG

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm xoang.
- 2. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm xoang theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm xoang cấp tính
 - 2.2.2. Viêm xoang mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc bệnh nhân viêm V.A, viêm họng - Amydan Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM V.A

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị của bệnh viêm V.A.
- 2. Nêu được cách phòng bệnh viêm V.A.
- 3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm V.A theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Viêm nhiễm

- 2.1.2. Điều kiện thuận lợi
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm V.A cấp tính
 - 2.2.2. Viêm V.A mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM HỌNG – AMIDAN

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm họng – amidan.
2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị bệnh viêm họng – amidan.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm họng – amidan theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm họng - amidan cấp tính
 - 2.2.1.1. Do virus
 - 2.2.1.2. Do vi khuẩn
 - 2.2.1.3. Viêm họng bạch hầu
 - 2.2.2. Viêm họng - amidan mạn tính
 - 2.3. Biến chứng
 - 2.4. Hướng điều trị
 - 2.5. Phòng bệnh
 - 2.6. Chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc bệnh nhân viêm thanh quản, bệnh nhân chảy máu mũi và dị vật đường ăn - dị vật đường thở. **Thời gian: 1 giờ**

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM THANH QUẢN

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm thanh quản.
2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm thanh quản.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm thanh quản theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng

- 2.2.1. Viêm thanh quản cấp tính
 - 2.2.1.1. Viêm thanh quản cấp tính thông thường
 - 2.2.1.2. Viêm thanh quản bạch hầu
 - 2.2.1.3. Viêm thanh quản rít trẻ em
- 2.2.2. Viêm thanh quản mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH DỊCH VẬT ĐƯỜNG THỞ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng dịch vật đường thở.
2. Trình bày được cách cấp cứu ban đầu dịch vật thanh quản bằng thủ thuật Hiemlich.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh dịch vật đường thở theo đúng qui trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Hội chứng xâm nhập
 - 2.2.2. Dịch vật thanh quản
 - 2.2.3. Dịch vật khí quản
 - 2.2.4. Dịch vật phế quản
 - 2.2.5. Cận lâm sàng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

C. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH DỊCH VẬT ĐƯỜNG ĂN

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và các biến chứng do dịch vật đường ăn gây nên.
2. Nêu được các biện pháp đề phòng dịch vật đường ăn.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh dịch vật đường ăn theo đúng qui trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Giai đoạn đầu (24 giờ đầu)
 - 2.2.2. Giai đoạn viêm nhiễm
- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Viêm tấy quanh thực quản cổ
 - 2.3.2. Viêm trung thất
 - 2.3.3. Viêm màng phổi mũ
 - 2.3.4. Rò khí thực quản
 - 2.3.5. Thủng mạch máu lớn
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

D. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHẢY MÁU MŨI

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị 3 thể chảy máu mũi.
- 2. Nêu được cách phòng bệnh chảy máu mũi.
- 3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh chảy máu mũi theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại chảy máu mũi
 - 2.1.1. Chảy máu điêm mạch Kisselbach
 - 2.1.2. Chảy máu động mạch
 - 2.1.3. Chảy máu tỏa lan do mao mạch
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Cầm máu tại chỗ
 - 2.4.2. Điều trị toàn thân
 - 2.4.3. Tìm nguyên nhân điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 6: Phát hiện sớm và chăm sóc bệnh nhân ung thư tai, mũi, họng, đầu, cổ

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các yếu tố nguy cơ, các biểu hiện sớm ung thư TMH và đầu cổ.
2. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh ung thư TMH và đầu cổ theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Các yếu tố nguy cơ
- 2.2. Biểu hiện sớm khả năng bị ung thư ở vùng tai mũi họng và đầu cổ
 - 2.2.1. Ung thư vòm mũi họng
 - 2.2.2. Ung thư thanh quản – hạ họng
 - 2.2.3. Ung thư hạ họng – thanh quản
 - 2.2.4. Cận lâm sàng
- 2.3. Hướng điều trị
- 2.4. Phòng bệnh
- 2.5. Chăm sóc

II. ĐIỀU DƯỠNG MẮT

Bài 1: Giải phẫu và sinh lý mắt

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cấu tạo của mắt và các bộ phận phụ cận.
2. Nêu được tác dụng sinh lý cơ bản của mắt.

2. Nội dung

- 2.1. Nhãn cầu
 - 2.1.1. Vỏ nhãn cầu
 - 2.1.2. Màng bồ đào
 - 2.1.3. Võng mạc
- 2.2. Các môi trường trong suốt
 - 2.2.1. Giác mạc
 - 2.2.2. Thủy dịch
 - 2.2.3. Thể thủy tinh
 - 2.2.4. Dịch kính
- 2.3. Các cơ vận động nhãn cầu
 - 2.3.1. Cơ nội nhãn
 - 2.3.2. Cơ ngoại nhãn
- 2.4. Các bộ phận phụ thuộc của mắt
 - 2.4.1. Hốc mắt
 - 2.4.2. Mi mắt

2.4.3. Kết mạc

2.4.4. Tuyên lệ và lệ đạo

2.5. Các đường dẫn truyền thần kinh thị giác và trung tâm thị giác

2.5.1. Các đường thần kinh thị giác

2.5.2. Trung tâm thị giác

Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân viêm kết mạc và chăm sóc bệnh nhân viêm giác mạc, viêm loét giác mạc.

Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC BỆNH NHÂN VIÊM KẾT MẠC

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, đặc điểm của các thể bệnh viêm kết mạc.
2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh viêm kết mạc.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm kết mạc.

2. Nội dung

- 2.1. Các thể viêm kết mạc sắp xếp dựa theo tiết tổ
 - 2.1.1. Viêm kết mạc cấp tính có tiết tổ nhầy
 - 2.1.2. Viêm kết mạc có tiết tổ mũ đặc
 - 2.1.3. Viêm kết mạc có màng do liên cầu
 - 2.1.4. Viêm kết mạc mùa xuân
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Đặc điểm
- 2.4. Triệu chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM LOÉT GIÁC MẠC

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh viêm loét giác mạc.
2. Trình bày được biến chứng và hướng xử trí bệnh viêm loét giác mạc.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm loét giác mạc.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Điều kiện thuận lợi
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng xử trí

2.5.1. Nguyên tắc

2.5.2. Cụ thể

2.6. Chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc bệnh nhân glôcôm và bệnh nhân viêm màng bồ đào

Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM MÓNG MẮT

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh viêm màng mắt.
2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm màng mắt.
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm màng mắt.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Tiến triển và biến chứng
- 2.4. Hướng xử trí
 - 2.4.1. Điều trị chống dính
 - 2.4.2. Chống viêm
 - 2.4.3. Kháng sinh
 - 2.4.4. Điều trị theo nguyên nhân
 - 2.4.5. Giảm đau, an thần, giảm phù nề nội nhãn
- 2.5. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH GLÔCÔM GÓC ĐÓNG CƠN CẤP

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp
2. Trình bày được hướng xử trí và phòng bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng xử trí
- 2.4. Phòng bệnh
- 2.5. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc bệnh các bộ phận phụ thuộc của mắt và bệnh nhân đục thủy tinh thể.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được cách phân loại bệnh đục thủy tinh thể
2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí bệnh đục thủy tinh thể tuổi già
3. Trình bày được KHCS người bệnh đục thủy tinh thể

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng xử trí
- 2.4. Chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc bệnh nhân chấn thương mắt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng, cách xử trí vết thương xuyên thủng ở mắt
2. Trình bày cách xử trí và theo dõi được xuất huyết tiền phòng
3. Trình bày được KHCS người bệnh chấn thương mắt

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Phân loại
 - 2.2.1. Chấn thương xuyên thủng
 - 2.2.2. Chấn thương đung dập
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Đề phòng chấn thương mắt
- 2.5. Chăm sóc

Bài 6: Cách khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được qui trình khám các chức năng thị giác
2. Đọc được kết quả bình thường của chức năng thị giác
3. Mô tả được ác bước tiến hành thử thị lực, đo nhãn áp, đo thị trường

2. Nội dung

- 2.1. Thị lực
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên tắc đo thị lực
 - 2.1.3. Phương pháp đo thị lực
- 2.2. Nhãn áp
 - 2.2.1. Định nghĩa

- 2.2.2. Chi định – chống chi định
- 2.2.3. Phương pháp đo nhãn áp
- 2.3. Thị trường
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Chi định
 - 2.3.3. Phương pháp đo
 - 2.3.4. Kết quả

Bài 7: Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa và các tiểu phẫu trong nhãn khoa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Kể được các thuốc thường dùng trong nhãn khoa.
- 2. Mô tả được các tiểu phẫu trong nhãn khoa

2. Nội dung

- 2.1. Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa
- 2.2. Các tiểu phẫu trong nhãn khoa.

III. ĐIỀU DƯỠNG RĂNG HÀM MẶT

Bài 1: Giải phẫu sinh lý và tổ chức học của răng, sâu răng và dự phòng

Thời gian: 1 giờ

A. GIẢI PHẪU SINH LÝ RĂNG MIỆNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được số lượng, tên của răng sữa và răng vĩnh viễn
- 1.2. Mô tả được hình thể giải phẫu, cấu tạo của răng và vùng quanh răng
- 1.3. So sánh được sự khác biệt giữa răng sữa và răng vĩnh viễn
- 1.4. Trình bày được sinh lý mọc – tha răng và gọi được tên răng

2. Nội dung

- 2.1. Số lượng răng
 - 2.1.1. Răng sữa
 - 2.1.2. Răng vĩnh viễn
- 2.2. Hình thể giải phẫu của răng
 - 2.2.1. Hình thể ngoài
 - 2.2.2. Số lượng chân răng
 - 2.2.3. Phân biệt răng sữa và răng vĩnh viễn
- 2.3. Cấu tạo vùng quanh răng
- 2.4. Cấu tạo răng

- 2.4.1. Men răng
- 2.4.2. Ngà răng
- 2.4.3. Tủy răng
- 2.5. Cách gọi tên răng
- 2.6. Sinh lý răng
 - 2.6.1. Tuổi mọc răng sữa
 - 2.6.2. Tuổi mọc răng vĩnh viễn

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SÂU RĂNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Vẽ và giải thích được sơ đồ Keyes
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và các biện pháp phòng bệnh sâu răng
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh sâu răng

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân gây sâu răng và diễn biến quá trình sâu răng
 - 2.2.1. Răng
 - 2.2.2. Vi khuẩn
 - 2.2.3. Chất nền
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Sâu men
 - 2.3.2. Sâu ngà
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Chăm sóc

Bài 2: Viêm tủy, viêm quanh cuống, viêm quanh răng Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM TỦY VÀ VIÊM QUANH CUỐNG RĂNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được các nguyên nhân dẫn đến viêm tủy
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị cho người bệnh viêm tủy và viêm quanh cuống răng
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm tủy và viêm quanh cuống răng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Viêm tủy răng

- 2.1.2. Viêm quanh cuống răng
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Tiến triển và biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM LỢI – VIÊM QUANH RĂNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được các nguyên nhân viêm lợi – viêm quanh răng
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị viêm lợi – viêm quanh răng
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm lợi – viêm quanh răng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Tại chỗ
 - 2.1.2. Toàn thân
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Tiến triển và biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

Bài 3: Chỉ định, chống chỉ định nhổ răng, chăm sóc bệnh nhân sau nhổ răng và cấp cứu răng miệng: giảm đau, cầm máu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu và phân tích được chỉ định và chống chỉ định nhổ răng
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng một số tai biến thường gặp khi nhổ răng
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh nhổ răng

2. Nội dung

- 2.1. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng
- 2.2. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng, nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí
 - 2.2.1. Ngát xiu
 - 2.2.2. Chảy máu kéo dài
 - 2.2.3. Viêm ổ răng

2.3. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc răng miệng ban đầu ở tuyến y tế cơ sở**Thời gian: 1 giờ****1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được nội dung công tác chăm sóc răng miệng ban đầu, công tác nha học đường và các biện pháp phòng bệnh răng miệng
- 1.2. Nêu được các tổn thương nghi ngờ ung thư ở vùng miệng

2. Nội dung

2.1. Nội dung

2.1.1. Giáo dục nha khoa

2.1.2. Hoạt động phòng bệnh

2.1.3. Hoạt động điều trị

2.2. Các biện pháp dự phòng bệnh răng miệng

2.2.1. Phòng bệnh sâu răng

2.2.2. Phòng bệnh vùng quanh răng

2.2.3. Phòng các bệnh ung thư vùng miệng

2.2.4. Phát hiện được các biểu hiện của HIV/AIDS tại vùng miệng và hàm mặt

2.3. Các hoạt động điều trị

2.4. Công tác chăm sóc răng miệng ban đầu ở cơ sở nha học đường

2.4.1. Lý do thực hiện công tác nha học đường

2.4.2. Nội dung công tác nha học đường

2.4.3. Các hình thức của công tác nha học đường

Bài 5: Các chấn thương vùng hàm mặt**Thời gian: 1 giờ****1. Mục tiêu**

- 1.1. Phân loại được các chấn thương phần mềm vùng hàm mặt
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị gãy xương hàm
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh chấn thương hàm mặt

2. Nội dung

2.1. Phân loại chấn thương phần mềm

2.2. Gãy xương

2.2.1. Gãy xương hàm dưới

2.2.2. Gãy xương hàm trên

2.3. Hướng điều trị

2.4. Chăm sóc

Bài 6: Viêm mô tế bào vùng hàm mặt và các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được các nguyên nhân gây viêm mô tế bào vùng hàm mặt
- 1.2. Mô tả được triệu chứng của các giai đoạn viêm mô tế bào vùng hàm mặt
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm mô tế bào vùng hàm mặt

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Do răng
 - 2.1.2. Không do răng
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Viêm tụ
 - 2.2.2. Viêm tấy
- 2.3. Một số thể định khu
 - 2.3.1. Áp xe vùng má
 - 2.3.2. Áp xe vùng cơ cắn
 - 2.3.3. Áp xe vùng mang tai
 - 2.3.4. Áp xe dưới hàm
 - 2.3.5. Áp xe vùng dưới cằm
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Toàn thân
 - 2.4.2. Tại chỗ
- 2.5. Chăm sóc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** lý thuyết
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Trình bày được: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và phương pháp dự phòng một số bệnh thông thường Tai mũi họng, Mắt và Răng hàm mặt.

- **Kỹ năng**

+ Thực hiện đúng quy định một số kỹ thuật chăm sóc về Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt thông thường.

+ Tuyên truyền giáo dục nhân dân tại cộng đồng về cách phòng các bệnh thông thường thuộc các chuyên ngành TMH, Mắt, RHM.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp

- Áp dụng Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, số 161a/QĐ-CDYT ngày 22/5/2017

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: thi lý thuyết, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên:

+ Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

+ Thực hành bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các Khoa Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Mắt và phòng khám của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực tập có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về giải phẫu sinh lý, kiểm soát nhiễm khuẩn, nhu cầu dinh dưỡng; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại.

MỤC LỤC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	11
Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN	20
Tên môn học: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Y	33
Tên môn học: TIN HỌC	37
Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC	47
Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN.....	52
Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH	56
Tên môn học: HÓA HỌC.....	60
Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT.....	64
Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH.....	71
Tên môn học: GIẢI PHẪU VÀ SINH LÝ	85
Tên môn học: HÓA SINH.....	91
Tên môn học: VI SINH VẬT VÀ KÝ SINH TRÙNG	95
Tên môn học: SINH LÝ BỆNH	101
Tên môn học: DƯỢC LÝ	112
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1	120
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 2	125
Tên môn học: NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI.....	131
Tên môn học: SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH	135
Tên môn học: DINH DƯỠNG VÀ TIẾT CHẾ.....	139
Tên môn học: PHÁP LUẬT	144
Tên môn học: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ.....	150
Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC	157
Tên môn học: Y HỌC CỔ TRUYỀN.....	161
Tên môn học: GIAO TIẾP VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE	166
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN	170
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA	175
Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC....	180
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI.....	185
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA	190
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM	196
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH	203

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN.....	210
Tên môn học: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	216
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG.....	222
Tên môn học: QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG.....	225
Tên môn học: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	230
Tên môn học: DỊCH TỄ VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM.....	233
Tên môn học: THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM..	239
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA NÂNG CAO	242
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA NÂNG CAO	248
Tên môn học: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG.....	252
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI NÂNG CAO	256
Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC NÂNG CAO	259
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NỘI (Da liễu - Lao).....	264
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NGOẠI.....	269
Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP.....	284
Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP.....	287

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/QĐ-CDYT ngày 18 tháng 02 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

Tên ngành, nghề: ĐIỀU DƯỠNG

Mã ngành, nghề: 6720301

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Đối tượng tuyển sinh: TỐT NGHIỆP THPT HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG

Thời gian đào tạo: 3 NĂM (6 học kỳ)

I. Mục tiêu đào tạo

1. Mục tiêu chung

1. Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

-Số lượng môn học, mô đun: 46 (có 02 môn học tự chọn).

-Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 96 tín chỉ (2630 giờ).

-Khối lượng các môn học chung/đại cương: 555 giờ.

-Khối lượng các môn học, học phần chuyên môn: 2075 giờ.

-Khối lượng lý thuyết, kiểm tra: 1027 giờ (39%). Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1603 giờ (61%).

-Thời gian khóa học: Tích lũy tín chỉ (06 học kỳ).

3. Nội dung chương trình

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm tra LT/ TH
I		Các môn học chung, đại cương					
1	MH6101	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	MH6102	Tiếng Anh cơ bản	6	120	42	72	6
3	MH6103	Tiếng Anh chuyên ngành Y	2	40	39	0	1
4	MH6104	Tin học	3	75	15	58	2
5	MH6105	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
6	MH6106	Sinh học và di truyền	1	20	19	0	1
7	MH6107	Vật lý đại cương và lý sinh	1	20	19	0	1
8	MH6108	Hóa học	1	20	19	0	1
9	MH6109	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
10	MH6110	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
11	MH6121	Pháp luật	2	30	18	10	2
		Tổng	27	585	272	284	29
II		Các môn học chuyên môn					
II.1		Môn học cơ sở					
12	MH6111	Giải phẫu và sinh lý	3	70	39	29	2
13	MH6112	Hoá sinh	1	20	19	0	1
14	MH6113	Vi sinh vật và ký sinh trùng	2	50	19	29	2
15	MH6114	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm tra LT/ TH
16	MH6115	Dược lý	2	50	19	29	2
17	MH6116	Điều dưỡng cơ sở I	3	70	39	29	2
18	MH6117	Điều dưỡng cơ sở II	4	100	39	59	2
19	MH6118	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	20	19	0	1
20	MH6119	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh	2	50	19	29	2
21	MH6120	Dinh dưỡng và tiết chế	1	20	19	0	1
22	MH6122	Tổ chức và quản lý y tế	2	40	39	0	1
23	MH6123	Đạo đức hành nghề Y dược	1	20	19	0	1
24	MH6124	Y học cổ truyền	3	110	19	89	2
Tổng			26	640	327	293	20
II.2	Môn học chuyên môn						
25	MH6125	Giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2	50	19	29	2
26	MH6126	Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	2	50	19	29	2
27	MH6127	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	3	110	19	89	2
28	MH6128	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	65	19	44	2
29	MH6129	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	2	65	19	44	2
30	MH6130	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	2	65	19	44	2
31	MH6131	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	65	19	44	2
32	MH6132	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	65	19	44	2
33	MH6133	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	65	19	44	2
34	MH6134	Phục hồi chức năng	2	65	19	44	2
35	MH6135	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	65	19	44	2
36	MH6136	Quản lý điều dưỡng	1	20	19	0	1
37	MH6137	Nghiên cứu khoa học	1	20	19	0	1
38	MH6138	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1
39	MH6139	THBV Chăm sóc các bệnh truyền nhiễm	1	45	0	44	1
40	MH6140	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao	2	65	19	44	2

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm tra LT/ TH
41	MH6141	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao	2	65	19	44	2
42	MH6142	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	65	19	44	2
43	MH6143	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	176	4
44	MH6144	Báo cáo tốt nghiệp	3	135	0	135	0
Tổng			41	1365	343	986	36
II.3 Các học phần tự chọn (chọn 2 tín chỉ)							
45	MH6145	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi nâng cao	1	20	19	0	1
46	MH6146	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực nâng cao	1	20	19	0	1
47	MH6147	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (Da liễu, lao)	1	20	19	0	1
48	MH6148	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt)	1	20	19	0	1
Tổng			2	40	38	0	2
Tổng chung			96	2630	980	1563	87

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Đoàn thanh niên và Phòng Công tác sinh viên xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa cụ thể theo tình hình thực tế của từng năm học và công bố vào đầu mỗi năm học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun, mô đun

Thi kết thúc học phần

- Hình thức thi: thi tập trung, câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm MCQ.
- Thời điểm thi: sau khi dạy và học xong một học phần.
- Bộ phận thực hiện: các khoa có trách nhiệm phối hợp với phòng đào tạo và phòng khảo thí cho sinh viên thi kết thúc học phần.

4.4. Hướng dẫn báo cáo tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Làm khóa luận hoặc quy trình điều dưỡng chăm sóc trên người bệnh tại các khoa thực tập tốt nghiệp.

- Nội dung:

- + KH chăm sóc người bệnh nội khoa
- + KH chăm sóc người bệnh ngoại khoa
- + KH chăm sóc bệnh nhi
- + KH chăm sóc người bệnh truyền nhiễm
- + KH Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực.

- Hình thức: Sinh viên trình bày báo cáo khóa luận hoặc quy trình điều dưỡng chăm sóc trên người bệnh trước hội đồng.

- Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và phải hoàn thành báo cáo tốt nghiệp đạt yêu cầu để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cao đẳng điều dưỡng theo quy định hiện hành.

4.5. Chú ý khác

4.5.1. Chuẩn đầu ra:

Tiêu chuẩn 1: Thể hiện sự hiểu biết về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 2: Ra quyết định chăm sóc phù hợp với nhu cầu của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 3: Xác định ưu tiên chăm sóc dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 4: Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng.

Tiêu chuẩn 5: Tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh

Tiêu chuẩn 6: Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình.

Tiêu chuẩn 7: Dùng thuốc đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Tiêu chuẩn 8: Đảm bảo chăm sóc liên tục.

Tiêu chuẩn 9: Sơ cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu.

Tiêu chuẩn 10: Thiết lập được mối quan hệ tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp.

Tiêu chuẩn 11: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh.

Tiêu chuẩn 12: Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông và phương tiện nghe nhìn trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh.

Tiêu chuẩn 13: Cung cấp thông tin cho người bệnh, người nhà về tình trạng sức khỏe hiệu quả và phù hợp.

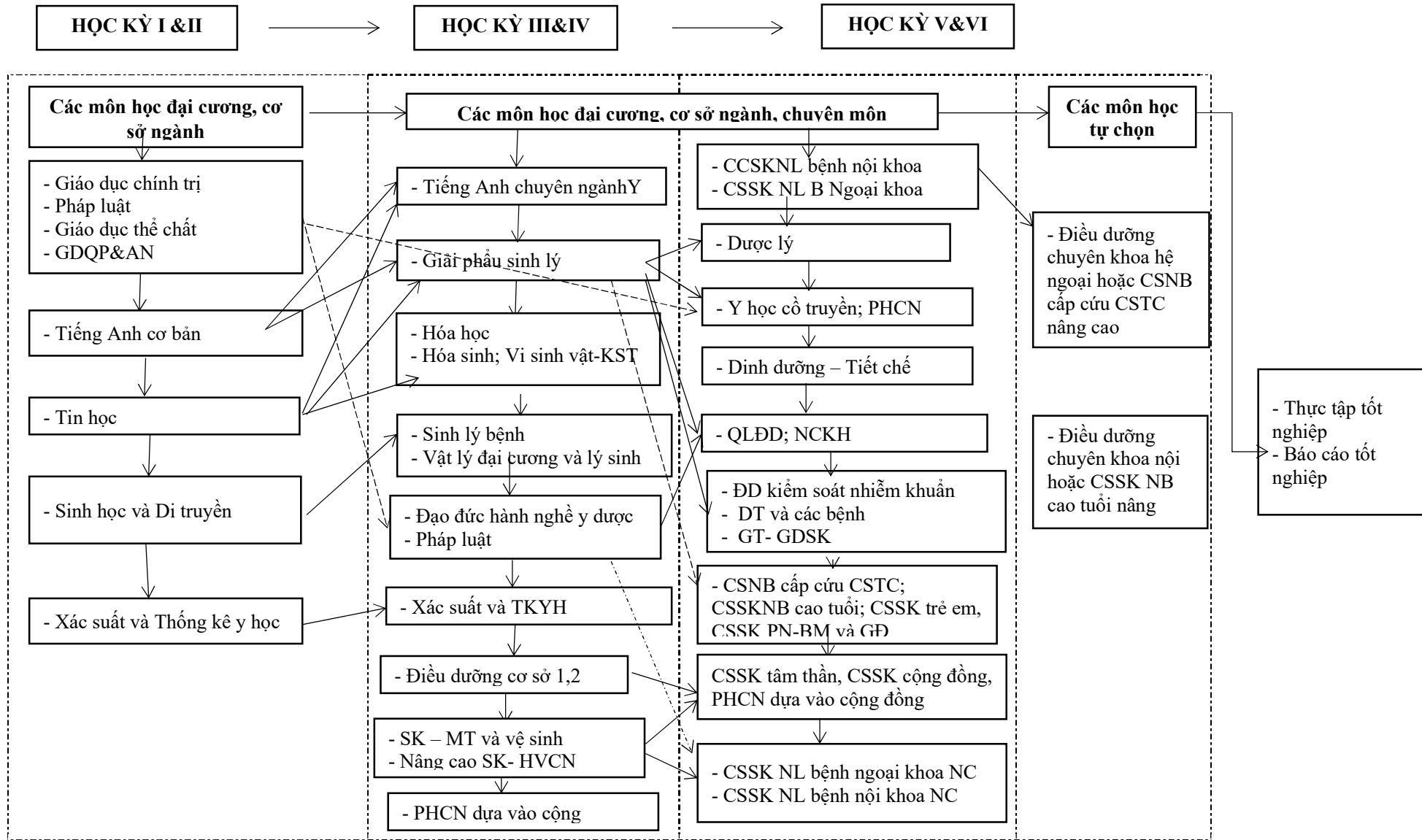
Tiêu chuẩn 14: Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 15: Hợp tác với thành viên trong nhóm.

Tiêu chuẩn 16: Quản lý, ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo qui định.

- Tiêu chuẩn 17: Quản lý công tác chăm sóc người bệnh.
- Tiêu chuẩn 18: Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị có hiệu quả.
- Tiêu chuẩn 19: Sử dụng nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả.
- Tiêu chuẩn 20: Thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.
- Tiêu chuẩn 21: Cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc.
- Tiêu chuẩn 22: Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng.
- Tiêu chuẩn 23: Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp.
- Tiêu chuẩn 24: Hành nghề theo quy định của pháp luật,
- Tiêu chuẩn 25: Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



4.5.2. Kế hoạch dạy học

T T	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Kiểm tra
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	
I	Học kỳ I						
1	MH6101	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	MH6102	Tiếng Anh cơ bản	6	120	42	72	6
3	MH6121	Pháp luật	2	30	18	10	2
4	MH6106	Sinh học và di truyền	1	20	19	0	1
5	MH6109	Giáo dục thể chất ^(*)	2	60	5	51	4
6	MH6110	Giáo dục Quốc phòng và an ninh ^(*)	3	75	36	35	4
	Tổng cộng		18	380	161	197	22
II	Học kỳ II						
7	MH6116	Điều dưỡng cơ sở I	3	70	39	29	2
8	MH6117	Điều dưỡng cơ sở II	4	100	39	59	2
9	MH6111	Giải phẫu sinh lý	3	70	39	29	2
10	MH6104	Tin học	3	75	15	58	2
11	MH6105	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
12	MH6108	Hóa học	1	20	19	0	1
13	MH6107	Vật lý đại cương và Lý sinh	1	20	19	0	1
14	MH6112	Hóa sinh	1	20	19	0	1
	Tổng cộng		18	425	208	204	13
III	Học kỳ III						
15	MH6123	Đạo đức hành nghề Y dược	1	20	19	0	1
16	MH6119	Sức khỏe – Môi trường và vệ sinh	2	50	19	29	2
17	MH6103	Tiếng Anh chuyên ngành Y	2	40	39	0	1
18	MH6113	Vĩ sinh vật – Ký sinh trùng	2	50	19	29	2
19	MH6138	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1
20	MH6114	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1
21	MH6120	Dinh dưỡng – Tiết chế	1	20	19	0	1
22	MH6130	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	2	65	19	44	2
23	MH6127	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	3	110	19	89	2
	Tổng cộng		16	415	211	191	13
IV	Học kỳ IV						
24	MH6137	Nghiên cứu khoa học	1	20	19	0	1
25	MH6122	Tổ chức và quản lý y tế	2	40	39	0	1
26	MH6126	Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	2	50	19	29	2
27	MH6118	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	20	19	0	1
28	MH6115	Dược lý	2	50	19	29	2

T T	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Kiểm tra
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	
29	MH6124	Y học cổ truyền	3	110	19	89	2
30	MH6125	Giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2	50	19	29	2
31	MH6128	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	65	19	44	2
Tổng cộng			15	405	172	220	13
V	Học kỳ V						
32	MH6129	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	2	65	19	44	2
33	MH6133	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	65	19	44	2
34	MH6136	Quản lý điều dưỡng	1	20	19	0	1
35	MH6131	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	65	19	44	2
36	MH6132	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	65	19	44	2
37	MH6134	Phục hồi chức năng	2	65	19	44	2
38	MH6135	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	65	19	44	2
39	MH6142	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	65	19	44	2
Tổng cộng			15	475	152	308	15
VI	Học kỳ VI						
40	MH6139	THBV Chăm sóc các bệnh truyền nhiễm	1	45	0	44	1
41	MH6140	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao	2	65	19	44	2
42	MH6141	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao	2	65	19	44	2
43	MH6145	CSSK NB cao tuổi nâng cao (môn tự chọn 1)	1	20	19	0	1
	MH6147	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (Da liễu, lao)	1	20	19	0	1
44	MH6146	CSSKNB CC - CSTC nâng cao (môn tự chọn 2)	1	20	19	0	1
	MH6148	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt)	1	20	19	0	1
45	MH6143	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	176	4
46	MH6144	Báo cáo tốt nghiệp	3	135	0	135	
Tổng cộng			14	530	76	443	11
Tổng chung			96	2630	980	1563	87

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 1

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học: MH6101

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 41 giờ; Thực hành (Thảo luận): 29 giờ; Kiểm tra 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện trong học kỳ I. Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; Góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; Nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất môn học
- 2.2. Mục tiêu của môn học
- 2.3. Nội dung chính
- 2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
2. Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
 - 2.2.1. Triết học Mác - Lênin
 - 2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
 - 2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
2. Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Nguồn gốc
 - 2.1.3. Quá trình hình thành
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại
 - 2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân
 - 2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân
 - 2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân
 - 2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
 - 2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau
- 2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
- 2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay
 - 2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
 - 2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
2. Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

- 2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam
 - 2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- 2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng
- 2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng
 - 2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc
 - 2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được

- 1. Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- 2. Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
 - 2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
 - 2.1.2. Do nhân dân làm chủ
 - 2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp
 - 2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
 - 2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
 - 2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
 - 2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
 - 2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- 2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
 - 2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
 - 2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
 - 2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
 - 2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
 - 2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
 - 2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
 - 2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
 - 2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
2. Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
2. Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2. Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

2. Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

2. Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường, thực hành giảng dạy tại phòng thực hành ở trường.

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu giảng dạy; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu

- **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học chung.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

VIII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

21. Giáo trình môn học Giáo dục chính trị của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 2

Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN

Mã môn học: MH6102

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành (Thảo luận): 72 giờ; Kiểm tra: 6 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện trong học kỳ I. Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

- Về kỹ năng

1. Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

2. Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

3. Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng

ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

4. **Kỹ năng viết:** Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
11	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
12	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
13	Bài 11: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
14	Bài 12: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
Tổng cộng		120	42	72	6

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
2. Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
3. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;

4. Nói về bản thân và gia đình;
5. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
6. Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN RÃNH RỐI (LEISURE TIME)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
2. Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
3. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
4. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
5. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
6. Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các môn thể thao;
- 2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;
- 2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;
- 2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
2. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
3. Hỏi đường và chỉ đường;
4. Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
5. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung**2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiêm khuyết Should/shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
2. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
3. Hỏi về số lượng;
4. Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
5. Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;
- 2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;
- 2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;
- 2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- 2.3.2. Bài tập True/False;
- 2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;
- 2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với **much** hoặc **many**;
- 2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;
- 2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
2. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
3. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
5. Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;
- 2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;
- 2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì hiện tại đơn;
- 2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
2. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
3. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
5. Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
2. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
3. Nói về các hoạt động hàng ngày;
4. Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
5. Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;

2. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
3. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
4. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
5. Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;
- 2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 9. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

2. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
3. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
4. Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
5. Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Lễ hội;
- 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
- 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
2. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
3. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
4. Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
5. Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;
- 2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. So sánh hơn (Comparative);
- 2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My travel page;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
2. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
3. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
5. Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các thiết bị công nghệ;
- 2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;
- 2.2.2. Cấu trúc How long...?;
- 2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 12. MUA SẮM (SHOPPING)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
2. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
3. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
5. Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác: Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

- **Về kỹ năng:**

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích; các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Giảng viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động

nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giảng viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

9. Giáo trình môn học Tiếng Anh cơ bản của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 3

Tên môn học: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Y

Mã môn học: MH6103

Thời gian thực hiện: 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III, trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao về ngữ pháp, vốn từ vựng chuyên ngành, nâng cao kỹ năng viết, đọc, nghe và biên dịch các tài liệu về chuyên môn. Hỗ trợ sinh viên nghiên cứu các tài liệu tiếng Anh về chuyên môn.

2. Tính chất: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Đọc hiểu và dịch các tài liệu chuyên môn đơn giản.
- Đọc được tiếng Anh và sử dụng được thuật ngữ Y học
- Sử dụng được một số từ trong Y học.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

Đọc, dịch được các bài khóa, nghe, nói, viết được bằng tiếng Anh các từ ngữ liên quan chuyên môn.

- Kỹ năng

Áp dụng các từ ngữ các cấu trúc ngữ pháp trong chương trình học để đọc, viết, nói và giao tiếp với người nước ngoài.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thể hiện ý thức sử dụng tiếng Anh phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: The contents related to hospital and work in the hospital	13	13		
1	Bài 1. The hospital team	4	4		
2	Bài 2. In and around the hospital	2	2		
3	Bài 3. Hospital admission	2	2		
4	Bài 4. Accident and emergencies	2	2		
5	Bài 5. Pain	3	3		
	Chương 2: Symptoms related to disease, care and nutrition	13	13		
6	Bài 6. Symptoms	4	4		
7	Bài 7. Caring for the elderly	2	2		
8	Bài 8. Nutrition and obesity	2	2		
9	Bài 9. Blood	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
10	Bài 10. Death and dying	3	3		
	Chương 3: Content related care and disease management	14	13		
11	Bài 11. Hygiene	4	4		
12	Bài 12. Mental health nursing	2	2		
13	Bài 13. Monitoring the patient	2	2		
14	Bài 14. Medication	2	2		
15	Bài 15. Alternative treatments.	4	3		1
Tổng cộng		40	39		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Các nội dung liên quan bệnh viện và công việc trong bệnh viện (The contents related to hospital and work in the hospital). Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan đến bệnh viện và công việc trong bệnh viện.

2. Nội dung

- 2.1. The hospital team
 - 2.1.1. Read vocabulary
 - 2.1.2. Basic grammatical structure
 - 2.1.3. Read and translate the lesson
- 2.2. In and around the hospital
 - 2.2.1. Read vocabulary
 - 2.2.2. Basic grammatical structure
 - 2.2.3. Read and translate the lesson
- 2.3. Hospital admission
 - 2.3.1. Read vocabulary
 - 2.3.2. Basic grammatical structure
 - 2.3.3. Read and translate the lesson
- 2.4. Accident and emergencies
 - 2.4.1. Read vocabulary
 - 2.4.2. Basic grammatical structure
 - 2.4.3. Read and translate the lesson
- 2.5. Pain
 - 2.5.1. Read vocabulary
 - 2.5.2. Basic grammatical structure
 - 2.5.3. Read and translate the lesson

Chương 2: Các nội dung liên quan triệu chứng bệnh, chăm sóc và dinh dưỡng (Symptoms related to disease, care and nutrition). Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan các triệu chứng bệnh, chăm sóc và dinh dưỡng.

2. Nội dung

- 2.1. Symptoms
 - 2.1.1. Read vocabulary
 - 2.1.2. Basic grammatical structure
 - 2.1.3. Read and translate the lesson
- 2.2. Caring for the elderly
 - 2.2.1. Read vocabulary
 - 2.2.2. Basic grammatical structure
 - 2.2.3. Read and translate the lesson
- 2.3. Nutrition and obesity
 - 2.3.1. Read vocabulary
 - 2.3.2. Basic grammatical structure
 - 2.3.3. Read and translate the lesson
- 2.4. Blood
 - 2.4.1. Read vocabulary
 - 2.4.2. Basic grammatical structure
 - 2.4.3. Read and translate the lesson
- 2.5. Death and dying
 - 2.5.1. Read vocabulary
 - 2.5.2. Basic grammatical structure
 - 2.5.3. Read and translate the lesson

Chương 3: Content related care and disease management Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan chăm sóc và quản lý bệnh.

2. Nội dung: Các nội dung liên quan chăm sóc và quản lý bệnh (content related care and disease management)

- 2.1. Hygiene
 - 2.1.1. Read vocabulary
 - 2.1.2. Basic grammatical structure
 - 2.1.3. Read and translate the lesson
- 2.2. Mental health nursing
 - 2.2.1. Read vocabulary
 - 2.2.2. Basic grammatical structure
 - 2.2.3. Read and translate the lesson
- 2.3. Monitoring the patient
 - 2.3.1. Read vocabulary
 - 2.3.2. Basic grammatical structure
 - 2.3.3. Read and translate the lesson
- 2.4. Medication
 - 2.4.1. Read vocabulary

- 2.4.2. Basic grammatical structure
- 2.4.3. Read and translate the lesson
- 2.5. Alternative treatments.
- 2.5.1. Read vocabulary
- 2.5.2. Basic grammatical structure
- 2.5.3. Read and translate the lesson

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Giảng dạy theo quy định của giáo trình môn học.
- **Kỹ năng:** Giảng viên thuyết trình, giảng dạy.
- **Năng lực tự chủ:** Học sinh học lý thuyết tại hội trường dưới sự hỗ trợ của phương tiện trực quan Projector, máy vi tính và thực hành tại lớp dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên.

2. Phương pháp đánh giá

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học đại cương.

2. Phương pháp giảng dạy

- Đối với giảng viên: Phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

Tài liệu tham khảo

1. Nursing 1 – Student’s book, Tony Grice, Oxford English for Careers.
2. Giáo trình môn học Tiếng Anh chuyên ngành y của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 4

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học: MH6104

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ II. Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

- Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

- Về kỹ năng

1. Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

2. Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

3. Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

4. Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

5. Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

6. Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

7. Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

8. Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

1. Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

2. Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

- 2.4.1. Những khái niệm cơ bản
- 2.4.2. Internet, Intranet, Extranet
- 2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng
 - 2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng
 - 2.4.3.2. Tốc độ truyền
 - 2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)
- 2.4.4. Phương tiện truyền thông
 - 2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
 - 2.4.4.2. Băng thông
 - 2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
- 2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

- 2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
- 2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

- 2.6.1. An toàn lao động
- 2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

- 2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu
- 2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

- 2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ
- 2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;
2. Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung**2.1. Làm việc với hệ điều hành**

- 2.1.1. Windows là gì?
- 2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
- 2.1.3. Desktop
- 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
- 2.1.5. Menu Start

- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
- 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

- 2.3.1. Khởi động Control Panel
- 2.3.2. Region and Language
- 2.3.3. Devices and Printers
- 2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

- 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
- 2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

- 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
- 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
- 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

- 2.8.1. Lựa chọn máy in
- 2.8.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng

1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;
2. Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

- 2.1.1. Khái niệm văn bản.
- 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

- 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

- 2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word
- 2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word
- 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
 - 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
 - 2.2.2.3. Lưu tập tin
 - 2.2.2.4. Đóng tập tin
- 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
 - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
 - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
 - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
 - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
 - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
 - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
 - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
 - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
 - 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
 - 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
 - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
 - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
 - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

Thời gian: 29 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng

1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
2. Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

2.6.2. Hàm

2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng

1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

2. Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng

1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
2. Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
3. Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
- 2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
 - 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
 - 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
 - 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
 - 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
 - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
 - 2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)
 - 2.2.2.3. Lưu nội dung
 - 2.2.2.4. In
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
 - 2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử
 - 2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử
 - 2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử
 - 2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

- 2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
- 2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
- 2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

- 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016.

12. Giáo trình môn học Tin học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 5

Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC

Mã môn học: MH6105

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 29 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện trong học kỳ II.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những ứng dụng và xử lý thống kê. Môn học cũng cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thống kê y học. Nội dung bao gồm những vấn đề căn bản về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;
2. Mô tả các qui luật của hiện tượng ngẫu nhiên;
3. Nêu được khái niệm về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

- Về kỹ năng

1. Tính được xác suất các biến cố;
2. Xử lý số liệu – ước lượng các tham số của dân số.
3. Xử lý số liệu - ước lượng các tham số của dân số.
4. Kiểm định được một giả thuyết thống kê.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Áp dụng kiến thức đã học của môn học để ứng dụng thực tiễn trong nghiên cứu về chuyên môn.

2. Thể hiện ý thức sử dụng thống kê trong y học để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Biến cố và xác suất	4	2	2	
2	Chương 2: Các định lý xác suất	4	2	2	
3	Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc	4	1	3	
4	Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục	4	2	2	
5	Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu	4	1	3	
6	Chương 6: Ước lượng tham số	6	2	3	1
7	Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số: Thống kê, phân phối và biến số	2	1	1	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
8	Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui	22	8	13	1
	Ước lượng	4	2	2	
	Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ	3	1	2	
	Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R	3	1	2	
	Kiểm định chi bình phương bằng R	3	1	2	
	Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R	3	1	2	
	Tương quan hồi quy	3	1	2	
	Thực hành tính khoảng tin cậy	3	1	1	1
Tổng cộng	50	19	29	2	

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Biến cố xác suất và các phép toán xác suất Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Hiểu rõ các khái niệm phép thử, biến cố, cách đặt biến cố, phân biệt các loại biến cố.
2. Hiểu khái niệm xác suất, điều kiện quy ước của xác suất.
3. Biết tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. Biết tính số kết cục theo các phương pháp: liệt kê, bảng, và công thức giải tích tổ hợp

2. Nội dung

- 2.1. Biến cố xác suất và các phép toán xác suất
 - 2.1.1. Phép thử và biến cố
 - 2.1.2. Xác suất của biến cố
 - 2.1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất
 - 2.1.4. Mối liên hệ giữa các biến cố

Chương 2: Các định lý xác suất

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Biết cách biểu diễn biến cố đang quan tâm qua tổng hoặc tích của các biến cố liên quan.
2. Nắm được nội dung của định lý nhân và cộng xác suất.
3. Biết cách vận dụng định lý nhân với tích các biến cố và định lý cộng với tổng các biến cố để tính xác suất của biến cố trong từng bài toán.
4. Nhận dạng được bài toán tuân theo lược đồ Bernoulli, biết áp dụng công thức tính xác suất và tra bảng trong các bài toán
5. Biết xác định nhóm biến cố đầy đủ có ảnh hưởng đến biến cố đang quan tâm và biết áp dụng công thức xác suất đầy đủ để giải quyết bài toán.

2. Nội dung

- 2.1. Các định lý xác suất
 - 2.1.1. Định lý nhân xác suất.
 - 2.1.2. Định lý cộng xác suất.

2.1.3. Định lý Bernoulli

2.1.4. Công thức xác suất đầy đủ

Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên và phân biệt được hai loại biến ngẫu nhiên.
2. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.
3. Tính các tham số: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.
4. Biết sử dụng quy luật Không – Một và quy luật Nhị thức để tính xác suất và các tham số đặc trưng.
5. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên 2 chiều rời rạc và tính được một số tham số đặc trưng.

2. Nội dung

2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc

2.1.1. Khái niệm và phân loại biến ngẫu nhiên.

2.1.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

2.1.3. Các tham số đặc trưng: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Không – Một.

2.1.5. Biến ngẫu nhiên phân phối Nhị thức.

2.1.6. Khái niệm và các tham số của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc.

Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Hiểu KN biến ngẫu nhiên liên tục, đánh giá đồ thị hàm mật độ xác suất.
2. Biết cách tra bảng để tìm xác suất của phân phối Chuẩn hoá.
3. Biết áp dụng công thức tính XS của biến phân phối chuẩn trong các bài toán.
4. Biết cách tra bảng để tìm chính xác các giá trị tới hạn.

2. Nội dung

2.1. Biến ngẫu nhiên liên tục

2.1.1. Biến ngẫu nhiên liên tục và hàm mật độ xác suất.

2.1.2. Biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn

2.1.3. Biến ngẫu nhiên phân phối Khi – bình phương

2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Student

Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Hiểu và phân biệt khái niệm Tổng thể và mẫu;
2. Hiểu và phân biệt khái niệm Tham số và Thống kê;
3. Tính chính xác các thống kê đặc trưng mẫu bằng máy tính bấm tay;
4. Nhớ được quy luật liên hệ để áp dụng tra bảng số.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết mẫu

2.1.1. Khái niệm cơ bản.

2.1.2. Tổng thể nghiên cứu.

2.1.3. Mẫu ngẫu nhiên.

2.1.4. Thống kê.

2.1.5. Quy luật phân phối xác suất liên hệ

Chương 6: Ước lượng tham số

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Hiểu được khái niệm ước lượng;
2. Tìm được ước lượng không lệch, hiệu quả trong số các ước lượng đã cho;
3. Với số liệu mẫu, ước lượng được các tham số tổng thể và suy luận từ đó.

2. Nội dung

- 2.1.1. Lý thuyết ước lượng.
- 2.1.2. Ước lượng trung bình tổng thể.
- 2.1.3. Ước lượng phương sai tổng thể.
- 2.1.4. Ước lượng tỷ lệ tổng thể.

Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nêu được khái niệm thống kê và ứng dụng thống kê trong y học, phân biệt được các loại biến số.

2. Nội dung

Thống kê, phân phối và biến số

Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui

Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các ứng dụng của phân phối mẫu trong việc ước lượng, kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui.

2. Nội dung

- 2.1. Ước lượng
- 2.2. Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ
- 2.3. Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R
- 2.4. Kiểm định chi bình phương bằng R
- 2.5. Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R
- 2.6. Tương quan hồi quy
- 2.7. Thực hành tính khoảng tin cậy

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Hội trường

2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Kiến thức cơ bản trong thống kê và các nguyên lý lựa chọn kiểm định thống kê phù hợp.

- **Về kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột kiểm tra định kỳ, 01 cột kiểm tra thường xuyên) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn chung, đại cương.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

+ Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

+ Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập, thảo luận, làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn toán, Giáo trình toán xác suất thống kê, Trường ĐHYD.

2. Burns W.B. Practice of Nursing research. (4 th ed., 2001). Saunders Publishing.

3. Nguyễn Duy Tiên. (2000). Lý thuyết xác suất. Nhà xuất bản giáo dục

4. Bài giảng Xác suất thống kê – Tổ hợp Giáo dục TO.

5. Giáo trình môn học Xác suất và thống kê y học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 6

Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Mã môn học: MH6106

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học này thực hiện học kỳ I, sau môn học Tin học.

2. Tính chất: Môn học này trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, thực hiện được một số xét nghiệm di truyền học; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào.
2. Trình bày quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể.
3. Trình bày các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền người.
4. Trình bày xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái có quan hệ đến loài người.

- Về kỹ năng

1. Nhận biết được cấu trúc và chức năng của tế bào
2. Nhận biết được bộ nhiễm sắc thể người về hình thái

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tế
2. Thể hiện ý thức, thận trọng trong việc học môn sinh học và di truyền để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: Tế bào, sinh học phân tử	12	12		
1	Hệ thống tế bào	2	2		
2	Cấu trúc và chức năng của tế bào	2	2		
3	Sự phân chia tế bào	2	2		
4	Sự phát triển giao tử ở người	2	2		
5	Sinh học phát triển	2	2		
6	Các qui luật di truyền	2	2		
	Chương 2 : Nhiễm sắc thể, di truyền	8	7		1

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
7	Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người	2	2		
8	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	2	2		
9	Sinh học phân tử	2	2		
10	Sinh thái học	2	1		1
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tế bào – sinh học phân tử

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của tế bào
2. Trình bày được sự phát triển giao tử và các qui luật di truyền.

2. Nội dung

- 2.1. Hệ thống tế bào.
 - 2.1.1. Khái quát hệ thống sống
 - 2.1.2. Lịch sử phát triển của tế bào
 - 2.1.3. Phương pháp nghiên cứu trong sinh học tế bào
 - 2.1.4. Sinh học tế bào với sản xuất đời sống
- 2.2. Cấu trúc và chức năng của tế bào.
 - 2.2.1. Hình dạng tế bào
 - 2.2.2. Kích thước tế bào
 - 2.2.3. Số lượng tế bào
 - 2.2.4. Các dạng tế bào và cấu trúc đại cương
- 2.3. Sự phân chia tế bào.
 - 2.3.1. Sự phân bào trực phân
 - 2.3.2. Sự phân bào gián phân
 - 2.3.3. Phân bào giảm nhiễm
- 2.4. Sự phát triển giao tử ở người.
 - 2.4.1. Nguồn gốc 2 dòng tế bào xôma và sinh dục
 - 2.4.2. Sự phát triển giao tử
 - 2.4.3. Nguồn gốc các giao tử
 - 2.4.4. Quá trình tạo giao tử
- 2.5. Sinh học phát triển.
 - 2.5.1. Giai đoạn tạo giao tử
 - 2.5.2. Giai đoạn tạo hợp tử
 - 2.5.3. Giai đoạn tạo phôi thai
 - 2.5.4. Giai đoạn sinh trưởng
 - 2.5.5. Giai đoạn trưởng thành
 - 2.5.6. Giai đoạn già lão
 - 2.5.7. Giai đoạn tử vong

2.6. Các qui luật di truyền.

2.6.1. Quy luật Mendel

2.6.2. Quy luật Mendel – Quy luật phân ly độc lập

2.6.3. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen

2.6.4. Liên kết gen

2.6.5. Hoán vị gen

2.6.6. Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân

2.6.7. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen

Chương 2. Nhiễm sắc thể, di truyền

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của nhiễm sắc thể.
2. Trình bày được đặc điểm di truyền từng nhóm bệnh di truyền.

2. Nội dung

2.1. Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người.

2.1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu NST người

2.1.2. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể người

2.1.3. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể người

2.1.4. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường

2.1.5. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể giới tính

2.2. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính.

2.2.1. Lịch sử của di truyền học

2.2.2. Nội dung của di truyền học người

2.2.3. Bệnh di truyền đơn gen, đa gen

2.2.4. Bệnh di truyền Hemoglobin, nhóm máu

2.2.5. Bệnh di truyền ung thư, di truyền học quần thể người

2.3. Sinh học phân tử.

2.3.1. DNA, chức năng của DNA, cơ chế tự nhân đôi của DNA

2.3.2. RNA, quá trình phiên mã

2.3.3. Cấu trúc và chức năng của protein

2.3.4. Quá trình dịch mã và điều hòa sinh tổng hợp protein

2.4. Sinh thái học.

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Đối tượng sinh thái học

2.4.3. Mối quan hệ giữa sinh thái học với các môn học khác

2.4.4. Phương pháp nghiên cứu sinh thái học

2.4.5. Lịch sử phát triển sinh thái học

2.4.6. Ý nghĩa của sinh thái học

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR hoặc máy chiếu

Video

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, transferan, tranh ảnh, lam)

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh, tật di truyền ở người.

- **Về kỹ năng:** đánh giá bằng bài thực hành, bài tập nhóm (trả lời câu hỏi qua tranh ảnh, tình huống qua chiếu video).

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tự học tập, tìm tài liệu mở rộng kiến thức, độc lập nhận định được các mẫu trong giờ thực hành trên lớp và tại các phòng xét nghiệm tại các cơ sở y tế đến thực tập.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học đại cương.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm và hướng dẫn giải quyết các bài tập tình huống có liên quan.

- Đối với người học : Tự học, thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình học phần Sinh học đại cương và di truyền do nhà trường biên soạn
2. Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh học tế bào, NXB Y học.
3. Đại học Y Hà Nội, Sinh học, NXB Y học.
4. Đại học Quốc gia Hà Nội, Bệnh học di truyền, NXB Giáo dục.
5. Giáo trình môn học Sinh học và di truyền của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 7

Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH

Mã môn học: MH6107

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ II, sau môn học sinh học và di truyền.

2. Tính chất

- Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết vật lý - lý sinh, vận dụng được các kiến thức môn học vào các học phần khác.

- Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được những khái niệm cơ bản về sinh lý y học.
2. Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học.
3. Trình bày được cơ chế vật lý của các quá trình sinh học xảy ra trong cơ thể con người.
4. Trình bày được lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác.

- Về kỹ năng

1. Áp dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh một cách khoa học.
2. Trình bày một số phương pháp vật lý cơ bản được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực hiện nay.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Vận dụng được các kiến thức trên vào việc học tập và nghiên cứu các môn Y học cơ sở và y học lâm sàng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: Vật lý đại cương	12	12		
1	Sự phân cực của chất điện môi	2	2		
2	Tương tác từ của dòng điện	2	2		
3	Bản chất của dòng điện	2	2		
4	Dòng điện và sự sống	2	2		
5	Quang sinh học	2	2		
6	Phóng xạ sinh học	2	2		
	Chương 2: Lý sinh trong Y học	8	7		1
7	Lý sinh tuần hoàn và hô hấp	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
8	Lý sinh một số cơ quan cảm giác	2	2		
9	Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học	2	2		
10	Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm	2	1		1
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Vật lý đại cương

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học.

2. Nội dung

- 2.1. Sự phân cực của chất điện môi
 - 2.1.1 Hiện tượng phân cực điện môi
 - 2.1.2. Phân tử phân cực và phân tử không phân cực
 - 2.1.3. Giải thích hiện tượng phân cực điện môi
- 2.2. Tương tác từ của dòng điện
 - 2.2.1. Thí nghiệm về tương tác của dòng điện
 - 2.2.2. Định luật Ampère về tương tác từ của dòng điện
- 2.3. Bản chất của dòng điện
 - 2.3.1. Định nghĩa dòng điện
 - 2.3.2. Bản chất của dòng điện
 - 2.3.3. Tác dụng của dòng điện
- 2.4. Dòng điện và sự sống
 - 2.4.1 Hiện tượng sinh vật
 - 2.4.2. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể và ứng dụng trong điều trị
- 2.5. Quang sinh học
 - 2.5.1. Đại cương về tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
 - 2.5.2. Một số quá trình quang sinh
- 2.6. Phóng xạ sinh học.
 - 2.6.1. Bức xạ ion hóa
 - 2.6.2. Tác dụng sinh học của bức xạ ion hóa

Chương 2: Lý sinh trong y học

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác.
2. Thực hiện được một số phương pháp lý sinh dùng trong y học.
3. Thực hiện phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm.

2. Nội dung

- 2.1. Lý sinh tuần hoàn và hô hấp
 - 2.1.1. Sơ lược về tính chất vật lý của hệ tuần hoàn

- 2.1.2. Sự thay đổi áp suất và tốc độ chảy của máu trong các động mạch
- 2.1.3. Hoạt động hô hấp
- 2.1.4. Sự vận chuyển khí trong cơ thể
- 2.1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí
- 2.2. Lý sinh một số cơ quan cảm giác
 - 2.2.1. Thị giác
 - 2.2.1.1. Quang hình học của mắt
 - 2.2.1.2. Khả năng điều tiết của mắt
 - 2.2.1.3. Khả năng phân ly của mắt
 - 2.2.2. Thính giác
 - 2.2.2.1. Sơ lược cấu tạo cơ quan thính giác
 - 2.2.2.2. Cơ chế quá trình nghe
- 2.3. Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học
 - 2.3.1. Ứng dụng của siêu âm trong y học
 - 2.3.2. Ứng dụng của laser trong y học
- 2.4. Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm
 - 2.4.1. Sai số
 - 2.4.2. Phân tích đồ thị các số liệu thực nghiệm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên phòng thực hành lý sinh

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, máy chiếu Video

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, tài liệu phát tay)

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm trong cơ thể sống, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học.

- **Kỹ năng:** vận dụng một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học vật lý đại cương và lý sinh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, áp dụng phương pháp dạy/học tích cực.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm trong cơ thể sống, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học, một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thiện, Vật lý đại cương, Đại học Y khoa Hà Nội 1994.
2. Nguyễn Văn Thiện, Bài giảng lý sinh y học 1998.
3. Giáo trình Lý sinh y học, Giáo trình giảng dạy cho cử nhân y tế công cộng, của trường Đại học y tế công cộng (NXB Y học 2004).
4. Lương Duyên Bình, Vật lý đại cương (tập 1), NXB Giáo dục 2003.
5. Phan Sỹ An và cộng sự, Lý sinh y học, NXB Y học 1998.
6. Giáo trình môn học Vật lý đại cương và lý sinh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 8

Tên môn học: HÓA HỌC

Mã môn học: MH6108

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ II.

2. Tính chất môn học: Là môn học chung, đại cương, cung cấp kiến thức cơ bản về hóa học làm tiền đề cho các môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày và giải thích được cấu tạo và tính chất của các hệ vật chất (nguyên tử, nguyên tố, phân tử, phức chất, vật thể) những kiến thức cơ bản nhất về cơ học lượng tử.

2. Nêu được khái niệm cơ bản về dung dịch và tính toán được các loại nồng độ khác nhau sử dụng trong dung dịch.

3. Trình bày được mối liên quan giữa cấu tạo và tính chất của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng, từ đó hiểu và giải thích được vai trò của chúng trong Y học

4. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

- Về kỹ năng

Vận dụng các kiến thức môn Hóa học để áp dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Có ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về an toàn trong phòng thí nghiệm.

2. Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học					
1	1. Cấu tạo chất	13	4		
	2. Nhiệt động hóa học		3		
	3. Dung dịch		3		
	4. Phức chất		3		
Chương II: Hóa học vô cơ					
2	5. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố	3	1		
	6. Nguyên tố nhóm chính (A) – Nguyên tố chuyển tiếp (B)		2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
Chương III: Hóa học hữu cơ					
3	7. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học	4	3		1
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được cấu tạo của nguyên tử, nguyên nhân hình thành các chu kì, nhóm nguyên tố.
2. Tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng dựa vào sinh nhiệt, nhiệt cháy, năng lượng liên kết.
3. Trình bày được 2 động lực của quá trình tự diễn biến.
4. Trình bày được các khái niệm về tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học.
5. Nêu được định nghĩa và cách phân loại các dung dịch, các nồng độ.
6. Phân biệt được phức chất và các hợp chất đơn giản, các thành phần của phức chất.

2. Nội dung

- 2.1. Cấu tạo chất
 - 2.1.1. Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học
 - 2.1.2. Các qui luật phân bố electron trong nguyên tử.
 - 2.1.3. Cách viết cấu hình electron nguyên tử dạng chữ và ô.
 - 2.1.4. Cấu tạo nguyên tử
 - 2.1.3. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học
 - 2.1.4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học
- 2.2. Nhiệt động hoá học
 - 2.2.1. Một số khái niệm
 - 2.2.2 Nguyên lý I của nhiệt động lực trong hóa học
 - 2.2.3. Nhiệt hóa học
 - 2.2.4. Định luật Hess và hệ quả
 - 2.2.5. Nguyên lý II của nhiệt động lực trong hóa học
- 2.3. Dung dịch
- 2.4.1. Khái niệm
- 2.4.2. Các cách biểu thị nồng độ dung dịch
- 2.4.3. Độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của các chất
- 2.4. Phức chất
 - 2.5.1. Định nghĩa và các thành phần phức chất
 - 2.5.2. Phân loại phức chất
 - 2.5.3. Danh pháp phức chất

2.5.4. Liên kết hóa học trong phức chất

Chương II: Hóa học vô cơ

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Giải thích nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s,p,d
2. Giải thích được tính chất, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố
 - 2.1.1. Phân loại các nguyên tố theo cấu hình electron ở trạng thái cơ bản
 - 2.1.2. Tính chất chung của các nguyên tố nhóm chính (A)
 - 2.1.3. Tính chất chung của các nguyên tố chuyển tiếp (B)
- 2.2. Nguyên tố nhóm chính (A) và nguyên tố chuyển tiếp (B)
 - 2.2.1. Nguyên tố nhóm A
 - 2.2.2. Nguyên tố nhóm B

Chương III: Hóa học hữu cơ

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

1. Phân loại và đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản.
2. Giải thích được tính chất, vai trò của các hợp chất hữu cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung

Phân loại và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học

- 2.1. Phân loại được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- 2.2. Đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- 2.3. Tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

IV. Điều kiện thực hiện môn học**1. Phòng học chuyên môn:** Hội trường**2. Trang thiết bị máy móc:** Máy tính, máy chiếu PROJECTOR**3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).**4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).**V. Nội dung và phương pháp đánh giá****1. Nội dung**- **Kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- Hệ thống kiến thức cơ bản về hóa học
- Kiến thức hóa học vô cơ, hữu cơ

- **Kỹ năng:** vận dụng các kiến thức được học vào các môn học khác và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

- Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, 1 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2), trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Hóa học được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Kỹ thuật xét nghiệm, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Điều dưỡng, Hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữ kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính và phân nhóm phụ

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thành Phước (2011), Hóa đại cương – vô cơ, tập 1,2, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2007), Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 1, NXB Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2007), Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 2, NXB Y học, Hà Nội.
4. Giáo trình môn học Hóa học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 9

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học: MH6109

Thời gian thực hiện: 60 giờ (Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ I, Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

- Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG	29	2	25	2
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	30	2	26	2
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	2	26	2
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	2	26	2
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	2	26	2
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	2	26	2
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	2	26	2
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	2	26	2
Tổng cộng		60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất môn học
- 2.2. Mục tiêu của môn học
- 2.3. Nội dung chính
- 2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương 1: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Thời gian: 29 giờ

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
2. Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản
- 2.2. Thể dục tay không liên hoàn
 - 2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn
 - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
- 2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản
 - 2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản
 - 2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được

1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

- 2.1. Chạy cự ly ngắn
 - 2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn
 - 2.1.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn
- 2.2. Chạy cự ly trung bình
 - 2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình
 - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình
- 2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương 2: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

Thời gian: 30 giờ (Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được

1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được

1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

- 2.2.7. Kỹ thuật đập cầu
- 2.2.8. Chiến thuật thi đấu
- 2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được

- 1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- 2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)
 - 2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt
 - 2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt
 - 2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng
 - 2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lầy đà
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được

- 1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- 2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực
 - 2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay
 - 2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
 - 2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực
 - 2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được

- 1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- 2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng
 - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân
 - 2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
 - 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được

1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
 - 2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

- 2.1. Đối với giáo dục thể chất chung
 - Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.
 - Điền kinh:
 - + Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác.
 - + Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác.

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác.

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác.

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác.

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác.

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác.
21. Giáo trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 10

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Mã môn học: MH6110

Thời gian thực hiện: 75 giờ (Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ I. Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Về kiến thức

1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

3. Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

4. Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

5. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

- Về kỹ năng

1. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

2. Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

3. Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

4. Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

5. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

2. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

3. Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

4. Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
Tổng cộng		75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

2. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

2. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hoà bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam

- 2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam
- 2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ
 - 2.3.1. Quan điểm chỉ đạo
 - 2.3.2. Phương châm tiến hành
- 2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay
 - 2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ
 - 2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế
 - 2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân
 - 2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt
 - 2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh
 - 2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch
 - 2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động
- 2.5. Thảo luận

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
2. Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

- 2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
 - 2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ
 - 2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
 - 2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay
- 2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay
- 2.3. Thảo luận

Bài 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
2. Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

- 2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
 - 2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia
 - 2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia
- 2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.5. Thảo luận

Bài 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
2. Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc
 - 2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc
 - 2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam
- 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo
 - 2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo
 - 2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam
- 2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
 - 2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- 2.4. Thảo luận

Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm
 - 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
 - 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
- 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
 - 2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Thảo luận

Bài 7: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
2. Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

- 2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
 - 2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam
 - 2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
 - 2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
 - 2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 10: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, Củng cố quốc phòng và an ninh

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

2. Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
2. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

- 2.1. Đội hình tiểu đội
 - 2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang
 - 2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang
 - 2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc
 - 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
 - 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
 - 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
 - 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
 - 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
 - 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
 - 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
 - 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
 - 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 12: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

Thời gian: 19 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
2. Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
3. Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
 - 2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm
 - 2.1.4. Súng diệt tăng B41
 - 2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn càn 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

Bài 13: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
2. Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị máy móc

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn càn 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPĐ, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;

- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu
- **Về kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc thực hành của sinh viên
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

2. Phương pháp

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được xây dựng giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận mẫu
- Đối với người học: Thực hiện các nội dung thực hành trong chương trình

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

Tài liệu tham khảo

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTĐ ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002.

32. Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

Tên môn học: GIẢI PHẪU VÀ SINH LÝ

Mã môn học: MH6111

Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ; (Lý Thuyết: 39 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện ở học kỳ II

2. Tính chất: Môn học thuộc khối môn học cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu, sinh lý của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, sinh lý vào các học phần khác.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Mô tả được vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người.

2. Trình bày được các chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ thống cơ quan, mối quan hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

- Về kỹ năng

1. Chỉ được các mốc chủ yếu của các cơ quan trên tranh, mô hình sẵn có và trên người.

2. Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng khám và chăm sóc người bệnh của mình.

3. Vận dụng các kiến thức môn sinh lý học vào học tập các môn Y học lâm sàng, Y học dự phòng và các mối liên quan khác trong chương trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học hiểu được vai trò giải phẫu và sinh lý trong y học lâm sàng cũng như y học dự phòng.

2. Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần và sáng tạo của sinh viên.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Tế bào và đại cương về giải phẫu sinh lý	08	06	02	00
1.1	Tế bào và các mô	02	02	00	00
1.2	Đại cương giải phẫu và hệ xương	06	04	02	00
2	Chương 2: Các hệ cơ quan	50	30	19	01
2.1	Hệ cơ	07	04	03	00
2.2	Hệ thần kinh	05	03	02	00
2.3	Hệ tuần hoàn	07	04	03	00
2.4	Hệ hô hấp	07	04	03	00

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2.5	Hệ tiêu hoá	07	04	03	00
2.6	Hệ tiết niệu	06	04	02	00
2.7	Hệ nội tiết	03	02	01	00
2.8	Hệ sinh dục	05	03	02	00
2.9	Các giác quan	03	02	00	01
3	Chương 3: Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt, sinh lý máu và kỹ thuật xét nghiệm	12	03	08	01
3.1	Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt	05	03	01	01
3.2	Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu Kỹ thuật đếm số lượng bạch cầu	01	00	01	00
3.3	Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản máu	01	00	01	00
3.4	Kỹ thuật định lượng Hb theo phương pháp Shahli Định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp dùng huyết thanh mẫu	02	00	02	00
3.5	Tốc độ lắng máu, xác định thời gian đông máu, chảy máu	01	00	01	00
3.6	Kỹ thuật làm phản ứng chéo và kiểm tra	02	00	02	00
Tổng cộng		70	39	29	02

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tế bào và đại cương về giải phẫu sinh lý

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được cấu trúc của tế bào: cấu trúc của màng tế bào, cấu trúc của bào tương và các bào quan, cấu trúc của nhân.
- Trình bày được các chức năng cơ bản của tế bào.
- Giải thích được các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
- Trình bày được các mức cấu trúc của cơ thể người.
- Trình bày được các nhu cầu sinh tồn của cơ thể.
- Nhận biết được các xương chính của bộ xương trục và xương treo.

2. Nội dung

- Cấu trúc, chức năng của tế bào và sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
 - Những đặc điểm cơ bản của tế bào cơ thể người.
 - Đại cương cấu trúc và chức năng của tế bào.
 - Bào tương và các bào quan.
 - Nhân tế bào.
 - Hệ thống chức năng của tế bào.
 - Sự tiêu hoá chất trong tế bào.
 - Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào.
- Đại cương về giải phẫu sinh lý.
 - Các mức cấu trúc của cơ thể người.

- 2.2.2. Môi trường bên trong và sự hằng định nội môi.
- 2.2.3. Các nhu cầu sinh tồn của cơ thể.
- 2.3. Bộ xương.
- 2.3.1. Bộ xương trục.
- 2.3.2. Bộ xương treo.

Chương 2: Các hệ cơ quan

Thời gian: 50 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả cấu trúc và chức năng của các loại mô.
2. Trình bày được cá giới hạn của bốn khoang cơ thể.
3. Kể được các thành phần chứa trong các khoang cơ thể .
4. Mô tả cấu trúc và chức năng của động mạch, tĩnh mạch và mao mạch.
5. Mô tả được cấu tạo, vị trí, hình thể của tim.
6. Trình bày được giải phẫu bộ máy hô hấp.
7. Trình bày được các cơ chế điều hoà hô hấp.
8. Mô tả được các đặc điểm giải phẫu của hệ tiêu hoá.
9. Trình bày được các hoạt động cơ học của hệ tiêu hoá.
10. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo các cơ quan của hệ tiết niệu, hệ sinh dục.
11. Trình bày được chức năng của thận, hệ sinh dục.
12. Trình bày cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh.

2. Nội dung

- 2.1. Hệ cơ .
 - 2.1.1. Đại cương về hệ cơ.
 - 2.1.1.1. Cơ bám xương.
 - 2.1.1.2. Cơ trơn.
 - 2.1.1.3. Cơ tim.
 - 2.1.2. Các khoang trong cơ thể.
 - 2.1.2.1. Họng sọ.
 - 2.1.2.2. Lồng ngực.
 - 2.1.2.3. Ổ bụng.
 - 2.1.2.4. Khoang chậu hông.
- 2.2. Hệ thần kinh .
 - 2.2.1. Cấu trúc và chức năng của noron.
 - 2.2.2. Hệ thần kinh ngoại vi.
 - 2.2.3. Phần tự chủ của thần kinh ngoại vi.
 - 2.2.4. Chức năng cảm giác của hệ thần kinh.
 - 2.2.5. Chức năng vận động của thần kinh.
- 2.3. Hệ tuần hoàn.
 - 2.3.1. Đại cương về hệ tim mạch.
 - 2.3.2. Cấu tạo các mạch máu.
 - 2.3.3. Chức năng của động mạch, tĩnh mạch, mao mạch.
 - 2.3.4. Giải phẫu tim.
 - 2.3.5. Các đặc tính sinh lý của tim.

- 2.3.6. Chu kỳ hoạt động của tim.
- 2.3.7. Lưu lượng tim.
- 2.4. Hệ hô hấp.
 - 2.4.1. Giải phẫu hệ hô hấp.
 - 2.4.2. Chức năng hệ hô hấp.
 - 2.4.3. Phê nang và màng hô hấp.
 - 2.4.4. Lòng ngực.
 - 2.4.5. Màng phổi.
 - 2.4.6. Các động tác hô hấp.
 - 2.4.7. Các thể tích hô hấp.
- 2.5. Hệ tiêu hoá.
 - 2.5.1. Đại cương.
 - 2.5.2. Miệng.
 - 2.5.3. Dạ dày.
 - 2.5.4. Ruột non và các tuyến tiêu hoá lớn.
- 2.6. Hệ tiết niệu.
 - 2.6.1. Thận.
 - 2.6.2. Chức năng thận.
 - 2.6.3. Quá trình tạo nước tiểu.
 - 2.6.4. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống thận.
 - 2.6.5. Chức năng nội tiết của thận.
 - 2.6.6. Niệu quản.
 - 2.6.7. Bàng quan.
- 2.7. Hệ nội tiết.
- 2.8. Hệ sinh dục.
 - 2.8.1. Hệ sinh dục nam.
 - 2.8.2. Hệ sinh dục nữ.
- 2.9. Các giác quan.

Chương 3: Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt, sinh lý máu và kỹ thuật xét nghiệm

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các dạng, vai trò và nhu cầu của protid, lipid, glucid.
2. Trình bày được các dạng năng lượng, nguyên nhân tiêu hao năng lượng, điều hoà chuyển hoá năng lượng.
3. Trình bày nguyên tắc đếm số lượng hồng cầu bạch cầu và các chỉ số bình thường.
4. Thực hiện đúng quy trình đếm số lượng hồng cầu bạch cầu.
5. Trình bày nguyên tắc xác định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp huyết thanh mẫu.
6. Thực hiện được kỹ thuật xác định nhóm máu, tốc độ lắng máu, thời gian máu chảy, thời gian máu đông, phản ứng chéo.

2. Nội dung

- 2.1. Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt.

- 2.1.1. Chuyển hoá glucid.
- 2.1.2. Chuyển hoá protid.
- 2.1.3. Chuyển hoá lipid.
- 2.1.4. Chuyển hoá năng lượng.
- 2.1.5. Các nguyên nhân tiêu hao năng lượng.
- 2.2. Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu, bạch cầu.
- 2.3. Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản máu.
- 2.4. Kỹ thuật định lượng Hb theo phương pháp Shahli. Định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp dùng huyết thanh mẫu.
- 2.5. Tốc độ lắng máu, xác định thời gian đông máu, chảy máu.
- 2.6. Kỹ thuật làm phản ứng chéo và kiểm tra.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học chuyên môn:** Giảng đường
2. **Trang thiết bị máy móc:** Laptop, projector, máy chiếu video.
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành (tranh vẽ, mô hình giải phẫu, kính hiển vi,...).
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** đánh giá qua bài trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn các nội dung về đặc điểm giải phẫu, sinh lý các hệ cơ quan: vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người; các chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ thống cơ quan, mối quan hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

- **Về kỹ năng:** đánh giá qua việc sinh viên xác định được các mốc chủ yếu của các cơ quan trên tranh, mô hình và trên người.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;

- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.
- + Điểm trung bình kiểm tra (TBKT)
- Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX1} + \text{ĐKTTX2} + (\text{ĐKTĐK1} + \text{ĐKTĐK2}) \times 2]/6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.
- **Thi kết thúc môn học:**
- + Điều kiện:
 - Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
 - $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).
- + Lý thuyết (TLT):
 - 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
 - Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
 - Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).
- + Thực hành:
 - 01 điểm thi thực hành (TTH);
 - Hình thức: thực hành chạy trạm;
 - Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.
- + Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH): Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH)/2$
- **Điểm môn học (MH):**
- + Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$
- + Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Giải phẫu – sinh lý được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.
- Thực hành: Tại phòng thực tập Giải phẫu - Sinh lý của Nhà trường. Sử dụng mô hình, tranh, băng hình.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp cho sinh viên cao đẳng các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu, sinh lý của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, sinh lý vào các môn học khác.

Tài liệu tham khảo

1. Atlas giải phẫu người, NXB Y học 2009
2. Bài giảng giải phẫu tập I - II của Trường Đại học Y Dược TP.HCM.
3. Đại học Y Hà Nội: Giải phẫu, NXB Y học năm 2006
4. Đại học Y Hà Nội: Giáo trình Sinh lý, NXB Y học năm 2006
5. Đại học Y Hà Nội, Bộ môn giải phẫu, Y học, 2007.
6. Sinh lý học, Bộ Y tế, NXB Giáo dục 2009.
7. Giáo trình môn học Giải phẫu và sinh lý của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

Tên môn học: HÓA SINH

Mã môn học: MH6112

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ;

Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Thực hiện trong học kỳ II

2. **Tính chất môn học:** Môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được cấu trúc, tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, enzyme,...

2. Nêu được tầm quan trọng của sự chuyển hóa muối nước và sự thăng bằng acid – base trong cơ thể.

3. Trình bày được các xét nghiệm khảo sát các chức năng gan, thận, các thành phần của máu cũng như một số xét nghiệm có liên quan đến protein huyết tương.

- Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
	Chương 1: Hóa học				
	1. Hóa học glucid	1	1		
	2. Hóa học lipid	1	1		
	3. Hóa học Protid	1	1		
	4. Enzyme và xúc tác sinh học	3	2		1
2	Chương 2: Chuyển hóa các chất				
	1. Chuyển hóa glucid	2	2		
	2. Chuyển hóa lipid	2	2		
	3. Chuyển hóa Protid	2	2		
	4. Chuyển hóa muối nước – Thăng bằng acid- base	3	3		
3	Chương 3: Hóa sinh các cơ quan				
	1. Hóa sinh gan	1	1		
	2. Hóa sinh thận và nước tiểu	2	2		
	3. Hóa sinh máu	1	1		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết**Bài mở đầu**

Thời gian: 1 giờ

Chương 1: Hóa học

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được tính chất và vai trò của các glucid, lipid quan trọng trong cấu tạo tế bào
2. Giải thích được cơ chế xúc tác và nêu được vai trò của các loại enzym

2. Nội dung

- 2.1. Hóa học glucid
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Monosaccarid
 - 2.1.3. Disaccarid
 - 2.1.4. Polysaccarid
- 2.2. Hóa học lipid
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Acid béo
 - 2.2.3. Lipid đơn giản
 - 2.2.4. Lipid phức tạp
- 2.3. Hóa học Protid
 - 2.3.1. Cấu trúc protein
 - 2.3.2. Chức năng protein
- 2.4. Enzyme và xúc tác sinh học
 - 2.4.1. Cấu tạo của enzyme
 - 2.4.2. Cơ chế hoạt động của enzyme
 - 2.4.3. Điều hòa enzym
 - 2.4.4. Các chất xúc tác sinh học khác (Hormon, Vitamin)

Chương II: Chuyển hóa

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Giải thích được cơ chế phản ứng và nêu được ý nghĩa của từng chu trình chuyển hóa glucid
2. Trình bày được các quá trình tổng hợp acid béo, triglycerid và phosphatid
3. Phân tích vai trò chính và những liên quan của chuyển hóa protid và acid nucleic với các chuyển hóa khác.
4. Phân biệt được dịch nội bào và dịch ngoại bào. Giải thích được cơ chế rối loạn điện giải.
5. Viết và giải thích được các thông số đánh giá tình trạng thăng bằng acid – base trong cơ thể.

2. Nội dung

- 2.1. Chuyển hóa glucid - Chuyển hóa lipid
 - 2.1.1. Tiêu hóa và hấp thu glucid
 - 2.1.2. Thoái hóa glucid
 - 2.1.3. Tổng hợp glucid
 - 2.1.4. Điều hòa chuyển hóa glucid

- 2.2. Chuyển hóa lipid
 - 2.2.1. Tiêu hóa và hấp thu lipid
 - 2.2.2. Thoái hóa lipid
 - 2.2.3. Tổng hợp lipid
 - 2.2.4. Điều hòa chuyển hóa lipid
- 2.3. Chuyển hóa Protid
 - 2.3.1. Tiêu hóa và hấp thu Protein
 - 2.3.2. Chuyển hóa acid amin
 - 2.3.3. Sinh tổng hợp protein đặc hiệu
- 2.4. Thăng bằng acid base
 - 2.4.1. Chuyển hóa muối nước
 - 2.4.2. Thăng bằng acid- base

Chương 3: Hóa sinh các cơ quan trong cơ thể

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được vai trò và tính chất lý hóa của máu.
2. Giải thích được vai trò điều hòa đường huyết của gan và nêu được các nghiệm pháp thăm dò chức năng gan.
3. Nêu được vai trò tạo nước tiểu của thận và biết được các bất thường trong nước tiểu

2. Nội dung

- 2.1. Hóa sinh gan
 - 2.1.1. Thành phần hóa học của nhu mô gan
 - 2.1.2. Các chức năng hóa sinh của gan
 - 2.1.3. Thăm dò hóa sinh hệ thống gan mật
- 2.2. Hóa sinh thận và nước tiểu
 - 2.2.1. Chức năng nội tiết và chuyển hóa của thận
 - 2.2.2. Chức năng lọc và bài tiết của thận
 - 2.2.3. Các chất bình thường và bất thường trong nước tiểu
 - 2.2.4. Thử nghiệm thăm dò chức năng thận
- 2.3. Hóa sinh máu
 - 2.3.1. Tính chất vật lý của máu
 - 2.3.2. Thành phần hóa học của máu

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học chuyên môn:** Phòng học thực hành hóa sinh.
- 2. Dụng cụ và trang bị:** Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, hemoglobin.

+ Chức năng của các cơ quan bên trong cơ thể như gan, thận,.. và các thăm dò hóa sinh các cơ quan

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành.

- **Về kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

2. Phương pháp

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Hóa sinh được xây dựng giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thao tác mẫu các thí nghiệm thực hành

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Vai trò của glucid, lipid, protid và chức năng chuyển hóa của gan, thận, máu.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y Tế (2010), Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học), NXB Giáo dục
2. Bộ Y Tế (2009), Hóa sinh học, NXB Giáo dục.
3. Giáo trình môn học Hóa sinh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

Tên môn học: VI SINH VẬT VÀ KÝ SINH TRÙNG

Mã môn học: MH6113

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện trong học kỳ III.

2. **Tính chất môn học:** Môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Mô tả được những đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, sinh lý và phân loại của Vi sinh vật và Ký sinh trùng.

2. Trình bày được đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của Vi sinh vật - Ký sinh trùng.

3. Nêu được các phương pháp chẩn đoán, đặc điểm dịch tễ, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.

- Về kỹ năng

1. Quan sát và nhận định được hình thể vi khuẩn, giun sán, đơn bào dưới Kính hiển vi.

2. Vận dụng các kiến thức môn vi sinh – ký sinh trùng vào học tập các môn liên quan khác trong chương trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Rèn luyện tính tỉ mỉ và trung thực trong môn học và ngành học

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về vi sinh vật, ký sinh vật và miễn dịch	3	3		
2	Chương 2: Các loại đơn bào gây bệnh thường gặp	4	4		
3	Chương 3: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp	5	4		1
4	Chương 4: Các loại giun tròn, sán gây bệnh thường gặp	4	4		
5	Chương 5: Các loại virus gây bệnh thường gặp	4	4		
6	Chương 6: Thực hành	30			
	1. Các phương pháp lấy bệnh phẩm- Quan sát hình thể vi khuẩn			4	
	2. Kỹ thuật xét nghiệm phân			2	
	3. Kỹ thuật nhuộm Gram và quan sát vi khuẩn Gram (-) và Gram (+)			4	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	4. Kỹ thuật nhuộm Zielh-Neelsen và quan sát trực khuẩn kháng acid			4	
	5. Kỹ thuật xét nghiệm máu và soi hình thể ký sinh trùng sốt rét			8	
	6. Quan sát hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào			7	1
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về vi sinh vật, ký sinh vật và miễn dịch Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu các khái niệm cơ bản dùng trong khoa học vi sinh vật, ký sinh trùng;
2. Trình bày 4 đặc điểm của ký sinh trùng: đặc điểm hình thể, cấu tạo cơ quan, sinh sản và sinh tồn;
3. Phân tích các ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và cơ thể vật chủ.

2. Nội dung

- 2.1. Vi khuẩn
 - 2.1.1. Hình thể của vi khuẩn
 - 2.1.2. Cấu trúc của vi khuẩn
 - 2.1.3. Sinh lý của vi khuẩn
- 2.2. Kí sinh trùng
 - 2.2.1. Các khái niệm cơ bản của ngành kí sinh trùng
 - 2.2.1.1. Hiện tượng kí sinh
 - 2.2.1.2. Kí sinh trùng
 - 2.2.1.3. Vật chủ
 - 2.2.1.4. Chu kì
 - 2.2.2. Đặc điểm của kí sinh trùng
 - 2.2.2.1. Hình thể kích thước
 - 2.2.2.2. Đặc điểm sinh sản
 - 2.2.3. Phân loại kí sinh trùng
- 2.3. Đại cương miễn dịch
- 2.4. Vaccin
- 2.5. Huyết thanh miễn dịch

Chương 2: Các loại đơn bào gây bệnh thường gặp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày 3 phương pháp phòng và điều trị amip;
2. Trình bày được hình thể, tính chất gây bệnh, cách phòng và điều trị đối với trùng roi gây bệnh ở đường tiêu hóa và âm đạo;
3. Mô tả được hình thể của 4 loại ký sinh trùng sốt rét;
4. Phân tích được 4 yếu tố ảnh hưởng đến dịch tễ học bệnh sốt rét.

2. Nội dung

- 2.1. Amip
 - 2.1.1. Amip ký sinh ở miệng
 - 2.1.2. Amip ký sinh ở đường ruột
- 2.2. Trùng roi
 - 2.2.1. Trùng roi âm đạo
 - 2.2.2. Trùng roi đường tiêu hóa
- 2.3. Trùng lông
 - 2.3.1. Hình thể
 - 2.3.2. Đặc điểm sinh học
 - 2.3.3. Chẩn đoán và điều trị
- 2.4. Ký sinh trùng sốt rét
 - 2.4.1. Hình thể
 - 2.4.2. Chu kỳ
 - 2.4.3. Chẩn đoán và điều trị

Chương 3: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp;
2. Trình bày được các loại xoắn khuẩn gây bệnh thường gặp;
3. Trình bày được các loại trực khuẩn gây bệnh thường gặp.

2. Nội dung

- 2.1. Các loại cầu khuẩn
 - 2.1.1. Tụ cầu vàng
 - 2.1.2. Liên cầu
 - 2.1.3. Phế cầu
 - 2.1.4. Lậu cầu
 - 2.1.5. Não mô cầu
- 2.2. Các loại xoắn khuẩn
 - 2.2.1. Xoắn khuẩn giang mai
- 2.3. Các loại trực khuẩn
 - 2.3.1. Trực khuẩn đường ruột
 - 2.3.1.1. Trực khuẩn E.coli
 - 2.3.1.2. Trực khuẩn Samonella
 - 2.3.1.3. Trực khuẩn Shigella
 - 2.3.2. Trực khuẩn lao
 - 2.3.3. Trực khuẩn mù xanh
 - 2.3.4. Phẩy khuẩn tả

Chương 4: Các loại giun tròn, sán gây bệnh thường gặp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các loại giun tròn gây bệnh thường gặp
2. Trình bày được các loại sán gây bệnh thường gặp

2. Nội dung

- 2.1. Các loại giun tròn
 - 2.1.1. Giun đũa
 - 2.1.2. Giun tóc
 - 2.1.3. Giun móc
 - 2.1.4. Giun kim
 - 2.1.5. Giun chỉ
- 2.2. Các loại sán
 - 2.2.1. Sán lá
 - 2.2.2. Sán dây

Chương 5: Các loại virus gây bệnh thường gặp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các loại virus gây bệnh thường gặp;
2. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của virus, các giai đoạn nhân lên của virus.

2. Nội dung

- 2.1. Virus Dengue
- 2.2. Virus HIV
- 2.3. Các virus viêm gan
- 2.4. Virus cúm
- 2.5. Virus dại

Chương 6: Thực hành

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các phương pháp lấy bệnh phẩm
2. Thực hiện được các kỹ thuật: nhuộm Gram, nhuộm Zielhneelsen, xét nghiệm máu, xét nghiệm phân.
3. Quan sát được hình thể vi khuẩn, hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào dưới kính hiển vi

2. Nội dung

- 2.1. Các phương pháp lấy bệnh phẩm - quan sát hình thể vi khuẩn
- 2.2. Kỹ thuật xét nghiệm phân
- 2.3. Kỹ thuật nhuộm Gram và quan sát vi khuẩn Gram (-) và Gram (+)
- 2.4. Kỹ thuật nhuộm Zielh-Neelsen và quan sát trực khuẩn kháng acid
- 2.5. Kỹ thuật xét nghiệm máu và soi hình thể ký sinh trùng sốt rét
- 2.6. Quan sát hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học thực hành vi sinh – ký sinh trùng.

2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, mẫu ký sinh trùng, kính hiển vi

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, sinh lý và phân loại của Vi sinh vật và Ký sinh trùng

+ Phương pháp chẩn đoán, đặc điểm dịch tễ, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi

- **Về kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành vi sinh – ký sinh trùng

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

2. Phương pháp đánh giá

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra thường xuyên, 01 cột điểm kiểm tra định kỳ), trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Vi sinh vật – Ký sinh trùng xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Dược, Phục hồi chức năng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý

Đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế - Vụ khoa học công nghệ (2006), Vi sinh – Ký sinh trùng, NXB Y học, Hà Nội.

2. Bộ Y Tế (2007), Vi sinh – Ký sinh trùng (TH), NXB Y học, Hà Nội.

3. Vi sinh vật và ký sinh trùng.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH

Mã môn học: MH6114

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: thực hiện ở học kỳ III

2. Tính chất: Môn học thuộc phần cơ sở ngành, sau môn Giải phẫu – sinh lý.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
2. Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.
3. Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

- Về kỹ năng

Vận dụng được vào việc học tập các học phần khác và công tác chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Đại cương về sinh lý bệnh	01	01	00	00
2	Rối loạn chuyển hóa glucid	01	01	00	00
3	Rối loạn chuyển hóa protid	01	01	00	00
4	Rối loạn chuyển hóa chuyển hóa lipid	01	01	00	00
5	Rối loạn cân bằng nước – điện giải	01	01	00	00
6	Rối loạn cân bằng acid - base	01	01	00	00
7	Sinh lý bệnh quá trình viêm	01	01	00	00
8	Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – sốt	01	01	00	00
9	Sinh lý bệnh hệ tạo máu	01	01	00	00
10	Sinh lý bệnh tuần hoàn	02	02	00	00
11	Sinh lý bệnh hô hấp	02	02	00	00
12	Sinh lý bệnh tiêu hóa	02	02	00	00
13	Sinh lý bệnh chức năng gan	02	02	00	00
14	Sinh lý bệnh chức năng thận	01	01	00	00
15	Miễn dịch bệnh lý	02	01	00	01
Tổng cộng		20	19	00	01

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về sinh lý bệnh

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày định nghĩa, vai trò môn học sinh lý bệnh trong y học.
2. Trình bày quan niệm về bệnh, các yếu tố liên quan.
3. Trình bày quan niệm về bệnh nguyên và xếp loại bệnh nguyên.
4. Trình bày quan niệm về bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng quá trình bệnh sinh.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Vị trí, tính chất vai trò môn học
 - 2.2.1. Vị trí.
 - 2.2.2. Tính chất và vai trò.
- 2.3. Khái niệm về bệnh
 - 2.3.1. Một số khái niệm trong lịch sử.
 - 2.3.2. Quan niệm về bệnh hiện nay
- 2.4. Khái niệm về bệnh nguyên học
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Quan niệm trước đây về bệnh nguyên.
 - 2.4.3. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên
 - 2.4.4. Xếp loại bệnh nguyên
- 2.5. Khái niệm về bệnh sinh học.
 - 2.5.1. Đại cương.
 - 2.5.2. Vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.
 - 2.5.3. Điều trị bệnh theo bệnh sinh và vòng xoắn bệnh lý.
 - 2.5.4. Diễn biến và kết thúc của bệnh nói chung.

Bài 2: Rối loạn chuyển hóa Glucid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày vai trò của nội tiết, thần kinh trung ương trong điều hòa glucose máu.
2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của hạ glucose máu.
3. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của tăng glucose máu.
4. Trình bày bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh đái tháo đường.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Vai trò của glucid đối với cơ thể.
 - 2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu, vận chuyển.
 - 2.1.3. Chuyển hóa.
 - 2.1.4. Điều hòa cân bằng glucose máu.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa glucid.
 - 2.2.1. Rối loạn glucose máu
 - 2.2.2. Bệnh đái tháo đường.

Bài 3: Rối loạn chuyển hóa protid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm protid huyết tương.
2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của sự thay đổi thành phần protid huyết tương.
3. Trình bày cơ chế bệnh sinh rối loạn gen cấu trúc, gen điều hòa.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Vai trò protid trong cơ thể.
 - 2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu.
 - 2.1.3. Tổng hợp, giáng hóa protid.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa protid.
 - 2.2.1. Rối loạn tổng hợp protid về lượng
 - 2.2.2. Rối loạn protid của huyết tương.
 - 2.2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất.
 - 2.2.4. Rối loạn chuyển hóa acid nhân

Bài 4: Rối loạn chuyển hóa lipid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày vai trò của nội tiết đối với chuyển hóa lipid.
2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của tăng lipid máu.
3. Trình bày nguyên nhân tăng cholesterol máu.
4. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của bệnh béo phì, bệnh xơ vữa động mạch.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Tiêu hóa hấp thu
 - 2.1.2. Sử dụng, vận chuyển trong máu.
 - 2.1.3. Các typ lipo-protein (LP)
 - 2.1.4. Dự trữ mỡ.
 - 2.1.5. Sự điều hòa nội tiết đối với chuyển hóa lipid
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa lipid
 - 2.2.1. Tăng lipid máu
 - 2.2.2. Rối loạn lipo-protein.
 - 2.2.3. Rối loạn chuyển hóa cholesterol
 - 2.2.4. Béo phì.
 - 2.2.5. Gầy.
 - 2.2.6. Xơ vữa động mạch

Bài 5: Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được ba cách phân loại mất nước.
2. Trình bày được sơ đồ cơ chế bệnh sinh dẫn đến vòng xoắn bệnh lý trong tiêu chảy mất nước.
3. Giải thích sáu cơ chế gây phù.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về chuyển hóa nước và điện giải.
 - 2.1.1. Vai trò của nước và điện giải.
 - 2.1.2. Cân bằng, xuất nhập nước và muối trong cơ thể.
 - 2.1.3. Sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể
 - 2.1.4. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải
 - 2.2.1. Rối loạn chuyển hóa nước.
 - 2.2.2. Rối loạn cân bằng điện giải.

Bài 6: Rối loạn cân bằng toan – kiềm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày vai trò điều hòa pH máu của hệ đệm, phổi và thận.
2. Trình bày phân loại và cơ chế nhiễm toan, nhiễm kiềm.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Ý nghĩa của pH trong máu.
- 2.2. Các cơ chế điều hòa của pH máu.
 - 2.2.1. Vai trò của hệ thống đệm.
 - 2.2.2. Vai trò hô hấp.
 - 2.2.3. Vai trò của thận.
- 2.3. Rối loạn cân bằng toan – kiềm
 - 2.3.1. Nhiễm toan.
 - 2.3.2. Nhiễm kiềm.
- 2.4. Những thông số đánh giá cân bằng toan – kiềm.

Bài 7: Sinh lý bệnh quá trình viêm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày cơ chế, biểu hiện của rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
2. Trình bày các rối loạn chuyển hóa tại ổ viêm.
3. Trình bày tổn thương mô, tế bào tại ổ viêm.
4. Trình bày mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh.
 - 2.1.3. Phân loại viêm.
- 2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm.
 - 2.2.1. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
 - 2.2.2. Rối loạn chuyển hóa.
 - 2.2.3. Tổn thương mô.
 - 2.2.4. Tăng sinh tế bào – quá trình lành vết thương.
- 2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.
 - 2.3.1. Ảnh hưởng của trạng thái thần kinh đối với phản ứng viêm.
 - 2.3.2. Phản ứng viêm ảnh hưởng đến toàn cơ thể.

2.3.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm.

Bài 8: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – Sốt

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm thân nhiệt.
2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của tăng thân nhiệt.
3. Trình bày nguyên nhân, các giai đoạn của sốt.
4. Trình bày các thay đổi chuyển hóa, các chức năng trong sốt.
5. Trình bày ý nghĩa của sốt.

2. Nội dung

- 2.1. Điều hòa thân nhiệt.
 - 2.1.1. Biến nhiệt và ổn nhiệt.
 - 2.1.2. Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt.
- 2.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động.
 - 2.2.1. Giảm thân nhiệt.
 - 2.2.2. Tăng thân nhiệt.
- 2.3. Thay đổi chủ động thân nhiệt: Sốt.
 - 2.3.1. Định nghĩa.
 - 2.3.2. Chất gây sốt.
 - 2.3.3. Các giai đoạn của quá trình sốt.
 - 2.3.4. Cơ chế sốt – các yếu tố ảnh hưởng đến sốt.
 - 2.3.5. Thay đổi chuyển hóa trong sốt.
 - 2.3.6. Thay đổi chức năng trong sốt.
 - 2.3.7. Ý nghĩa của sốt.

Bài 9: Sinh lý bệnh tạo máu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày phân loại, nguyên nhân của bệnh thiếu máu.
2. Trình bày nguyên nhân tăng bạch cầu, giảm bạch cầu.
3. Trình bày nguyên nhân tình trạng tăng đông, giảm đông máu.

2. Nội dung

- 2.1. Sinh lý bệnh tạo hồng cầu.
 - 2.1.1. Những cách phân loại chủ yếu.
 - 2.1.2. Phân loại thiếu máu theo bệnh sinh.
 - 2.1.3. Thiếu máu hồng cầu khổng lồ.
 - 2.1.4. Thiếu máu nhược sắc.
 - 2.1.5. Thiếu máu do tăng hủy hồng cầu tan huyết.
- 2.2. Sinh lý bệnh tạo bạch cầu.
 - 2.2.1. Tăng số lượng bạch cầu.
 - 2.2.2. Giảm số lượng bạch cầu.
- 2.3. Sinh lý bệnh tạo tiểu cầu và rối loạn đông máu và rối loạn đông máu.
 - 2.3.1. Tình trạng tăng đông.
 - 2.3.2. Tình trạng giảm đông.

Bài 10: Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày cơ chế chung của suy tim.
2. Trình bày cơ chế của những biểu hiện suy tim trái và suy tim phải.
3. Trình bày cơ chế của cao huyết áp nguyên phát.

2. Nội dung

- 2.1. Suy tim
 - 2.1.1. Nhắc lại sinh lý học.
 - 2.1.2. Suy tim
- 2.2. Bệnh lý ở mạch.
 - 2.2.1. Xơ vữa động mạch.
 - 2.2.2. Cao huyết áp.
 - 2.2.3. Hạ huyết áp.

Bài 11: Sinh lý bệnh hệ hô hấp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn thông khí.
- Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn khuếch tán.
- Trình bày các biểu hiện và cơ chế bệnh sinh của suy hô hấp.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương chức năng hô hấp.
- 2.2. Rối loạn thông khí.
 - 2.2.1. Rối loạn thông khí do không khí thở.
 - 2.2.2. Rối loạn thông khí do bệnh lý của bộ máy hô hấp.
- 2.3. Rối loạn khuếch tán.
 - 2.3.1. Rối loạn khuếch tán do giảm diện tích màng trao đổi.
 - 2.3.2. Rối loạn khuếch tán do tăng độ dày màng trao đổi.
 - 2.3.3. Rối loạn khuếch tán do giảm hiệu số phân áp.
- 2.4. Suy hô hấp.
 - 2.4.1. Định nghĩa.
 - 2.4.2. Phân loại.
 - 2.4.3. Biểu hiện của suy hô hấp.
 - 2.4.4. Thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp.

Bài 12: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày tác nhân và cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng.
2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của hội chứng tiêu lỏng, hội chứng tắc ruột và hội chứng táo bón và hội chứng rối loạn hấp thu.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Sinh lý bệnh chức năng dạ dày.
 - 2.2.1. Chức năng co bóp dạ dày
 - 2.2.2. Rối loạn chức năng co bóp dạ dày.

- 2.2.3. Chức năng tiết dịch dạ dày.
- 2.2.4. Rối loạn chức năng tiết dịch dạ dày.
- 2.2.5. Tác nhân và cơ chế gây loét dạ dày – tá tràng.
- 2.3. Sinh lý bệnh chức năng ruột.
- 2.3.1. Rối loạn tiết dịch tại ruột.
- 2.3.2. Rối loạn co bóp ruột.
- 2.3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột – thiếu năng tiêu hóa.

Bài 13: Sinh lý bệnh chức năng gan

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày các rối loạn chức năng gan.
2. Trình bày nguyên nhân và biểu hiện của suy gan cấp và mạn.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan.
 - 2.2.1. Các yếu tố gây bệnh.
 - 2.2.2. Đường xâm nhập của các yếu tố gây bệnh.
- 2.3. Rối loạn chức năng của gan.
 - 2.3.1. Rối loạn chức năng chuyển hóa.
 - 2.3.2. Rối loạn chức năng chống độc.
 - 2.3.3. Rối loạn chức năng cấu tạo và bài tiết mật.
 - 2.3.4. Rối loạn tuần hoàn và chức năng tạo máu.
- 2.4. Suy gan.
 - 2.4.1. Suy gan cấp tính.
 - 2.4.2. Suy gan mạn tính.
 - 2.4.3. Hôn mê gan.

Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng thận

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày các thay đổi của nước tiểu, của máu trong bệnh thận.
2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện, hậu quả của viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn.
3. -Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện của suy thận mạn.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về chức năng thận
- 2.2. Vài đặc điểm cấu trúc sinh lý thận
 - 2.2.1. Đặc điểm cấu trúc.
 - 2.2.2. Đặc điểm chức năng.
- 2.3. Các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu.
 - 2.3.1. Nước tiểu.
 - 2.3.2. Thay đổi về máu trong bệnh thận.
- 2.4. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận.
 - 2.4.1. Viêm cầu thận cấp.
 - 2.4.2. Viêm cầu thận mạn.

- 2.4.3. Thận hư nhiễm mỡ.
- 2.4.4. Viêm ống thận cấp.
- 2.5. Suy thận
- 2.5.1. Suy thận cấp.
- 2.5.2. Suy thận mạn.

Bài 15: Miễn dịch bệnh lý

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày định nghĩa quá mẫn và cách phân loại của Gell và Coombs.
2. Trình bày cơ chế bệnh sinh của quá mẫn type I, type II, type III và type IV.
3. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.
4. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch mắc phải và cơ chế bệnh sinh của thiếu năng miễn dịch do nhiễm HIV.
5. Trình bày bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.

2. Nội dung

- 2.1. Quá mẫn
 - 2.1.1. Đại cương.
 - 2.1.2. Quá mẫn type I.
 - 2.1.3. Quá mẫn type II.
 - 2.1.4. Quá mẫn type III.
 - 2.1.5. Quá mẫn type IV (Quá mẫn muộn)
- 2.2. Thiếu năng miễn dịch
 - 2.2.1. Đại cương.
 - 2.2.2. Thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.
 - 2.2.3. Thiếu năng miễn dịch mắc phải.
- 2.3. Bệnh tự miễn
 - 2.3.1. Đại cương.
 - 2.3.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh tự miễn.
 - 2.3.3. Xếp loại bệnh tự miễn.
 - 2.3.4. Các bệnh tự miễn chính.
 - 2.3.5. Bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.
 - 2.3.6. Cơ chế bệnh sinh các tổn thương trong bệnh tự miễn.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học:** Giảng đường.
2. **Trang thiết bị máy móc:** laptop, projector.
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính).
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức
- + Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.

+ Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.

+ Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

- **Về kỹ năng:** Vận dụng được vào việc học tập các môn học khác và công tác chăm sóc người bệnh.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH)

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Sinh lý bệnh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và lý luận cơ bản, phương pháp tư duy logic để tiếp thu tốt các kiến thức chuyên ngành và phục vụ cho công tác thực tế khi ra trường.

- Góp phần kiến tạo cho người cán Bộ Y tế trong tương lai có phương pháp làm việc khoa học, tư duy phân tích tổng hợp trên cơ sở hiểu biết các yếu tố chi phối sức khỏe con người, quy luật tác động của các yếu tố gây bệnh, cơ chế phát sinh, phát triển của các quá trình bệnh lý.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2010) Sinh lý bệnh, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh lý bệnh, 1990.
3. Đại học Y tế công cộng, Sinh lý bệnh miễn dịch học, 2003.
4. Đại học Hà Nội: Giáo trình Sinh lý bệnh – Miễn dịch, NXB Y học năm 2006.
5. Đại học Y Dược TP. HCM: Giáo trình Sinh lý bệnh, NXB Y học năm 2006.
6. Đại học Điều dưỡng Nam Định: Giáo trình Sinh lý bệnh.
7. Giáo trình môn học Sinh lý bệnh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

Tên môn học: DƯỢC LÝ

Mã môn học: MH6115

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV

2. Tính chất: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể; trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học; đọc, viết đúng tên cũng như nhận biết được hình dạng của một số thuốc thông dụng; vận dụng được những kiến thức đã học vào trong thực tế hoạt động nghề nghiệp để sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;
2. Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- **Về kỹ năng:** Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.
2. Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Đại cương: Dược lí học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.	02	02	00	00
2	Vitamin và các chất vô cơ	04	02	02	00
3	Vaccin phòng bệnh	03	01	02	00
4	Thuốc kháng sinh	04	01	02	01
5	Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm	04	01	03	00
6	Thuốc ngủ, an thần, chống co giật	03	01	02	00
7	Thuốc nội tiết	03	01	02	00
8	Thuốc điều trị các bệnh tim mạch	05	02	03	00
9	Thuốc lợi tiểu	03	01	02	00
10	Thuốc điều trị ho và hen phế quản	04	02	02	00
11	Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa	05	02	03	00

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
12	Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu	03	01	02	00
13	Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base	03	01	02	00
14	Thuốc chống dị ứng	04	01	02	01
Tổng cộng		50	19	29	02

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm về thuốc và quan niệm về dùng thuốc trong điều trị.
2. Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc.
3. Trình bày được các cách tác dụng của thuốc, tai biến do thuốc và tương tác thuốc.
4. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, nồng độ, hàm lượng; các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; sự biến đổi và các đường thải trừ của thuốc.

2. Nội dung

- 2.1. Dược lý học
 - 2.1.1. Khái niệm về thuốc.
 - 2.1.2. Quan niệm về dùng thuốc.
- 2.2. Dược động học.
 - 2.2.1. Hấp thu.
 - 2.2.2. Phân bố thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.3. Chuyển hóa thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.4. Thải trừ thuốc.
- 2.3. Tác dụng của thuốc.
 - 2.3.1. Các cách tác dụng của thuốc.
 - 2.3.2. Tai biến do thuốc hay tác dụng không mong muốn.
- 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
 - 2.4.1. Các yếu tố thuộc về thuốc.
 - 2.4.2. Các yếu tố thuộc về người bệnh
 - 2.4.3. Ảnh hưởng của thức ăn, nước uống tới tác dụng của thuốc.
 - 2.4.4. Thời điểm dùng thuốc.

Bài 2: Vitamin và các chất vô cơ

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được vai trò, tác dụng, cách phân loại, nguyên tắc sử dụng vitamin.
2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng, bảo quản các vitamin và các chất vô cơ đã học.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về vitamin
 - 2.1.1. Vai trò của vitamin đối với cơ thể.
 - 2.1.2. Phân loại vitamin.
 - 2.1.3. Nguyên tắc sử dụng vitamin.
 - 2.1.4. Chống chỉ định dùng vitamin.
- 2.2. Một số vitamin thông dụng
- 2.3. Một số chất vô cơ thông dụng

Bài 3: Vaccin phòng bệnh

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được cách phân loại và kỹ thuật bảo quản vaccin.
- 2. Trình bày được tính chất, chỉ định, cách dùng, bảo quản các vaccin phòng bệnh trong nội dung bài.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm về vaccin.
 - 2.1.2. Phân loại các vaccin.
 - 2.1.3. Bảo quản vaccin.
 - 2.1.4. Chú ý khi sử dụng vaccine
- 2.2. Một số vaccine phòng bệnh thông dụng.

Bài 4: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được cách phân loại kháng sinh và các đặc điểm của các họ kháng sinh.
- 2. Trình bày được nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh.
- 3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc kháng sinh đã học.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân loại kháng sinh.
- 2.3. Nhóm kháng sinh kháng khuẩn.
 - 2.3.1. Nhóm Beta – lactam.
 - 2.3.2. Nhóm Aminoglycosid.
 - 2.3.3. Nhóm phenicol.
 - 2.3.4. Nhóm Tetracyclin.
 - 2.3.5. Nhóm Macrolid.
 - 2.3.6. Nhóm Quinolon.
- 2.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh
- 2.5. Một số kháng sinh thông dụng.

Bài 5: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được khái niệm, cách phân loại, cơ chế tác dụng, nguyên tắc sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm.

2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm được giới thiệu trong bài học.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Phân loại.

2.1.3. Tác dụng và cơ chế tác dụng.

2.1.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng thuốc chống viêm không steroid.

2.2. Các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm thông dụng.

2.3. Hướng dẫn được cho cộng đồng sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp hợp lý, an toàn.

Bài 6: Thuốc ngủ, an thần, chống co giật

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm về thuốc ngủ, an thần, chống co giật và đặc điểm của các thuốc thuộc dẫn xuất barbituric, benzodiazepine.

2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc ngủ, an thần, chống co giật.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm.

2.1.1. Thuốc ngủ.

2.1.2. Thuốc an thần.

2.1.3. Thuốc chống co giật.

2.2. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất Barbituric.

2.2.1. Đặc điểm về cấu trúc.

2.2.2. Một số dẫn xuất của Barbituric.

2.3. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất của Benzodiazepin.

2.3.1. Bảng so sánh tác dụng của một số dẫn xuất của Benzodiazepin.

2.3.2. Chuyển hóa của các dẫn chất benzodiazepine.

2.4. Một số thuốc ngủ, an thần, chống co giật thông dụng.

Bài 7: Thuốc nội tiết

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, vai trò, đặc điểm, phân loại hormon.

2. Nêu được tác dụng chung, chỉ định và nguyên tắc sử dụng glucocorticoid.

3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các hormon và các dẫn chất tổng hợp dùng làm thuốc được giới thiệu trong bài.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về thuốc nội tiết

2.1.1. Định nghĩa nội tiết tố.

2.1.2. Vai trò của thuốc nội tiết.

2.1.3. Đặc điểm của thuốc nội tiết.

2.1.4. Phân loại thuốc nội tiết.

2.2. Các thuốc nội tiết thông dụng

2.2. Trình bày được công dụng, cách dùng, liều dùng của các loại thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm.

2.3. Vận dụng được để hướng dẫn cho người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm hợp lý, an toàn, hiệu quả.

Bài 8: Thuốc điều trị các bệnh tim mạch

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách phân loại, đặc điểm, tác dụng các thuốc điều trị bệnh tim mạch.
2. Nêu được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản một số thuốc điều trị bệnh tim mạch.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Phân loại.

2.2. Các thuốc chữa bệnh tim mạch thông dụng

Bài 9. Thuốc lợi tiểu

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được đặc điểm, phân loại, tính chất, tác dụng, cơ chế tác dụng của các thuốc lợi tiểu.
2. Nêu được chỉ định, chống chỉ định, bảo quản các thuốc có tác dụng lợi tiểu.

2. Nội dung

2.1. Phân loại thuốc lợi tiểu.

2.1.1. Nhóm sulfamid lợi tiểu.

2.1.2. Các thuốc lợi tiểu khác.

2.2. Các thuốc lợi tiểu thông dụng.

Bài 10. Thuốc điều trị ho và hen phế quản

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được cách phân loại thuốc chữa ho, hen theo cơ chế tác dụng.
2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc chữa ho và hen phế quản.

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.2. Phân loại thuốc ho và hen phế quản.

2.2.1. Thuốc chữa ho.

2.2. Thuốc chữa hen phế quản

2.3. Các thuốc chữa ho và hen phế quản thông dụng

Bài 11. Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng.
2. Trình bày được cơ chế tác dụng của nhóm thuốc nhuận tràng, lợi mật.
3. Nêu được các phân loại thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ.

4. Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc sử dụng thuốc trị giun sán.

5. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc chữa viêm loét dạ dày – tá tràng, thuốc nhuận tràng, lợi mật, thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ, thuốc trị giun sán.

2. Nội dung

2.1. Thuốc chống viêm loét dạ dày – tá tràng

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Các thuốc chữa loét dạ dày – tá tràng thông dụng

2.2. Thuốc nhuận tràng, lợi mật

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các thuốc nhuận tràng, lợi mật thông dụng.

2.3. Thuốc chữa tiêu chảy, lỵ.

2.3.1 Đại cương.

2.3.2. Các thuốc chữa tiêu chảy, lỵ thông dụng

2.4. Thuốc trị giun sán

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Một số thuốc trị giun sán thông dụng

Bài 12. Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa bệnh tai mũi họng.
2. Trình bày được cách phân loại và nguyên tắc khi sử dụng thuốc chữa bệnh về mắt.
3. Trình bày được phân loại và sử dụng thuốc chữa bệnh ngoài da.
4. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc dùng cho mắt.

2. Nội dung

2.1. Thuốc chữa bệnh tai, mũi, họng

2.2. Thuốc dùng cho mắt.

2.2.1. Phân loại thuốc chữa bệnh về mắt.

2.2.2. Các thuốc dùng cho mắt thông dụng.

2.3. Thuốc ngoài da

2.3.1. Phân loại.

2.3.2. Các thuốc thông dụng.

Bài 13. Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được vai trò của nước và các chất điện giải trong cơ thể, cách phân loại các thuốc tiêm truyền.
2. Trình bày được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các dung dịch tiêm truyền đã học.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của nước và các chất điện giải đối với cơ thể.

2.1.1. Vai trò của nước trong cơ thể.

2.1.2. Vai trò của một số chất điện giải trong cơ thể

- 2.2. Phân loại các thuốc tiêm truyền
- 2.3. Một số thuốc và chế phẩm thông dụng.

Bài 14. Thuốc chống dị ứng

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng tổng hợp.
2. Nêu được tính chất, tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản của các thuốc chống dị ứng tổng hợp đã học.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Vài nét về dị ứng và thuốc chống dị ứng.
 - 2.1.2. Công thức chung của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.3. Cơ chế tác dụng của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.4. Tác dụng không mong muốn của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.5. Chỉ định chung của thuốc kháng histamin tổng hợp.
 - 2.1.6. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng.
- 2.2. Các thuốc chống dị ứng thông dụng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Giảng đường, phòng thực hành.
- 2. Trang thiết bị máy móc:** laptop, projector.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức**
 - + Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;
 - + Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.
- **Về kỹ năng:** Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
 - + Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.
 - + Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

- + Kiểm tra thường xuyên:
 - 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);

- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.
- + Kiểm tra định kỳ:
 - 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
 - Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
 - Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.
- + Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):
 - Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX}_1 + \text{ĐKTTX}_2 + (\text{ĐKTĐK}_1 + \text{ĐKTĐK}_2) \times 2] / 6$
 - Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.
- **Thi kết thúc môn học:**
 - + Điều kiện:
 - Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
 - $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).
 - + Lý thuyết:
 - 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
 - Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
 - Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).
 - + Thực hành:
 - 01 điểm thi thực hành (TTH);
 - Hình thức: thực hành chạy trạm;
 - Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.
 - + Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):
 - Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH) / 2$
- **Điểm môn học (MH):**
 - + Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$
 - + Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Dược lý được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

 Không

Tài liệu tham khảo

1. Dược lý học - Trường Đại học Y Hà Nội.
2. Hóa dược – Dược lý (2006), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Giáo trình môn học Dược lý của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1

Mã môn học: MH6116

Thời gian thực hiện: 70 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: thực hiện trong học kỳ II

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe; nguyên tắc cơ bản của điều dưỡng, vai trò, chức năng của điều dưỡng; nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng; quy trình điều dưỡng để chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Mô tả chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe.
2. Trình bày các nguyên tắc cơ bản của điều dưỡng, vai trò, chức năng của điều dưỡng.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng.
2. Nhận định và đánh giá sức khỏe cho người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Lịch sử- định hướng phát triển của ngành điều dưỡng	6	6	0	
1.1	Lịch sử điều dưỡng - Định hướng điều dưỡng	2	2	0	
1.2	Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng	2	2	0	
1.3	Nguyên lý thực hành Điều dưỡng	2	2	0	
2	Chương 2: Quy trình chăm sóc người bệnh	41	24	16	1
2.1	Nhu cầu cơ bản của con người	3	3	0	
2.2	Quy trình điều dưỡng	12	8	4	
2.3	Thăm khám thể chất	10	5	4	1
2.4	Tiếp nhận người bệnh xuất viện, nhập viện, chuyển viện	1	1	0	
2.5	Hồ sơ chăm sóc người bệnh và cách ghi chép	2	2	0	
2.6	Chuẩn bị giường bệnh, an toàn bệnh nhân	3	1	2	
2.7	Tư thế nghỉ ngơi và trị liệu - Vận chuyển, nâng đỡ bệnh nhân	4	2	2	
2.8	Dấu sinh hiệu	6	2	4	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
3	Chương 3: Chăm sóc vết thương	23	9	13	1
3.1	Vệ sinh cá nhân, chăm sóc ngừa loét	6	2	4	
3.2	Kỹ thuật băng các loại.	4	1	3	
3.3	Vệ sinh đôi tay, mặc áo choàng và đi găng tay vô khuẩn.	4	2	2	
3.4	Kỹ thuật chăm sóc vết thương-vết khâu-vết thương có ống dẫn lưu (màng phổi, Kehr, Douglas, dưới gan...).	6	3	2	1
3.5	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn nhân tạo, mở khí quản.	3	1	2	
Tổng cộng		70	39	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Lịch sử điều dưỡng- Định hướng ngành điều dưỡng Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được sơ lược lịch sử phát triển Ngành điều dưỡng Việt Nam và thế giới.
2. Trình bày được những thành tựu, những tồn tại cơ bản của Ngành Điều dưỡng trong thời gian qua.
3. Trình bày được những định hướng cơ bản phát triển của Ngành Điều dưỡng.
4. Nêu được định nghĩa, các định hướng của nghề điều dưỡng
5. Nêu được các nguyên lý trong thực hành điều dưỡng.
6. Trình bày được chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Sơ lược lịch sử phát triển Ngành điều dưỡng Việt Nam và thế giới.
- 2.2. Những thành tựu, những tồn tại cơ bản của Ngành Điều dưỡng trong thời gian qua.
- 2.3. Những định hướng cơ bản phát triển của Ngành Điều dưỡng.
- 2.4. Định nghĩa, các định hướng của nghề điều dưỡng
- 2.5. Các nguyên lý trong thực hành điều dưỡng.
- 2.6. Chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

Chương 2: Quy trình chăm sóc người bệnh

Thời gian: 41 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được các nhu cầu cơ bản của con người theo Maslow, Virginia Henderson.
2. Trình bày được nội dung các bước của quy trình điều dưỡng
3. Lập được bảng kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.
4. Mô tả được các yêu cầu và các công việc cần phải làm khi thực hiện quy trình kỹ thuật thăm khám thể chất.
5. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh ở khoa khám bệnh, điều trị khi người bệnh vào viện, chuyển viện, xuất viện.
6. Nêu được tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh và những quy định về lập, ghi và bảo quản hồ sơ người bệnh.

7. Trình bày được tầm quan trọng của việc chuẩn bị giường bệnh, các phương tiện cần thiết cho việc chuẩn bị giường bệnh. Chuẩn bị được các loại giường bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật.

8. Trình bày được một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường và quy trình kỹ thuật đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thích hợp.

9. Trình bày được những khái niệm chung về dấu hiệu sinh tồn, những chỉ số bình thường và bất thường và các yếu tố gây ra sự thay đổi đó.

2. Nội dung

2.1. Các nhu cầu cơ bản của con người theo Maslow, Virginia Henderson.

2.2. Nội dung các bước của quy trình điều dưỡng

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.

2.4. Các yêu cầu và các công việc cần phải làm khi thực hiện quy trình kỹ thuật thăm khám thể chất.

2.5. Quy trình tiếp nhận người bệnh ở khoa khám bệnh, điều trị khi người bệnh vào viện, chuyển viện, xuất viện.

2.6. Tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh và những quy định về lập, ghi và bảo quản hồ sơ người bệnh.

2.7. Tầm quan trọng của việc chuẩn bị giường bệnh, các phương tiện cần thiết cho việc chuẩn bị giường bệnh. Chuẩn bị được các loại giường bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật.

2.8. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường và quy trình kỹ thuật đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thích hợp.

2.9. Khái niệm chung về dấu hiệu sinh tồn, những chỉ số bình thường và bất thường và các yếu tố gây ra sự thay đổi đó.

Chương 3: Chăm sóc vết thương

Thời gian: 23 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được những đại cương về thay băng vết thương và các loại băng cơ bản, chăm sóc vết thương và vết thương có ống dẫn lưu, chăm sóc hậu môn nhân tạo và mở khí quản.

2. Trình bày những nguyên tắc cơ bản khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.

3. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật thành thạo.

4. Thể hiện thái độ tôn trọng người bệnh trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1 Đại cương về thay băng vết thương và các loại băng cơ bản, chăm sóc vết thương và vết thương có ống dẫn lưu, chăm sóc hậu môn nhân tạo và mở khí quản.

2.2. Những nguyên tắc cơ bản khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.

2.3. Các quy trình kỹ thuật thành thạo.

2.4. Kỹ thuật tiến hành CS vết thương, CS loét, CS HMNT, CS mở khí quản.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản.

2. Trang thiết bị: máy chiếu, tivi.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

- + Mô tả chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe.
- + Trình bày các nguyên tắc cơ bản của điều dưỡng, vai trò, chức năng của điều dưỡng.

- Kỹ năng

+ Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng.

- + Nhận định và đánh giá sức khỏe cho người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc bảng kiểm để dạy thực hành, video, slide. Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, ...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về lịch sử phát triển ngành điều dưỡng, định hướng phát triển ngành điều dưỡng, quy trình điều dưỡng, kỹ thuật chăm sóc người bệnh

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng cơ bản 1, Bộ Y tế, Đỗ Đình Xuân, Y học, 2007.
2. Điều dưỡng cơ bản 2, Bộ Y tế, Đỗ Đình Xuân, Y học, 2007.
3. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.

4. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng cơ bản 2, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
5. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2002), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh (Tập 1), Nhà xuất bản Y học.
6. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
7. Bộ Y tế (1997), Quy chế bệnh viện, Nhà xuất bản Y học.
8. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 2

Mã môn học: MH6117

Thời gian thực hiện: 100 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành: 59 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện HK II

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: mục đích, nguyên tắc áp dụng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh; qui trình các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản; các tai biến và cách xử trí trong, sau quá trình chăm sóc người bệnh; các nguyên tắc xử trí cấp cứu ban đầu; thực hiện khẩn trương, chính xác, đúng thao tác kỹ thuật cấp cứu ban đầu.

II. Mục tiêu

- Về kiến thức

1. Xác định được mục đích, nguyên tắc áp dụng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.
2. Trình bày được các nguyên tắc xử trí cấp cứu ban đầu
3. Phát hiện, xử trí ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời và an toàn để điều trị những trường hợp cấp cứu.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện đầy đủ quy trình các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản; các tai biến và cách xử trí trong, sau quá trình chăm sóc người bệnh.
2. Thực hiện khẩn trương, chính xác, đúng thao tác kỹ thuật cấp cứu ban đầu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Chăm sóc tiêu hóa và bài tiết	33	15	17	1
1.1	Nhu cầu về dinh dưỡng-Khẩu phần ăn - Điều dưỡng các rối loạn về chức năng tiêu hóa	6	6	0	
1.2	Các phương pháp đưa thức ăn vào cơ thể người bệnh, hút dịch vị-tá tràng	8	4	4	
1.3	Kỹ thuật rửa dạ dày	3	1	2	
1.4	Quản lý người bệnh thụt tháo	3	1	2	
1.5	Chăm sóc người bệnh thông tiểu dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang	11	2	8	1
1.6	Theo dõi dịch vào ra.	2	1	1	
2	Chương 2: Điều trị-Điều dưỡng	40	14	25	1
2.1	Chuẩn bị người bệnh làm xét nghiệm cận lâm sàng.	3	1	2	
2.2	Chườm nóng - chườm lạnh	3	1	2	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2.3	Oxy liệu pháp	4	2	2	
2.4	Hút đờm nhớt	5	2	3	
2.5	Những nguyên tắc dùng thuốc, các phương pháp dùng thuốc, tiêm an toàn	13	4	8	1
2.6	Tiêm truyền dung dịch, truyền máu	12	4	8	
3	Chương 3: Sơ cấp cứu ban đầu	27	10	17	
3.1	Tổ chức cấp cứu hàng loạt, phân loại chọn lọc nạn nhân	4	2	2	
3.2	Cấp cứu hô hấp tuần hoàn	6	2	4	
3.3	Sơ cứu gãy xương	6	2	4	
3.4	Xuất huyết cầm máu	3	1	2	
3.5	Sơ cứu vết thương	6	2	4	
3.6	Vận chuyển người bị nạn	2	1	1	
Tổng cộng		100	39	59	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Chăm sóc tiêu hóa và bài tiết

Thời gian: 33 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng của con người về chất lượng, vai trò, tác dụng của các chất sử dụng làm thức ăn.
2. Kể được các yếu tố ảnh hưởng, rối loạn đến chức năng tiêu hóa.
3. Liệt kê được mục đích và chỉ định trong việc giúp người bệnh ăn, rửa dạ dày, thụt tháo, thông tiêu, rửa bàng quang.
4. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật giúp người bệnh ăn qua ống thông, rửa dạ dày, thụt tháo, thông tiêu, rửa bàng quang.

2. Nội dung

2.1. Nhu cầu về dinh dưỡng-Khẩu phần ăn-Điều dưỡng các rối loạn về chức năng tiêu hóa.

2.2.1. Nhu cầu dinh dưỡng.

2.2.2. Khẩu phần ăn.

2.2.3. Yêu cầu ăn ngon miệng.

2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiêu hóa.

2.2.5. Các rối loạn tiêu hóa thường gặp.

2.2.6. Quy trình điều dưỡng đối với các rối loạn tiêu hóa.

2.2. Các phương pháp đưa thức ăn vào cơ thể người bệnh, hút dịch vị-tá tràng

2.2.1. Mục đích, chỉ định.

2.2.2. Nhận định người bệnh.

2.2.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.2.4. Kỹ thuật tiến hành.

2.3. Kỹ thuật rửa dạ dày

2.2.1. Định nghĩa.

2.2.2. Mục đích, chỉ định.

- 2.2.3. Chống chỉ định.
- 2.2.4. Quy trình chăm sóc người bệnh rửa dạ dày.
- 2.2.5. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
- 2.2.6. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.4. Quản lý người bệnh thụt tháo
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Chỉ định- Chống chỉ định.
 - 2.2.3. Nhận định người bệnh.
 - 2.2.4. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.5. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.5. Chăm sóc người bệnh thông tiểu dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự bài tiết nước tiểu.
 - 2.2.3. Một số định nghĩa về sự bài tiết bất thường qua đường niệu
 - 2.2.4. Định nghĩa-Mục đích
 - 2.2.5. Chỉ định- Chống chỉ định.
 - 2.2.6. Các phương pháp dẫn lưu nước tiểu
 - 2.2.7. Các tai biến, biến chứng, nguyên nhân, cách xử trí và phòng ngừa.
 - 2.2.8. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.9. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.6. Theo dõi dịch vào ra.
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Thay đổi cơ thể khi mất cân bằng dịch.
 - 2.2.3. Chỉ định theo dõi dịch vào ra.
 - 2.2.4. Quy trình điều dưỡng.

Chương 2: Điều trị - Điều dưỡng

Thời gian: 40 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các yêu cầu chuẩn bị người bệnh trước khi làm xét nghiệm, từng loại xét nghiệm.
2. Trình bày được tác dụng chườm nóng-chườm lạnh.
3. Kể được mục đích và chỉ định khi cho người bệnh thở dưỡng khí, hút đờm nhớt, tiêm thuốc, truyền dịch và truyền máu.
4. Liệt kê được các phương pháp dùng thuốc, nguyên tắc, các tai biến và cách xử trí.
5. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm, chườm nóng-chườm lạnh, thở dưỡng khí, hút đờm nhớt, các phương pháp dùng thuốc, truyền dịch và truyền máu.

2. Nội dung

- 2.1. Chuẩn bị người bệnh làm xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.2.1. Đại cương, mục đích.
 - 2.2.2. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.2. Chườm nóng - chườm lạnh

- 2.2.1. Tác dụng.
- 2.2.2. Ảnh hưởng của các cơ quan với vùng chườm.
- 2.2.3. Nguyên tắc.
- 2.2.4. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
- 2.2.5. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.3. Oxy liệu pháp
 - 2.2.1. Mục đích, chỉ định.
 - 2.2.2. Nhận định người bệnh.
 - 2.2.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.4. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.4. Hút đờm nhớt
 - 2.2.1. Mục đích, chỉ định.
 - 2.2.2. Nhận định người bệnh.
 - 2.2.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.4. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.5. Những nguyên tắc dùng thuốc, các phương pháp dùng thuốc, tiêm an toàn
 - 2.2.1. Những yêu cầu cần thiết khi dùng thuốc
 - 2.2.2. Các phương pháp dùng thuốc.
 - 2.2.3. Mục đích, chỉ định.
 - 2.2.4. Chống chỉ định.
 - 2.2.5. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.6. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.6. Tiêm truyền dung dịch, truyền máu
 - 2.2.1. Những yêu cầu cần thiết khi truyền dịch, truyền máu
 - 2.2.2. Mục đích, chỉ định.
 - 2.2.3. Chống chỉ định.
 - 2.2.4. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.5. Kỹ thuật tiến hành.

Chương 3: Sơ cấp cứu ban đầu

Thời gian: 27 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, xử trí và phòng ngừa các trường hợp: ngừng thở - ngừng tim, vết thương phần mềm, gãy xương.
2. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật sơ cứu đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Tổ chức cấp cứu hàng loạt, phân loại chọn lọc nạn nhân
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Mục đích.
 - 2.2.3. Phân loại nạn nhân.
- 2.2. Cấp cứu hô hấp tuần hoàn
 - 2.2.1. Nguyên nhân, mục đích.
 - 2.2.2. Triệu chứng.
 - 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.

- 2.2.4. Những điểm lưu ý.
- 2.3. Sơ cứu gãy xương
 - 2.2.1. Nguyên nhân, mục đích.
 - 2.2.2. Triệu chứng.
 - 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.
 - 2.2.4. Những điểm lưu ý.
- 2.4. Sơ cứu vết thương
 - 2.2.1. Nguyên nhân, mục đích.
 - 2.2.2. Triệu chứng.
 - 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.
 - 2.2.4. Những điểm lưu ý.
- 2.5. Vận chuyển người bị nạn
 - 2.2.1. Mục đích.
 - 2.2.2. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.
 - 2.2.4. Những điểm lưu ý.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

- + Xác định được mục đích, nguyên tắc áp dụng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.
- + Trình bày được các nguyên tắc xử trí cấp cứu ban đầu
- + Phát hiện, xử trí ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời và an toàn để điều trị những trường hợp cấp cứu.

- Kỹ năng

- + Thực hiện đầy đủ quy trình các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản; các tai biến và cách xử trí trong, sau quá trình chăm sóc người bệnh.
- + Thực hiện khẩn trương, chính xác, đúng thao tác kỹ thuật cấp cứu ban đầu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện thái độ thận trọng, chính xác, nhẹ nhàng và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc băng kiểm để dạy thực hành, video, Slide; Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về nhu cầu dinh dưỡng; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng cơ bản 1, Bộ Y tế, Đỗ Đình Xuân, Y học, 2007.
2. Điều dưỡng cơ bản 2, Bộ Y tế, Đỗ Đình Xuân, Y học, 2007.
3. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
4. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng cơ bản 2, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
5. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2002), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh (Tập 1), Nhà xuất bản Y học.
6. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
7. Bộ Y tế (1997), Quy chế bệnh viện, Nhà xuất bản Y học.
8. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

Tên môn học: NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI

Mã môn học: MH6118

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện ở học kỳ IV

2. **Tính chất:** Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe, phương pháp, phương tiện và các kỹ năng, các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.; rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

- Về Kiến thức

1. Nêu được các khái niệm về sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, hành vi, hành vi sức khỏe.
2. Trình bày được các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
3. Trình bày được các mô hình lý thuyết và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.
4. Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe.
5. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn nội dung và nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
6. Trình bày được các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe;
7. Trình bày được các kỹ năng giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận truyền thông.
8. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.
9. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, nơi làm việc.

- Về kỹ năng

1. Xác định được các nhu cầu của công tác nâng cao sức khỏe và các vấn đề ưu tiên.
2. Phân tích các yếu tố tác động đến thay đổi hành vi sức khỏe.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học vận dụng các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong sinh hoạt hàng ngày; Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Những nội dung cơ bản của nâng cao sức khỏe	7	7		
1.1	Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	1	1		
1.2	Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.3	Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	2	2		
1.4	Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe	2	2		
2	Chương 2: Những kỹ năng chính trong nâng cao sức khỏe	8	7		1
2.1	Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2		
2.2	Phương pháp, phương tiện truyền thông sức khỏe	2	2		
2.3	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2		
2.4	Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe	2	1		1
3	Chương 3: Triển khai chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng	5	5		
3.1	Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	3	3		
3.2	Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở	2	2		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được các khái niệm về sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, hành vi, hành vi sức khỏe.
2. Trình bày được các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
3. Giải thích được những yếu tố quyết định sức khỏe.
4. Trình bày được các mô hình lý thuyết và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.
5. Mô tả được các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe.
6. Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu về nâng cao sức khỏe
 - 2.1.1. Sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - 2.1.2. Các khái niệm giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe.
 - 2.1.3. Các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
- 2.2. Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe
- 2.3. Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi
 - 2.3.1. Những yếu tố quyết định sức khỏe.
 - 2.3.2. Hành vi sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng.
 - 2.3.3. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp.
- 2.4. Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe
 - 2.4.1. Các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe
 - 2.4.2. Các mô hình nâng cao sức khỏe

Chương 2: Những kỹ năng chính trong nâng cao sức khỏe Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn nội dung và nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
2. Trình bày được các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe;
3. Trình bày được các kỹ năng giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận truyền thông.
4. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.1.1. Nguyên tắc lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.1.2. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.2. Phương pháp, phương tiện truyền thông sức khỏe
 - 2.2.1. Phương pháp truyền thông.
 - 2.2.2. Phương tiện truyền thông.
- 2.3. Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.3.1. Các khâu cơ bản và quá trình truyền thông
 - 2.3.2. Các yêu cầu làm cho truyền thông giao tiếp có hiệu quả.
 - 2.3.3. Các kỹ năng truyền thông giao tiếp cơ bản cần rèn luyện
- 2.3. Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe
 - 2.3.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu.
 - 2.3.2. Các tiêu chuẩn của mục tiêu.
 - 2.3.3. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

Chương 3: Triển khai chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm cộng đồng và phát triển cộng đồng.
2. Trình bày được cách tiếp cận phát triển cộng đồng.
3. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, nơi làm việc.

2. Nội dung

- 2.1. Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Các quan điểm định hướng phát triển cộng đồng.
 - 2.1.3. Các cách tiếp cận phát triển cộng đồng.
 - 2.1.4. Các dạng hoạt động trong phát triển cộng đồng.
- 2.2. Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở
 - 2.2.1. Nâng cao sức khỏe trong trường học.
 - 2.2.2. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

- + Trình bày được các khái niệm, mục đích của sức khỏe và nâng cao sức khỏe.
- + Phân tích được các yếu tố quyết định sức khỏe.
- + Trình bày các mô hình nâng cao sức khỏe.
- + Nêu được khái niệm hành vi, hành vi sức khỏe.
- + Trình bày được hành vi có lợi, có hại cho sức khỏe.
- + Các bước thay đổi hành vi sức khỏe.

- Kỹ năng

- + Liệt kê được các vấn sức khỏe.
- + Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- + Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học xác định được hành vi có lợi, có hại cho sức khỏe; Vận dụng các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong sinh hoạt hàng ngày; Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập...

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về hành vi sức khỏe, phân tích các vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2005), Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

2. Bộ Y tế (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

3. Bộ Y tế (1998), Nâng cao Sức khỏe - Hướng dẫn thực hành, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

4. Bộ Y tế (2013), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

5. Giáo trình môn học Nâng cao sức khỏe và hành vi con người của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

Tên môn học: SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH

Mã môn học: MH6119

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III

2. Tính chất: Sức khỏe - Môi trường là một ngành khoa học ứng dụng nghiên cứu những tác động qua lại hữu cơ giữa môi trường với sức khỏe trong thực tiễn cuộc sống của con người, đề xuất những giải pháp hoặc biện pháp can thiệp về pháp luật, quản lý, khoa học công nghệ trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau để giải quyết những tác động nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó sinh viên có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

1. Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các yếu tố xã hội, tự nhiên trong quá trình phát triển dịch bệnh.

2. Trình bày được mối quan hệ sức khỏe, bệnh tật với môi trường.

- Kỹ năng:

Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào môn học.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: Sức khỏe môi trường	7	3	4	
1	Môi trường và sức khỏe	7	3	4	
	Chương 2: Vệ sinh phòng bệnh	43	16	25	2
2	Vệ sinh cá nhân, trường học, nhà ở	10	2	8	
3	Phòng dịch và bao vây dập tắt một vụ dịch tại cộng đồng	8	2	6	
4	Vệ sinh môi trường đất, nước, không khí	10	4	5	1

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
5	Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp – Những nguyên tắc dự phòng các tác hại nghề nghiệp	4	4		
6	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	3	2		1
7	Tư vấn sức khỏe	8	2	6	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Môi trường và sức khỏe

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được định nghĩa về môi trường và sức khỏe
2. Trình bày được phân loại môi trường
3. Kể được các tác hại của ô nhiễm môi trường và biện pháp đề phòng

2. Nội dung

- 2.1. Môi trường và sức khỏe
 - 2.1.1. Định nghĩa về môi trường và sức khỏe
 - 2.1.2. Phân loại môi trường
 - 2.1.3. Tác hại của ô nhiễm môi trường và biện pháp đề phòng

Chương 2: Vệ sinh phòng bệnh

Thời gian: 43 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được ý nghĩa, nội dung, cách giữ gìn vệ sinh cá nhân và các biện pháp phòng chống của vệ sinh cá nhân đối với sức khỏe
2. Nêu được định nghĩa, các yếu tố, cơ chế và phân loại và các biện pháp phòng chống của quá trình dịch
3. Nêu được định nghĩa, các yếu tố ô nhiễm, một số biện pháp phòng chống về môi trường đất, nước, không khí
4. Nêu được vai trò, biến đổi sinh lý, cách phòng chống của vệ sinh lao động
5. Trình bày định nghĩa, 10 nội dung và các chương trình y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu
6. Trình bày được khái niệm và mục đích, 6 nguyên tắc, 5 bước của tư vấn sức khỏe

2. Nội dung

- 2.1. Vệ sinh cá nhân, trường học, nhà ở
 - 2.1.1. Ý nghĩa của vệ sinh cá nhân
 - 2.1.2. Nội dung cơ bản của vệ sinh cá nhân
 - 2.1.3. Cách giữ gìn vệ sinh thân thể và trong ăn uống
 - 2.1.4. Tiêu chuẩn vệ sinh trường học, lớp học và nhà ở và biện pháp phòng tránh các bệnh học đường
- 2.2. Phòng dịch và bao vây dập tắt một vụ dịch tại cộng đồng
 - 2.2.1. Định nghĩa quá trình dịch
 - 2.2.2. Yếu tố của quá trình dịch
 - 2.2.3. Cơ chế và phân loại bệnh truyền nhiễm

- 2.2.4. Các biện pháp phòng chống dịch
- 2.2.5. Cách điều tra một vụ dịch
- 2.2.6. Các giai đoạn điều tra và xử lý một vụ dịch ở cộng đồng
- 2.3. Vệ sinh môi trường đất, nước, không khí
 - 2.3.1. Định nghĩa về môi trường đất, nước, không khí
 - 2.3.2. Các yếu tố ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí
 - 2.3.3. Một số biện pháp bảo vệ môi trường đất, nước, không khí
- 2.4. Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp – Những nguyên tắc dự phòng các tác hại nghề nghiệp
 - 2.4.1. Vai trò của vệ sinh lao động
 - 2.4.2. Biến đổi sinh lý trong quá trình lao động
 - 2.4.3. Những yếu tố vi khí hậu trong lao động sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân
 - 2.4.4. Một số yếu tố trong môi trường lao động sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân (mệt mỏi, ồn, rung chuyển)
 - 2.4.5. Một số bệnh bụi phổi thường gặp
 - 2.4.6. Định nghĩa, mục tiêu và lợi ích của Ergonomi trong lao động sản xuất
- 2.5. Chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 2.5.1. Định nghĩa sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 2.5.2. Mười nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 2.5.3. Các chương trình y tế quan trọng
- 2.6. Tư vấn sức khỏe
 - 2.6.1. Khái niệm và mục đích của tư vấn sức khỏe
 - 2.6.2. Sáu nguyên tắc trong tư vấn sức khỏe
 - 2.6.3. Năm bước của tư vấn
 - 2.6.4. Các kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện tư vấn sức khỏe

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường, thực hành giảng dạy tại phòng thực hành ở trường.

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn, tranh ảnh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, bảng phấn, tài liệu giảng dạy; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức

+ Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các yếu tố xã hội, tự nhiên trong quá trình phát triển dịch bệnh.

+ Trình bày được mối quan hệ sức khỏe, bệnh tật với môi trường.

- Kỹ năng

+ Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào môn học.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn cơ sở ngành.

2. Phương pháp giảng dạy

- Đối với giảng viên

+ Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

+ Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

Tài liệu tham khảo

1. Sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản y học Hà Nội, 2006
2. Đào Ngọc Phong (Chủ biên), Vệ sinh môi trường, NXB Y học, 1995.
3. Đào Ngọc Phong (Chủ biên), Vệ sinh môi trường- Dịch tễ, tập I,II NXB Y học, 2001.
4. Bộ môn Sức khỏe môi trường, sách giáo khoa sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội, 2006.
5. Nguyễn Văn Thương, Giáo trình Sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản, Hà Nội, 1999.
6. Bộ Y tế, Sức khỏe môi trường- sách dùng đào tạo Cử nhân Y tế Công cộng. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
7. Hội Y tế công cộng Hoa, Sổ tay kiểm soát các bệnh truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học, 1997.
8. Nguyễn Văn Mạn. Giáo trình Sức khỏe Môi trường. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2006.
9. Bộ Y tế, Bảng tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống, Hà Nội, tháng 5 năm 2002.
10. Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh, Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững. Nhà xuất bản ĐHQGHN, 2000
11. Nguyễn Võ Kỳ Anh, Giáo dục sức khỏe sinh viên (sách dùng cho sinh viên cử nhân sư phạm), Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.
12. Giáo trình môn học Sức khỏe – Môi trường và vệ sinh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

Tên môn học: DINH DƯỠNG VÀ TIẾT CHẾ

Mã môn học: MH6120

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** thực hiện học kỳ III

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng trong thực phẩm đối với đời sống của con người và cách phòng chống ngộ độc thực phẩm.

2. Trình bày nguyên tắc và những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng trong điều trị.

3. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- Về kỹ năng

Áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng	5	5		
1.1	Dinh dưỡng sức khỏe và bệnh tật	1	1		
1.2	Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng	2	2		
1.3	Dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi	1	1		
1.4	Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm	1	1		
2	Chương 2: Dinh dưỡng trong điều trị	12	11		1
2.1	Các bệnh thiếu dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng	2	2		
2.2	Nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mãn tính	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2.3	Tổ chức ăn uống trong bệnh viện và một số chế độ ăn thường gặp	2	2		
2.4	Chế độ ăn điều trị trong một số bệnh	4	3		1
3	Chương 3: Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	3		
3.1	Các bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm	2	2		
3.2	Vệ sinh ăn uống công cộng, vệ sinh bảo quản và chế biến một số thực phẩm	1	1		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được vai trò, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm và nhu cầu dinh dưỡng đối với cơ thể.
2. Mô tả được dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi
3. Trình bày được nhu cầu năng lượng, giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm và phương pháp xây dựng khẩu phần ăn hợp lý.

2. Nội dung

- 2.1. Dinh dưỡng sức khỏe và bệnh tật.
 - 2.1.1. Các chất dinh dưỡng là các chất hóa học thiết yếu cho sức khỏe người và động vật.
 - 2.1.2. Quan hệ tương hỗ giữa các chất dinh dưỡng trong cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng
 - 2.1.3. Mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật
- 2.2. Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng
 - 2.2.1. Vai trò và nhu cầu về năng lượng của cơ thể.
 - 2.2.2. Vai trò và nhu cầu các chất sinh năng lượng
 - 2.2.3. Vai trò và nhu cầu vitamin, chất khoáng
- 2.3. Dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi
 - 2.3.1. Dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú
 - 2.3.2. Dinh dưỡng cho trẻ em
 - 2.3.3. Dinh dưỡng cho người trưởng thành
 - 2.3.4. Dinh dưỡng cho người cao tuổi
- 2.4. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm
 - 2.4.1. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của protein, lipid, glucid, vitamin và muối khoáng

Chương 2: Dinh dưỡng trong điều trị

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. Xác định được nguyên nhân các bệnh thiếu dinh dưỡng, phương pháp đánh giá tình trạng thiếu và dinh dưỡng và biện pháp phòng chống các bệnh thiếu dinh dưỡng.
2. Nêu mối liên quan giữa chế độ ăn và các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng và nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mãn tính
3. Xác định được tầm quan trọng của dinh dưỡng điều trị, các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị, những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng điều trị
4. Xây dựng được chế độ ăn điều trị trong một số bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Các bệnh thiếu dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng
 - 2.1.1. Liệt kê các bệnh thiếu dinh dưỡng đang gặp ở Việt Nam.
 - 2.1.2. Ý nghĩa sức khỏe cộng đồng của các bệnh thiếu dinh dưỡng tại cộng đồng.
 - 2.1.3. Nguyên nhân các bệnh thiếu dinh dưỡng.
 - 2.1.4. Phương pháp đánh giá tình trạng thiếu và dinh dưỡng.
 - 2.1.5. Trình bày các biện pháp phòng chống các bệnh thiếu dinh dưỡng.
- 2.2. Nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mãn tính
 - 2.2.1. Mối liên quan giữa chế độ ăn và các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng
 - 2.2.2. Những hiểu biết mới về vai trò của thực phẩm và chế độ ăn có tác dụng phòng ngừa các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng
 - 2.2.3. Nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mãn tính
- 2.3. Tổ chức ăn uống trong bệnh viện và một số chế độ ăn thường gặp
 - 2.3.1. Tầm quan trọng của dinh dưỡng điều trị
 - 2.3.2. Các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị
 - 2.3.3. Chỉ định các chế độ ăn trong một số bệnh thường gặp
 - 2.3.4. Những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng điều trị
 - 2.3.5. Tổ chức khoa dinh dưỡng trong bệnh viện
- 2.4. Chế độ ăn điều trị trong một số bệnh
 - 2.4.1. Chế độ ăn phòng và điều trị bệnh tăng huyết áp
 - 2.4.2. Chế độ ăn phòng và điều trị bệnh đái tháo đường
 - 2.4.3. Hướng dẫn chế độ ăn phục hồi suy dinh dưỡng
 - 2.4.4. Chế độ ăn bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

Chương 3: Vệ sinh an toàn thực phẩm

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm, các bệnh do thực phẩm và một số ngộ độc thực phẩm thường gặp
2. Trình bày yêu cầu về vệ sinh đối với thực phẩm, vệ sinh trong quá trình chế biến, bảo quản thực phẩm và giám sát kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm

2. Nội dung

- 2.1. Các bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm
 - 2.1.1. Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 2.1.2. Các bệnh do thực phẩm
 - 2.1.3. Một số ngộ độc thực phẩm thường gặp

2.2. Vệ sinh ăn uống công cộng, vệ sinh bảo quản và chế biến một số thực phẩm

2.2.1. Khái niệm về vệ sinh ăn uống và vệ sinh an toàn thực phẩm

2.2.2. Vệ sinh ăn uống công cộng

2.2.3. Yêu cầu về vệ sinh đối với thực phẩm, vệ sinh trong quá trình chế biến, bảo quản thực phẩm

2.2.4. Giám sát kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, tivi.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Trình bày được vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng trong thực phẩm đối với đời sống của con người và cách phòng chống ngộ độc thực phẩm. Trình bày nguyên tắc và những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng trong điều trị. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- **Về kỹ năng:** Áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực;

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về dinh dưỡng; áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Bộ Y tế, Giáo dục 2008.

2. Bộ Y tế (2005), Giáo trình dinh dưỡng, Nhà xuất bản y học.

3. Bộ Y Tế (2008), Dinh dưỡng cộng đồng và an toàn vệ sinh thực phẩm, NXB Giáo dục.

4. Giáo trình môn học Dinh dưỡng và tiết chế của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học: MH6121

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận/bài tập: 10 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ I. Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt đượ

- Về kiến thức

1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

2. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Về kỹ năng

1. Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

2. Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
Tổng cộng		30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2. Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - 2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - 2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - 2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- 2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam
 - 2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật
 - 2.2.1.1. Quy phạm pháp luật
 - 2.2.1.2. Chế định pháp luật
 - 2.2.1.3. Ngành luật
 - 2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
 - 2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: HIẾN PHÁP

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2. Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

- 2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
 - 2.1.1. Khái niệm hiến pháp
 - 2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: PHÁP LUẬT DÂN SỰ

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.

2. Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Bài 4: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.

2. Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 5: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;

2. Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

- 2.2.1. Vi phạm hành chính
- 2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- 2. Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
 - 2.2.1. Tội phạm
 - 2.2.2. Hình phạt

Bài 7: PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- 1.2. Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8: PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- 2. Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Phòng học.
- 2. Trang thiết bị máy móc:** Máy tính, máy chiếu Projector.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
- 4. Các điều kiện khác:** Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều

kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

- Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết

định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.

25. Giáo trình môn học Pháp luật của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

Tên môn học: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ

Mã môn học: MH6122

Thời gian thực hiện: 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ, Thực hành (Thảo luận): 00 giờ Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** thực hiện học kỳ IV.

2. **Tính chất:** Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức và Quản lý hệ thống y tế Việt Nam; những quan điểm, chiến lược và chính sách y tế Việt Nam; tổ chức và Quản lý y tế Bệnh Viện; lập kế hoạch y tế và giám sát hoạt động y tế.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Trình bày được hệ thống tổ chức Ngành Y tế và Ngành Điều dưỡng Việt Nam.
2. Trình bày được các quan điểm, đường lối của Đảng về công tác y tế, nhiệm vụ của Ngành Y tế trong giai đoạn hiện nay.
3. Trình bày được cách tổ chức bệnh viện, quản lý y tế cơ sở.

- Kỹ năng:

Vận dụng kiến thức môn vào thực tiễn về tổ chức và quản lý y tế cơ sở

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức, trách nhiệm người thầy thuốc khi thực hiện quản lý chuyên môn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương I: Đại cương về Tổ chức và Quản lý Y tế - Khái niệm: Y học xã hội, Y tế công cộng, Tổ chức Y tế. - Sự phát triển của Y xã hội học và Tổ chức Y tế. - Khoa học và Tổ Chức và Quản lý Y tế: Chức năng, nhiệm vụ, đối tượng và các nội dung cơ bản. - Các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp đánh giá.	6	6		
2	Chương II: Tổ chức và Quản lý hệ thống y tế Việt Nam. - Nguyên tắc cơ bản về tổ chức mạng lưới Y tế Việt nam.	6	6		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình chung của Tổ chức Y tế Việt Nam. - Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các tuyến y tế. - Chuẩn quốc gia về y tế xã (giai đoạn 2010 – 2020). 				
3	<p>Chương III: Những quan điểm, chiến lược và chính sách y tế Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quan điểm cơ bản trong lịch sử phát triển quan điểm y tế của Đảng ta. - Đặc điểm nhu cầu sức khỏe và chăm sóc sức khỏe nhân dân - Phân tích nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ sức khỏe và quan điểm về y tế. 	4	4		
4	<p>Chương IV: Tổ chức và Quản lý y tế Bệnh Viện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái lược về cơ hình thành và phát triển của bệnh viện và quản lý bệnh viện. - Định nghĩa bệnh viện - Vai trò của bệnh viện - Nhiệm vụ của bệnh viện. - Mô hình bệnh viện. - Quản lý bệnh viện. - Cơ chế pháp lý của bệnh viện. 	6	5		1
5	<p>Chương V: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về thông tin, chỉ số y tế. - Ý nghĩa và vai trò của thông tin y tế. - Yêu cầu cơ bản đối với thông tin. - Các đặc tính của thông tin y tế. - Phân loại thông tin, chỉ số, chỉ tiêu y tế. - Cách tính và ý nghĩa của một số chỉ số quan trọng ở tuyến y tế cơ sở. - Hệ thống sổ sách, báo cáo của trạm y tế cơ sở. 	4	4		
6	<p>Chương VI: Lập kế hoạch y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch. - Quy trình lập kế hoạch y tế công cộng. 	2	2		
7	<p>Chương VII: Giám sát hoạt động y tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương - Khái niệm về vai trò giám sát. - Tiêu chuẩn, nhiệm vụ , thái độ và hành vi của giám sát viên. - Phương pháp giám sát - Quy trình giám sát. 	4	4		
8	<p>Chương VIII: Quản lý nhân lực y tế</p>	4	4		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	- Khái quát về quản lý nhân lực. - Một số phương pháp về quản lý nhân lực. - Các nội dung cơ bản về quản lý nhân lực tại tuyến y tế xã/phường. - Khái niệm về nhóm làm việc và vai trò của nhóm làm việc.				
9	Chương IX: Quản lý tài chính và vật tư y tế. - Đặt vấn đề. - Các khái niệm. - Hệ thống và cơ chế hoạt động hệ thống tài chính y tế Việt Nam. - Quản lý tài chính vật tư.	4	4		
Tổng cộng		40	39	00	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Đại cương về Tổ chức và Quản lý Y tế

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm: Y học xã hội, Y tế công cộng, Tổ chức Y tế.
2. Trình bày được sự phát triển của Y xã hội học và Tổ chức Y tế.
3. Nêu được khoa học và Tổ Chức và Quản lý Y tế: Chức năng , nhiệm vụ. đối tượng và các nội dung cơ bản.
4. Nêu được các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp đánh giá.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về Tổ chức và Quản lý Y tế
 - 2.1.1. Khái niệm: Y học xã hội, Y tế công cộng, Tổ chức Y tế.
 - 2.1.2. Sự phát triển của Y xã hội học và Tổ chức Y tế.
 - 2.1.3. Khoa học và Tổ Chức và Quản lý Y tế: Chức năng , nhiệm vụ. đối tượng và các nội dung cơ bản.
 - 2.1.4. Các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp đánh giá.

Chương II: Tổ chức và Quản lý hệ thống y tế Việt Nam.

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên tắc cơ bản về tổ chức mạng lưới Y tế Việt nam.
2. Nêu được mô hình chung của Tổ chức Y tế Việt Nam.
3. Nêu được tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các tuyến y tế.
4. Trình bày được Chuẩn quốc gia về y tế xã (giai đoạn 2010 – 2020).

2. Nội dung

- 2.1. Tổ chức và Quản lý hệ thống y tế Việt Nam.
 - 2.1.1. Nguyên tắc cơ bản về tổ chức mạng lưới Y tế Việt nam.

- 2.1.2. Mô hình chung của Tổ chức Y tế Việt Nam.
- 2.1.3. Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các tuyến y tế.
- 2.1.4. Chuẩn quốc gia về y tế xã (giai đoạn 2010 – 2020).

Chương III: Những quan điểm, chiến lược và chính sách y tế Việt Nam.

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được các quan điểm cơ bản trong lịch sử phát triển quan điểm y tế của Đảng ta.
- 2. Trình bày được đặc điểm nhu cầu sức khỏe và chăm sóc sức khỏe nhân dân
- 3. Nêu được phân tích nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ sức khỏe và quan điểm về y tế.

2. Nội dung

- 2.1. Những quan điểm, chiến lược và chính sách y tế Việt Nam.
 - 2.1.1. Các quan điểm cơ bản trong lịch sử phát triển quan điểm y tế của Đảng ta.
 - 2.1.2. Đặc điểm nhu cầu sức khỏe và chăm sóc sức khỏe nhân dân
 - 2.1.3. Phân tích nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ sức khỏe và quan điểm về y tế.

Chương IV: Tổ chức và Quản lý y tế Bệnh Viện

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được khái lược về cự hình thành và phát triển của bệnh viện và quản lý bệnh viện.
- 2. Nêu được định nghĩa, vai trò, nhiệm vụ, mô hình, quản lý của bệnh viện.
- 3. Trình bày được cơ chế pháp lý của bệnh viện.

2. Nội dung

- 2.1. Tổ chức và Quản lý y tế Bệnh Viện
 - 2.1.1. Khái lược về cự hình thành và phát triển của bệnh viện và quản lý bệnh viện.
 - 2.1.2. Định nghĩa bệnh viện
 - 2.1.3. Vai trò của bệnh viện
 - 2.1.4. Nhiệm vụ của bệnh viện.
 - 2.1.5. Mô hình bệnh viện.
 - 2.1.6. Quản lý bệnh viện.
 - 2.1.7. Cơ chế pháp lý của bệnh viện.

Chương V: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được khái niệm về thông tin, chỉ số y tế.
- 2. Trình bày được ý nghĩa và vai trò của thông tin y tế.

2. Nội dung

- 2.1. Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế
 - 2.1.1. Khái niệm về thông tin, chỉ số y tế.
 - 2.1.2. Ý nghĩa và vai trò của thông tin y tế.
 - 2.1.3. Yêu cầu cơ bản đối với thông tin.

- 2.1.4. Các đặc tính của thông tin y tế.
- 2.1.5. Phân loại thông tin, chỉ số, chỉ tiêu y tế.
- 2.1.6. Cách tính và ý nghĩa của một số chỉ số quan trọng ở tuyến y tế cơ sở.
- 2.1.7. Hệ thống sổ sách, báo cáo của trạm y tế cơ sở.

Chương VI: Lập kế hoạch y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch.
- 2. Trình bày được quy trình lập kế hoạch y tế công cộng.

2. Nội dung

- 2.1. Lập kế hoạch y tế
 - 2.1.1. Khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch.
 - 2.1.2. Quy trình lập kế hoạch y tế công cộng.

Chương VII: Giám sát hoạt động y tế.

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được khái niệm về vai trò giám sát.
- 2. Trình bày được tiêu chuẩn, nhiệm vụ, thái độ và hành vi của giám sát viên.

2. Nội dung

- 2.1. Giám sát hoạt động y tế.
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Khái niệm về vai trò giám sát.
 - 2.1.3. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, thái độ và hành vi của giám sát viên.
 - 2.1.4. Phương pháp giám sát
 - 2.1.5. Quy trình giám sát.

Chương VIII: Quản lý nhân lực y tế

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được khái quát về quản lý nhân lực, một số phương pháp về quản lý nhân lực.
- 2. Trình bày được các nội dung cơ bản về quản lý nhân lực tại tuyến y tế xã/phường.
- 3. Nêu được khái niệm về nhóm làm việc và vai trò của nhóm làm việc.

2. Nội dung

- 2.1. Quản lý nhân lực y tế
 - 2.1.1. Khái quát về quản lý nhân lực.
 - 2.1.2. Một số phương pháp về quản lý nhân lực.
 - 2.1.3. Các nội dung cơ bản về quản lý nhân lực tại tuyến y tế xã/phường.
 - 2.1.4. Khái niệm về nhóm làm việc và vai trò của nhóm làm việc.

Chương IX: Quản lý tài chính và vật tư y tế.

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được các khái niệm.
- 2. Trình bày được hệ thống và cơ chế hoạt động hệ thống tài chính y tế Việt Nam.
- 3. Nêu được quản lý tài chính vật tư.

2. Nội dung

- 2.1. Quản lý tài chính và vật tư y tế.
 - 2.1.1. Đặt vấn đề.
 - 2.1.2. Các khái niệm.
 - 2.1.3. Hệ thống và cơ chế hoạt động hệ thống tài chính y tế Việt Nam.
 - 2.1.4. Quản lý tài chính vật tư.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học chuyên môn:** Lý thuyết giảng dạy trên hội trường.
2. **Trang thiết bị dạy học:** máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn.
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** tài liệu giảng dạy.
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
 - **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.
 - **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm

2. Phương pháp

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. **Phạm vi áp dụng môn học:** Môn học bổ trợ.
2. **Phương pháp giảng dạy**
 - Đối với giảng viên: Lý thuyết:Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.
 - Đối với người học: Tự học, tự luyện tập, thảo luận, làm bài tập nhóm
3. **Những trọng tâm cần chú ý:** Không

Tài liệu tham khảo

1. Đại học Quốc gia Hà Nội - Giáo trình nhà nước và pháp luật đại cương - Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội - Tổ chức và Quản lý y tế. Nhà xuất bản Y học - 2007
3. Quốc Hội - Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân Hà Nội. Nhà xuất bản Pháp lý, 1989.
4. Bộ Y tế. Tổ chức y tế thế giới - Quản lý y tế. Nhà xuất bản Y học Hà Nội - 2001.
5. Bộ Y tế - Quy chế Bệnh viện. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội - 2001.
6. Đại học Quốc gia Hà Nội - Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật - 1999.
7. Đại học Luật Hà Nội - Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật – 1994.
8. Giáo trình môn học Tổ chức và quản lý y tế của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 23

Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC

Mã môn học: MH6123

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** thực hiện ở học kỳ III.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên những khái niệm về phẩm chất đạo đức của điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về y đức điều dưỡng (của hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.
2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.
3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.
5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng
6. Trình bày quy định về y đức của Bộ Y tế

- Về kỹ năng

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.

2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học rèn luyện ý thức tôn trọng, thương yêu người bệnh

2. Người học tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về đạo đức của người điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Lịch sử y học	4	4		
	- Y học thời kỳ xã hội nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN) - Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN) - Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII) - Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)				

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	- Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)				
2	Chương 2: Y Đức	6	6		
	- Khái niệm về đạo đức và y đức - Phân biệt khái niệm y đức và y đạo - Lịch sử đạo đức y học				
3	Chương 3: Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế	10	9		1
	- Nghĩa vụ nghề nghiệp của người cán bộ y tế - Bản chất đạo đức y học xã hội chủ nghĩa - Những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế - Quy định về y đức của Bộ Y tế				
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Lịch sử y học

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
2. Trình bày Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
3. Trình bày Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
4. Trình bày Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
5. Trình bày Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

2. Nội dung

- 2.1. Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
- 2.2. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
 - 2.2.1. Thời kỳ Sumerien Babilon
 - 2.2.2. Thời Trung hoa cổ đại
 - 2.2.3. Thời Ấn độ cổ đại
 - 2.2.4. Thời Hy Lạp cổ đại
 - 2.2.5. Thời La mã cổ đại
- 2.3. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
- 2.4. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
- 2.5. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)
 - 2.5.1. Bản chất đạo đức Y học XHCN
 - 2.5.2. Đạo đức Y học Việt Nam

Chương 2: Y Đức

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm về đạo đức và y đức.
2. Phân biệt được khái niệm y đức và y đạo.
3. Trình bày được lịch sử đạo đức y học.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về đạo đức và y đức
- 2.2. Phân biệt khái niệm y đức và y đạo
- 2.3. Lịch sử đạo đức y học
 - 2.3.1. Y đức thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
 - 2.3.2. Y đức thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
 - 2.3.3. Y đức thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
 - 2.3.4. Y đức thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

Chương 3: Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được những phẩm chất đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Điều dưỡng.
2. Trình bày được những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc Điều dưỡng.
3. Trình bày những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế
4. Trình bày quy định về y đức của Bộ Y tế

2. Nội dung

- 2.1. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người Điều dưỡng;
- 2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người Điều dưỡng;
- 2.3. Những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc Điều dưỡng;
- 2.4. Quy định về y đức của Bộ Y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết

2. Trang thiết bị: Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức

- + Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.
- + Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.
- + Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
- + Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.
- + Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng

- Về kỹ năng

- + Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.

+ Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Người học rèn luyện ý thức tôn trọng, thương yêu người bệnh

+ Người học tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng.

Tài liệu tham khảo

1. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2013), Tâm lý học – Y học – Y đức, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. Trường Đại học y tế công cộng (2003), Đạo đức trong thực hành y tế công cộng, NXB Hà Nội.

3. Giáo trình môn học Đạo đức hành nghề y dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 24

Tên môn học: Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã môn học: MH6124

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 89 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ IV, thực hiện sau môn học giải phẫu.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương y học cổ truyền; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền, cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến Y học cổ truyền (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc).

II. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức:** Trình bày được một số khái niệm cơ bản về lý luận Y học cổ truyền.

- **Về kỹ năng**

2.1. Nhận định được một số bệnh, chứng thường gặp theo Y học cổ truyền.

2.2. Sử dụng thuốc nam theo toa căn bản, châm cứu và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để phòng và chữa một số bệnh, chứng thường gặp.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Xây dựng niềm tin và ý thức áp dụng Y học cổ truyền của người Điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: Học thuyết âm dương – ngũ hành	7	7		
1	Học thuyết âm dương	2	2		
2	Học thuyết ngũ hành	2	2		
3	Nguyên nhân gây bệnh	1	1		
4	Phương pháp chẩn đoán theo YHCT	2	2		
	Chương 2: Châm cứu	5	4		1
5	Kỹ thuật châm cứu	1	1		
6	Vị trí 60 huyệt thường dùng	4	3		1
	Chương 3: Xoa bóp bấm huyệt	3	3		
7	Chăm sóc người bệnh bằng phương pháp xoa bóp bấm huyệt	2	2		
8	Chăm sóc người bệnh bằng phương pháp tập luyện dưỡng sinh	1	1		
	Chương 4: Cây thuốc nam thường dùng	5	5		
9	Thuốc chữa bệnh cảm mạo	1	1		
10	Thuốc hành khí – hoạt huyết	1	1		
11	Thuốc lợi thủy – cầm máu	1	1		
12	Thuốc chữa ho – long đờm	1	1		
13	Thuốc bổ dưỡng	1	1		
	Chỉ tiêu thực hành bệnh viện:				

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Xác định vị trí 60 huyệt thông thường và đơn huyệt	16		16	
2	Kỹ thuật châm cứu	10		10	
3	Chăm sóc người bệnh bằng phương pháp xoa bóp bấm huyệt	16		16	
4	Chăm sóc người bệnh bằng phương pháp tập luyện dưỡng sinh	16		16	
5	Chăm sóc người bệnh cảm mạo bằng phương pháp dân gian	16		16	
6	Chăm sóc người bệnh bằng phương pháp dùng thuốc nam và toa căn bản	16		15	1
7	Thực tập bệnh viện	90		89	1
Tổng cộng		110	19	89	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Học thuyết âm dương – ngũ hành

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng

1. Trình bày được khái niệm, qui luật của âm dương
2. Trình bày được khái niệm, qui luật học thuyết ngũ hành
3. Trình bày được các nguyên, phương pháp chẩn đoán theo YHCT

2. Nội dung

- 2.1. Học thuyết âm dương
 - 2.1.1. Khái niệm về âm dương
 - 2.1.2. Một số đặc trưng cơ bản về âm dương.
 - 2.1.3. Qui luật âm dương.
 - 2.1.4. Ứng dụng học thuyết âm dương vào y học.
- 2.2. Học thuyết ngũ hành
 - 2.2.1. Khái niệm về ngũ hành.
 - 2.2.2. Môi quan hệ ngũ hành với ngũ hành, tự nhiên, con người.
 - 2.2.3. Ứng dụng học thuyết ngũ hành vào y học.
- 2.3. Nguyên nhân gây bệnh
 - 2.3.1. Nguyên nhân bên ngoài (ngoại nhân).
 - 2.3.2. Nguyên nhân bên trong (nội nhân).
 - 2.3.3. Bất nội ngoại nhân.
- 2.4. Phương pháp chẩn đoán và điều trị theo YHCT
 - 2.4.1. Phương pháp tứ chẩn theo YHCT.
 - 2.4.2. Phương pháp bát cương theo YHCT
 - 2.4.3. Bát pháp theo YHCT.

Chương 2: Châm cứu

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng

1. Trình bày được các kỹ thuật châm cứu

2. Xác định được 60 huyệt thường dung đã học

2. Nội dung

2.1. Kỹ thuật châm cứu

2.1.1. Khái niệm châm cứu.

2.1.2. Lịch sử châm cứu.

2.1.3. Các phương pháp châm cứu.

2.1.4. Kỹ thuật châm cứu.

2.2. Vị trí 60 huyệt thường dung

2.2.1. Khái niệm, tác dụng, phân loại huyệt.

2.2.2. Cách lấy huyệt.

2.2.3. Cách xác định vị trí, tác dụng, cách châm 60 huyệt thường dung.

Chương 3: Xoa bóp bấm huyệt

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng

Nêu được các phương pháp xoa bóp, tập dưỡng sinh

2. Nội dung

2.1. Chăm sóc người bệnh bằng phương pháp xoa bóp bấm huyệt

2.1.1. Đại cương, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định xoa bóp – bấm huyệt.

2.1.2. Một số thủ thuật xoa bóp – bấm huyệt.

2.2. Chăm sóc người bệnh bằng phương pháp tập luyện dưỡng sinh

2.2.1. Khái niệm, tác dụng tập dưỡng sinh.

2.2.2. Luyện tập 12 động tác của bài Chào mặt trời

Chương 4: Cây thuốc nam thường dùng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng

Nêu được cách dung, liều dung các cây thuốc nam thường dung đã học

2. Nội dung

2.1. Thuốc chữa bệnh cảm mạo

2.1.1. Khái niệm, tác dụng.

2.1.2. Một số cây thuốc chữa bệnh cảm mạo

2.2. Thuốc hành khí – hoạt huyết

2.2.1. Khái niệm, tác dụng.

2.2.2. Một số cây thuốc có tác hành khí – hoạt huyết.

2.3. Thuốc lợi thủy – cầm máu

2.3.1. Khái niệm, tác dụng.

2.3.2. Một số cây thuốc có tác dụng lợi thủy – cầm máu.

2.4. Thuốc chữa ho – long đờm

2.4.1. Khái niệm, tác dụng.

2.4.2. Một số cây thuốc có tác dụng giảm ho – long đờm.

2.5. Thuốc bổ dưỡng

2.5.1. Khái niệm, tác dụng, phân loại.

2.5.2. Một số cây thuốc có tác dụng bổ dưỡng.

Kế hoạch, chỉ tiêu thực tập bệnh viện do Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp ban hành hằng năm.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Lý thuyết học trên hội trường. Thực hành tại các khoa thuộc bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy vi tính giảng dạy

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phần lý thuyết các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính, tranh ảnh). Phần thực hành: Thực tập được hướng dẫn trên người bệnh.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Trình bày được một số khái niệm cơ bản về lý luận Y học cổ truyền.

- **Về kỹ năng:** Nhận định được một số bệnh, chứng thường gặp theo Y học cổ truyền. Sử dụng thuốc nam theo toa căn bản, châm cứu và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để phòng và chữa một số bệnh, chứng thường gặp.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Xây dựng niềm tin và ý thức áp dụng Y học cổ truyền của người Điều dưỡng.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội và Đào tạo

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra lý thuyết, 1 cột kiểm tra thực tập bệnh viện) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học cơ sở ngành.

2. Phương pháp giảng dạy

- Đối với giảng viên

+ Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

+ Thực hành: Tại bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh hoặc khoa YHCT bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

Tài liệu tham khảo

1. Y học cổ truyền, Bộ y tế, NXB Y học, Hà Nội năm 2007.

2. Bộ Y tế, Vụ khoa học và Đào tạo “Dược liệu”, NXB Y học, Hà Nội năm 2005.

3. Đỗ Tất Lợi “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam”. NXB Y học, Hà Nội năm 1995.

4. Lê Hữu Trác “Hải thượng y tông tâm lĩnh”, NXB Y học, Hà Nội năm 1995.

5. Trường Đại học Y Hà Nội, khoa Y học cổ truyền “Châm cứu”, NXB Y học, Hà Nội năm 2002.

6. Trường Đại học Y Hà Nội, khoa Y học cổ truyền “Cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm”, NXB Y học, Hà Nội năm 2002.

7. Trường Đại học Y Hà Nội, khoa Y học cổ truyền “Châm cứu tổng hợp”, NXB Y học, Hà Nội năm 2002.
8. Giáo trình môn học Y học cổ truyền của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 25

Tên môn học: GIAO TIẾP VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Mã môn học: MH6125

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 29 giờ, kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Thực hiện trong học kỳ IV.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Hiểu biết về nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng, khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân, biết các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để thiết lập mối quan hệ giữa người bệnh và nhân viên y tế, lấy người bệnh là trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp. Từ đó tự hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.
2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.
4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn
5. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.
6. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
7. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
8. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
9. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.
10. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh

- Về kỹ năng:

Vận dụng truyền thông giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của điều dưỡng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp chính trong quá trình giao tiếp với người bệnh để thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thực hành giáo dục sức khỏe trong bệnh viện.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Kỹ năng giao tiếp	17	4	13	
1.1	Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp	7	2	5	
1.2	Tư vấn giáo dục sức khỏe	10	2	8	
2	Chương 2: Tâm lý y học – Giáo dục sức khỏe	33	15	16	2
2.1	Đại cương về tâm lý và tâm lý y học	2	2		
2.2	Nhân cách – nhu cầu – động cơ	3	2		1
2.3	Tâm lý người bệnh	2	2		
2.4	Giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh	18	5	12	1
2.5	Liệu pháp tâm lý	8	4	4	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết**Chương 1: Kỹ năng giao tiếp**

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.
2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.
4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành của người điều dưỡng.
- 2.2. Các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp không lời và có lời.
- 2.3. Vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong truyền thông.
- 2.4. Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe.
- 2.5. Các yếu tố ảnh hưởng cũng như các bước để thay đổi hành vi.

Chương 2: Tâm lý y học

Thời gian: 33 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.
2. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
3. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
4. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
5. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.
6. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.

2.2. Bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.

2.3. Nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.

2.4. Khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân

2.5. Các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: lý thuyết.

2. Trang thiết bị: máy chiếu, máy tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.

2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.

3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.

4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn

5. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.

6. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.

7. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.

8. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân

9. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.

10. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh

- Về kỹ năng: Vận dụng truyền thông giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của điều dưỡng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp chính trong quá trình giao tiếp với người bệnh để thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thực hành giáo dục sức khỏe trong bệnh viện.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, ...

3. Những trọng tâm cần chú ý: kỹ năng giao tiếp và giao tiếp trong một số tình huống đặc biệt, tâm lý người bệnh cần được điều dưỡng hiểu rõ để thực hiện đúng trong quy trình điều dưỡng.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Mạn (2005), Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học
2. Vụ khoa học và đào tạo - Bộ Y tế (2013), Tâm lý học – Y học – Y đức, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3. Nguyễn Văn Nhận (2006), Tâm lý học Y học, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
4. Nguyễn Ngọc Lâm, Khoa học giao tiếp, Ban XB Đại học mở Bán công TP Hồ Chí Minh, 1998.
5. Bộ Y tế (1997), Các kỹ năng cơ bản của giáo dục y học, Vụ khoa học - Đào tạo.
6. Bộ Y tế (1996), Tài liệu giáo dục liên tục, Nhà xuất bản Y học, Vụ khoa học - Đào tạo.
7. Bộ Y tế (1993), Các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe.
8. Giáo trình môn học Giao tiếp và giáo dục sức khỏe của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

Mã môn học: MH6126

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 29 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: môn học thực hiện ở HK IV.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên cao đẳng điều dưỡng những kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn, vai trò của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Nêu được mục tiêu và giải pháp chương trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện.
2. Kể được một số vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp nhiễm khuẩn thường gặp.
3. Trình bày nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng
4. Trình bày được nguyên tắc phân loại, quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế
5. Nêu được các biện pháp phòng ngừa nhiễm lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

- Kỹ năng

1. Thực hiện được các biện pháp phòng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện.
2. Áp dụng được các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn chuẩn trong bệnh viện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác khi thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn.
2. Người học hiểu được vai trò của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan công tác chống nhiễm khuẩn bệnh viện.	5	5		
1.1	Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế	3	3		
1.2	Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2	Chương 2: Quản lý môi trường bệnh viện và các biện pháp phòng ngừa	14	5	8	1
2.1	Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện	6	2	4	
2.2	Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp	8	3	4	1
3	Chương 3: Khử khuẩn - tiệt khuẩn	31	9	21	1
3.1	Các phương pháp khử khuẩn – tiệt khuẩn	2	2		
3.2	Quản lý đồ vải	2	2		
3.3	Vệ sinh môi trường bệnh viện	7	1	5	1
3.4	Quản lý chất thải rắn y tế	10	2	8	
3.5	Phòng lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm	10	2	8	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan công tác chống nhiễm khuẩn bệnh viện Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện
2. Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và các phương thức lây truyền nhiễm khuẩn.
3. Liệt kê được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp.
4. Mô tả được nội dung chính của chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở y tế.
5. Kể được các đường lây truyền vi sinh vật.
6. Trình bày được định nghĩa và những nội dung phòng ngừa chuẩn.
7. Trình bày được cách phòng ngừa lây truyền bệnh qua các đường: đường tiếp xúc, đường giọt bắn và đường không khí.
8. Mô tả được các kỹ thuật phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế
 - 2.1.1. Tổng quan
 - 2.1.2. Dịch tễ học kiểm soát nhiễm khuẩn
 - 2.1.2.1. Tần suất nhiễm khuẩn bệnh viện
 - 2.1.2.2. Các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
 - 2.1.2.3. Tác nhân vi sinh vật
 - 2.1.2.4. Đường lây truyền nhiễm khuẩn bệnh viện
 - 2.1.2.5. Nguồn lây nhiễm bệnh viện
 - 2.1.2.6. Nguyên nhân nhiễm khuẩn bệnh viện

- 2.1.3. Hậu quả nhiễm khuẩn bệnh viện
- 2.1.4. Chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn và những giải pháp cụ thể
- 2.2. Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa.
 - 2.2.1. Các đường lây truyền bệnh
 - 2.2.2. Các biện pháp phòng ngừa
 - 2.2.3. Kỹ thuật áp dụng trong phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung
 - 2.2.3. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân

Chương 2: Quản lý môi trường bệnh viện và các biện pháp phòng ngừa

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể tên các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện cơ bản .
2. Lựa chọn phương pháp giám sát cho phù hợp và phân tích kết quả giám sát.
3. Mô tả và xác định được đúng ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
4. Mô tả được cách sử dụng bộ công cụ giám sát trong thực hành.
5. Kể được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp.
6. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
7. Trình bày được nguyên tắc và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.1.1. Đại cương về giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.1.2. Các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.1.3. Giám sát ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường sử dụng.
 - 2.1.4. Quy trình giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- 2.2. Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
 - 2.2.1. Mở đầu
 - 2.2.2. Nguyên nhân gây nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.2.3. Tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.2.4. Nguyên tắc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.2.5. Biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

Chương 3: Khử khuẩn - tiệt khuẩn

Thời gian: 31 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn.
2. Mô tả được cách phân loại dụng cụ theo Spaulding.
3. Trình bày được các nguyên tắc khử khuẩn.
4. Mô tả được các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.
5. Trình bày được nội dung kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn và bảo quản dụng cụ tiệt khuẩn.
6. Trình bày nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng
7. Trình bày được nguyên tắc phân loại, quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

8. Nêu được các biện pháp phòng ngừa nhiễm lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

2. Nội dung

2.1. Các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.

2.1.1. Một số khái niệm.

2.1.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn.

2.1.3. Phân loại dụng cụ.

2.1.4. Nguyên tắc khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ.

2.1.5. Các phương pháp tiệt khuẩn.

2.1.6. Quy trình khử khuẩn, tiệt khuẩn trong các cơ sở khám, chữa bệnh.

2.2. Vệ sinh môi trường bệnh viện

2.2.1. Nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng

2.2.2. Thực hiện đúng quy trình vệ sinh tại đơn vị làm việc

2.3. Quản lý chất thải rắn y tế

2.3.1. Nguyên tắc phân loại chất thải rắn y tế

2.3.1. Quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

2.4. Phòng lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

2.4.1. Các biện pháp phòng ngừa nhiễm lây nhiễm trong tiêm

2.4.2. Cách xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành Điều dưỡng

2. **Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi,...

3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện

2. Liệt kê được các loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

3. Kể được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp

4. Nêu các biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

5. Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn

6. Trình bày được các nguyên tắc khử khuẩn

- Kỹ năng:

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Áp dụng được các qui trình kiểm soát nhiễm khuẩn thích hợp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện được thái độ thận trọng, chính xác khi thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Phương pháp đánh giá:

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc bảng kiểm để dạy thực hành, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức và phương pháp về phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Đức Mục (2012), Tài liệu kiểm soát nhiễm khuẩn cho cán bộ y tế cơ sở
2. Bộ Y tế (2003), Tài liệu hướng dẫn quy trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện, NXB Y học.
3. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
4. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng cơ bản 2, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
5. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2002), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh (Tập 1), Nhà xuất bản Y học.
6. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
7. Bộ Y tế (1997), Quy chế bệnh viện, Nhà xuất bản Y học.
8. Giáo trình môn học Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA

Mã môn học: MH6127

Thời gian thực hiện: 110 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 89 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Thực hiện học kỳ III.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội khoa; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa; thực hiện được các kỹ thuật điều chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Kể được nguyên nhân của các bệnh nội khoa thường gặp .

2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng của các bệnh nội khoa thường gặp.

Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa.

- Về kỹ năng

Lập và thực hiện được quy trình chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thể hiện được thái độ ân cần, tận trọng và gần gũi khi chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương hô hấp	6	6		
1.1	Khám lâm sàng hệ hô hấp	2	2		
1.2	Chăm sóc bệnh nhân viêm phổi	1	1		
1.3	Chăm sóc bệnh nhân hen phế quản	1	1		
1.4	Chăm sóc bệnh nhân ung thư phổi	1	1		
1.5	Chăm sóc bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (viêm phế quản mạn, hen phế quản, giãn phế quản, giãn phế nang).	1	1		
2	Chương tiêu hoá	6	6		
2.1	Khám lâm sàng hệ tiêu hóa	2	2		
2.2	Chăm sóc bệnh nhân xơ gan	1	1		
2.3	Chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày - tá tràng	1	1		
2.4	Chăm sóc bệnh nhân ung thư gan	1	1		
2.5	Chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn đường mật cấp	1	1		
3	Chương nội tiết	2	2		
3.1	Chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường	1	1		
3.2	Chăm sóc bệnh nhân Basedow	1	1		
4	Chương tiết niệu và khớp	6	5		1

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
4.1	Khám lâm sàng hệ tiết niệu	2	2		
4.2	Chăm sóc bệnh nhân bị suy thận mạn tính	2	2		
4.3	Chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	2	1		1
5	Thực hành bệnh viện	90	0	89	1
Tổng cộng		110	19	89	2

2. Nội dung chi tiết

Phần A: Lý thuyết

Chương hô hấp

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được sơ lược bộ máy hô hấp và biểu hiện bệnh lý ở cơ quan hô hấp.
2. Thực hiện được kỹ năng khám cơ quan hô hấp trong phạm vi điều dưỡng
3. Trình bày được nguyên nhân, yếu tố thuận lợi, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng của bệnh viêm phổi, bệnh nhân hen phế quản, ung thư phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (viêm phế quản mạn, hen phế quản, giãn phế quản, giãn phế nang).
4. Trình bày được các nguyên tắc xử trí, các biện pháp theo dõi, phòng bệnh và dự phòng biến chứng chính của bệnh
5. Áp dụng được quy trình điều dưỡng để chăm sóc người bệnh

2. Nội dung

- 2.1 Khám lâm sàng hệ hô hấp
- 2.2 Chăm sóc bệnh nhân viêm phổi
- 2.3 Chăm sóc bệnh nhân hen phế quản
- 2.4 Chăm sóc bệnh nhân ung thư phổi
- 2.5 Chăm sóc bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (viêm phế quản mạn, hen phế quản, giãn phế quản, giãn phế nang).

Chương tiêu hoá

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được sơ lược bộ máy tiêu hóa và biểu hiện bệnh lý ở cơ quan tiêu hóa.
2. Thực hiện được kỹ năng khám cơ quan tiêu hóa trong phạm vi điều dưỡng
3. Trình bày được nguyên nhân, yếu tố thuận lợi, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng của bệnh xơ gan, loét dạ dày - tá tràng, ung thư gan, bệnh nhiễm khuẩn đường mật cấp
4. Trình bày được các nguyên tắc xử trí, các biện pháp theo dõi, phòng bệnh và dự phòng biến chứng chính của bệnh
5. Áp dụng được quy trình điều dưỡng để chăm sóc người bệnh

2. Nội dung

- 2.1 Khám lâm sàng hệ tiêu hóa
- 2.2 Chăm sóc bệnh nhân xơ gan

2.3 Chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày - tá tràng

2.4 Chăm sóc bệnh nhân ung thư gan

2.5 Chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn đường mật cấp

Chương nội tiết

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được sơ lược bộ máy nội tiết và biểu hiện bệnh lý ở cơ quan nội tiết.
2. Thực hiện được kỹ năng khám cơ quan nội tiết trong phạm vi điều dưỡng
3. Trình bày được nguyên nhân, yếu tố thuận lợi, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng của bệnh đái tháo đường, Basedow.
4. Trình bày được các nguyên tắc xử trí, các biện pháp theo dõi, phòng bệnh và dự phòng biến chứng chính của bệnh
5. Áp dụng được quy trình điều dưỡng để chăm sóc người bệnh

2. Nội dung

2.1 Chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường

2.2 Chăm sóc bệnh nhân Basedow

Chương tiết niệu và khớp

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được sơ lược bộ máy tiết niệu, khớp và biểu hiện bệnh lý ở cơ quan tiết niệu, khớp.
2. Thực hiện được kỹ năng khám cơ quan tiết niệu, khớp trong phạm vi điều dưỡng
3. Trình bày được nguyên nhân, yếu tố thuận lợi, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng của bệnh suy thận mạn tính.
4. Trình bày được các nguyên tắc xử trí, các biện pháp theo dõi, phòng bệnh và dự phòng biến chứng chính của bệnh, viêm khớp dạng thấp.
5. Áp dụng được quy trình điều dưỡng để chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1 Khám lâm sàng hệ tiết niệu

2.2 Chăm sóc bệnh nhân bị suy thận mạn tính

2.3 Chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp

Phần B: Thực hành bệnh viện

Thời gian: 90 giờ

- Mục tiêu

1. Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân
2. Nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp.
3. Lập quy trình chăm sóc bệnh nhân nội khoa trên cơ sở các chẩn đoán chăm sóc.
4. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc cơ bản cho người bệnh, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh nội khoa.
5. Ghi chép các biểu mẫu về điều dưỡng và ghi chép hồ sơ bệnh án.
6. Giao tiếp và làm việc trong nhóm nhân viên y tế chăm sóc người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng chính xác.

Chỉ tiêu thực tập

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Tự làm
1	Nhận định tình trạng chẩn đoán chăm sóc người bệnh: tiêu hoá, hô hấp, nội tiết, tiết niệu, khớp	6	16
2	Lập quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa	2	8
3	Tiêm bắp - thử phản ứng thuốc	4	10
4	Tiêm tĩnh mạch	4	10
5	Truyền dịch	2	6
8	Thay vải trải giường	2	4
9	Cho bệnh nhân ăn	3	6
10	Cho người bệnh thở oxy	2	4
11	Thụt tháo, thụt giữ	1	2
12	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng	1	2
13	Tắm và vệ sinh thân thể cho người bệnh	1	2
14	Gội đầu cho người bệnh	1	3
15	Phụ giúp bác sĩ khám bệnh	2	5
16	Phụ giúp bác sĩ thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán - điều trị	3	5
17	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà của họ	2	10
18	Thông tiểu	1	1
19	Cho ăn qua sonde	1	3
19	Đặt sonde dạ dày và hút dịch dạ dày	1	2
20	Phụ giúp Bác sĩ chọc dò màng phổi	1	2
21	Truyền máu	2	4
22	Phụ giúp Bác sĩ chọc dò tuỷ sống xét nghiệm tuỷ đồ	1	2
23	Phụ giúp Bác sĩ nội soi dạ dày	1	2
24	Phụ giúp Bác sĩ làm điện tim	1	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản, bệnh viện.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

- 1.1. Trình bày được sơ lược bộ máy tiết niệu, khớp và biểu hiện bệnh lý ở cơ quan tiết niệu, khớp.
- 1.2. Thực hiện được kỹ năng khám cơ quan tiết niệu, khớp trong phạm vi điều dưỡng
- 1.3. Trình bày được nguyên nhân, yếu tố thuận lợi, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng của bệnh suy thận mạn tính.

1.4. Trình bày được các nguyên tắc xử trí, các biện pháp theo dõi, phòng bệnh và dự phòng biến chứng chính của bệnh, viêm khớp dạng thấp.

- Thực hành

Áp dụng được quy trình điều dưỡng để chăm sóc người bệnh

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thể hiện được thái độ ân cần, thận trọng và gần gũi khi chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực;

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

- Thực hành bệnh viện:

+ Sinh viên thực tập tại các Khoa Nội, Khoa cấp cứu hồi sức, Phòng khám nội của Bệnh viện tỉnh.

+ Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kiến thức về bệnh học nội khoa; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng nội khoa, NXB Y học, Hà Nội - 2007
2. Điều dưỡng các bệnh nội khoa, NXB Giáo dục Việt Nam - 2017
3. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.
4. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.
5. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.
6. Hoàng Trọng Thăng (2002), Bệnh tiêu hóa gan mật, NXB Y học.
7. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 28

Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC

Mã môn học: MH6128

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Thực hiện ở HK IV.

2. **Tính chất:** Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách phát hiện, nguyên tắc xử trí, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các cấp cứu bệnh nhân thường gặp.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được triệu chứng các bệnh cấp cứu thường gặp
2. Trình bày được xử trí ban đầu một số bệnh cấp cứu

- Về kỹ năng

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cần hồi sức cấp cứu.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	6	6		
1.1	Đánh giá và xử trí ban đầu bệnh nhân cấp cứu	2	2		
1.2	Nhận định và xử trí cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương	1	1		
1.3	Cấp cứu bệnh nhân ngừng tuần hoàn	1	1		
1.4	Chăm sóc người bệnh thở máy	2	2		
2	Chương 2: Chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh hô hấp	4	4		
2.1	Chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp	2	2		
2.2	Chăm sóc người bệnh phù phổi	2	2		
3	Chương 3: Chăm sóc người bệnh cấp cứu tuần hoàn	10	9		1
3.1	Chăm sóc người bệnh sốc	2	2		
3.2	Chăm sóc người bệnh bị tai biến mạch máu não	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
3.3	Chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim cấp	3	3		
3.4	Chăm sóc người bệnh bị hôn mê	3	2		1
4	Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phần lý thuyết

Chương 1: Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được Đánh giá và xử trí ban đầu bệnh nhân cấp cứu
2. Trình bày được nhận định và xử trí cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương
3. Xử trí được cấp cứu bệnh nhân ngừng tuần hoàn
4. Chăm sóc được người bệnh thở máy

2. Nội dung

- 2.1. Đánh giá và xử trí ban đầu bệnh nhân cấp cứu
 - 2.1.1. Trình bày được kiểm soát bệnh nhân theo các bước ABC
 - 2.1.2. Trình bày được các biện pháp theo dõi đánh giá, đảm bảo chức năng cơ bản và các biện pháp hồi sức khác
- 2.2. Nhận định và xử trí cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương
 - 2.2.1. Trình bày được những điểm quan trọng trong nhận định ban đầu bệnh nhân chấn thương
 - 2.2.2. Trình bày được các bước đánh giá và xử trí cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương
 - 2.2.3. Liệt kê được các biện pháp bổ sung khi nhận định và xử trí bệnh nhân chấn thương.
- 2.3. Cấp cứu bệnh nhân ngừng tuần hoàn
 - 2.3.1. Trình bày được chẩn đoán và một số nguyên nhân thường gặp gây ngừng tuần hoàn
 - 2.3.2. Trình bày được kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn
 - 2.3.3. Trình bày được chăm sóc sau cấp cứu tuần hoàn
- 2.4. Chăm sóc người bệnh thở máy
 - 2.4.1. Đại cương về máy thở
 - 2.4.2. Lợi ích của sử dụng máy thở
 - 2.4.3. Biến chứng có thể xảy ra khi thở máy
 - 2.4.4. Cách xử trí biến chứng có thể xảy ra khi thở máy
 - 2.4.5. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thở máy

Chương 2: Chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh hô hấp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng các bệnh cấp cứu hô hấp thường gặp
2. Trình bày được cách xử trí ban đầu các bệnh cấp cứu hô hấp thường gặp.
3. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh cấp cứu hô hấp.

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.1.3. Triệu chứng
 - 2.1.4. Cách xử trí
 - 2.1.5. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp.
- 2.2. Chăm sóc người bệnh phù phổi
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.3. Triệu chứng
 - 2.2.4. Cách xử trí
 - 2.2.5. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh phù phổi

Chương 3: Chăm sóc người bệnh cấp cứu tuần hoàn

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng sốc, tai biến mạch máu não, hôn mê, nhồi máu cơ tim cấp.
2. Trình bày được phương pháp xử trí và điều trị sốc, tai biến mạch máu não, hôn mê, nhồi máu cơ tim cấp.
3. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sốc, tai biến mạch máu não, hôn mê, nhồi máu cơ tim cấp.

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc bệnh nhân sốc
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.1.3. Triệu chứng
 - 2.1.4. Xử trí sốc
 - 2.1.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh sốc
- 2.2. Chăm sóc bệnh nhân bị tai biến mạch máu não
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.3. Triệu chứng
 - 2.2.4. Xử trí
 - 2.2.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh bị tai biến mạch máu não
- 2.3. Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Nguyên nhân
 - 2.3.3. Triệu chứng
 - 2.3.4. Xử trí nhồi máu cơ tim cấp

2.3.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim cấp

2.4. Chăm sóc người bệnh bị hôn mê

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Nguyên nhân

2.4.3. Triệu chứng

2.4.4. Xử trí người bệnh bị hôn mê

2.4.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh hôn mê

2. Chỉ tiêu thực tập khoa cấp cứu – hồi sức tích cực chống độc

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Tự làm
1	Tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da	5	10
2	Tiêm tĩnh, truyền dịch, truyền máu	5	10
3	Lấy dấu sinh hiệu	5	10
4	Đặt sonde dạ dày	2	2
5	Thông tiêu	2	2
6	Lấy máu xét nghiệm	2	2
7	Cho bệnh nhân thở ôxy	2	2
8	Thụt tháo cho bệnh nhân	2	2
9	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng, màng phổi.	2	2
10	Đo điện tim	2	2
11	Lấy máu xét nghiệm	5	2
12	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	2	1
13	Theo dõi bệnh nhân qua monitor	2	1
14	Lập quy trình chăm sóc người bệnh bị ngộ độc cấp	1	1
15	Lập quy trình chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp	1	1
16	Lập quy trình chăm sóc người bệnh bị hôn mê	1	1
17	Lập quy trình chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não	1	1

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản, bệnh viện.

2. **Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.

3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng các bệnh cấp cứu thường gặp

2. Trình bày được cách xử trí ban đầu các bệnh cấp cứu thường gặp

3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng ngộ độc

4. Trình bày được các nguyên tắc xử trí ngộ độc

- Kỹ năng

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cần hồi sức cấp cứu.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện thái độ thận trọng, chính xác, nhẹ nhàng và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường, bệnh viện.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc băng kiểm để dạy thực hành, video, Slide; Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm...

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về hồi sức cấp cứu và kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Ruân (2007), Điều dưỡng cấp cứu hồi sức. Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.

2. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3. Bộ Y tế, Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2003.

4. Đại học Y Hà Nội, Triệu chứng học nội khoa (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.

5. Đại học Y Hà Nội, Nội khoa cơ sở (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.

6. The Wasington Manual of Medical The Bentes 30th Edition, 2002.

7. Giáo trình môn học Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 29

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI

Mã môn học: MH6129

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** thực hiện ở HK V

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi, đặc biệt là sinh lý của sự lão hóa các cơ quan, suy giảm chức năng, bộ phận trong cơ thể theo từng giai đoạn; lập kế hoạch và thực hành chăm sóc một số bệnh thường gặp. Giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Nhận định được những thay đổi do tuổi tác và các vấn đề sức khỏe ở người cao tuổi.

2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

2. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh/gia đình và các thành viên khác của nhóm chăm sóc

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Sinh lý của sự lão hóa	5	5		
1.1	Đại cương về lão khoa	2	2		
1.2	Sức khỏe và những thay đổi về thể chất, tâm sinh lý liên quan đến người cao tuổi.	1	1		
1.3	Rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi	2	2		
2	Chương 2: Chăm sóc một số bệnh thường gặp	15	14		1
2.1	Chăm sóc người bệnh thiếu năng tuần hoàn não	3	3		
2.2	Loãng xương ở người cao tuổi và biện pháp phòng chống	3	3		
2.3	Hội chứng loạn dưỡng SUDECK	3	3		
2.4	Sa sút trí tuệ ở người cao tuổi	3	3		
2.5	Chăm sóc người bệnh mắc bệnh Parkinson	3	2		1
3	Thực tập bệnh viện	45		44	1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phần lý thuyết

Chương 1: Sinh lý của sự lão hóa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày quá trình lão hóa
2. Trình bày điểm đặc trưng khác biệt khi tiếp cận người bệnh cao tuổi
3. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện và cách xử trí rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi
4. Trình bày những lợi ích và cách tập luyện dưỡng sinh ở người cao tuổi

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về lão khoa
 - 2.1.1. Nêu được quá trình phát triển của con người
 - 2.1.2. Trình bày quá trình lão hóa
- 2.2. Sức khỏe và những thay đổi về thể chất, tâm sinh lý liên quan đến người cao tuổi.
 - 2.2.1. Lão hóa cấu trúc và chức năng các hệ cơ quan ảnh hưởng chẩn đoán và điều trị
 - 2.2.2. Điểm đặc trưng khác biệt khi tiếp cận người bệnh cao tuổi
 - 2.2.3. Biểu hiện bệnh khác biệt ở người bệnh cao tuổi
- 2.3. Rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi
 - 2.3.1. Nguyên nhân, biểu hiện các rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi
 - 2.3.2. Cách xử trí rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi

Chương 2: Chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày nguyên nhân, dấu hiệu nhận biết một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
2. Trình bày phương pháp điều trị và chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
3. Trình bày được nguyên tắc dự phòng sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
4. Trình bày phương pháp phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc người bệnh thiếu năng tuần hoàn não
 - 2.1.1. Nguyên nhân của bệnh thiếu năng tuần hoàn não
 - 2.1.2. Dấu hiệu nhận biết của bệnh thiếu năng tuần hoàn não
 - 2.1.3. Điều trị và chăm sóc người bệnh thiếu năng tuần hoàn não

- 2.1.4. Trình bày được nguyên tắc dự phòng bệnh
- 2.2. Loãng xương ở người cao tuổi và biện pháp phòng chống
 - 2.2.1. Sơ lược về cấu trúc, quá trình tạo – hủy xương và cơ chế bệnh sinh của loãng xương
 - 2.2.2. Chẩn đoán loãng xương nguyên phát
 - 2.2.3. Điều trị loãng xương nguyên phát
 - 2.2.4. Dự phòng loãng xương nguyên phát
- 2.3. Hội chứng loạn dưỡng SUDECK
 - 2.3.1. Khái niệm hội chứng loạn dưỡng sudeck
 - 2.3.2. Nguyên nhân của hội chứng loạn dưỡng sudeck
 - 2.3.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng loạn dưỡng sudeck
 - 2.3.4. Điều trị của hội chứng loạn dưỡng sudeck
- 2.4. Sa sút trí tuệ ở người cao ở người cao tuổi
 - 2.4.1. Khái niệm bệnh Alzheimer
 - 2.4.2. Biểu hiện sớm của bệnh Alzheimer
 - 2.4.3. Các giai đoạn tiến triển của bệnh Alzheimer
 - 2.4.4. Chẩn đoán bệnh Alzheimer
 - 2.4.5. Cách phân loại bệnh nhân Alzheimer
 - 2.4.6. Cách điều trị bệnh nhân Alzheimer
- 2.5. Chăm sóc người bệnh mắc bệnh Parkinson
 - 2.5.1. Nguyên nhân, triệu chứng bệnh nhân Parkinson
 - 2.5.2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Parkinson
 - 2.5.3. Phục hồi chức năng bệnh nhân Parkinson

Phần Thực tập bệnh viện

Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cao tuổi
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Tự làm
1	Tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da	5	10
2	Tiêm tĩnh, truyền dịch, truyền máu	5	10
3	Đo mạch, nhiệt độ, huyết áp kẻ bảng	5	10
4	Đặt sonde dạ dày, sonde bàng quang	2	2
5	Lấy máu xét nghiệm	2	2
6	Cho bệnh nhân thở oxy	2	2
7	Thụt tháo cho bệnh nhân	2	2
8	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng, màng phổi,	2	2
9	Đo điện tim	2	2
10	Đưa bệnh nhân đi làm xét nghiệm	5	2

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Tự làm
11	Lập quy trình chăm sóc người bệnh thiếu năng tuần hoàn não	2	2
12	Lập quy trình chăm sóc người bệnh loãng xương	2	2
13	Lập quy trình chăm sóc người bệnh rối loạn giấc ngủ	2	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. **Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản, bệnh viện.
2. **Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Nhận định được những thay đổi do tuổi tác và các vấn đề sức khỏe ở người cao tuổi.
2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

- Kỹ năng

1. Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.
2. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh/gia đình và các thành viên khác của nhóm chăm sóc

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực; Thực hành bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các Khoa Nội, Khoa cấp cứu hồi sức của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giảng viên Nhà trường và Giảng viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về chăm sóc người bệnh cao tuổi ; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh cao tuổi.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng nội, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.
3. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.
4. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.
5. Hoàng Trọng Thăng (2002), Bệnh tiêu hóa gan mật, NXB Y học.
6. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 30

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA

Mã môn học: MH6130

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: thực hiện ở HK III

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Ngoại khoa; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa; thực hiện được các kỹ thuật điều chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh Ngoại khoa.
2. Hiểu được cơ chế bệnh sinh và các bước xử trí ưu tiên với một số bệnh ngoại khoa thường gặp.
3. Biết được một số qui định về phòng mổ, cách vận hành và bảo quản các trang thiết bị phòng mổ.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện quy trình chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa.
2. Thực hiện được các kỹ thuật điều chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa.
3. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Một số vấn đề ngoại khoa	6	6		
1.1	Vai trò người điều dưỡng ngoại khoa	1	1		
1.2	Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng ngoại khoa	1	1		
1.3	Chăm sóc người bệnh trước mổ	2	2		
1.4	Chăm sóc người bệnh sau mổ	2	2		
2	Chương 2: Chăm sóc người bệnh mổ hệ tiêu hóa	7	6		1
2.1	Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa	1	1		
2.2	Chăm sóc người bệnh sỏi mật	1	1		
2.3	Chăm sóc người bệnh tắc ruột	1	1		
2.4	Chăm sóc người bệnh ung thư đại trực tràng	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2.5	Chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc	2	1		1
2.6	Chăm sóc người bệnh Trĩ, rò cạnh hậu môn	1	1		
3	Chương 3: Chăm sóc người bệnh chấn thương	7	7		
3.1	Chăm sóc người bệnh choáng chấn thương	1	1		
3.2	Chăm sóc người bệnh chấn thương bụng kín, vết thương thấu bụng	1	1		
3.3	Chăm sóc người bệnh chấn thương lồng ngực	1	1		
3.4	Chăm sóc người bệnh gãy xương	1	1		
3.5	Chăm sóc người bệnh có kéo tạ	1	1		
3.6	Chăm sóc người bệnh mổ xương	1	1		
3.7	Chăm sóc người bệnh bó bột	1	1		
4	Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phản lý thuyết

Chương 1: Một số vấn đề ngoại khoa Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Trình bày được vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa.
2. Trình bày được những yêu cầu đối với người điều dưỡng ngoại khoa.
3. Một số vấn đề về vô khuẩn ngoại khoa và chăm sóc người bệnh nhiễm trùng.

2. Nội dung

- 2.1. Vai trò người điều dưỡng ngoại khoa
 - 2.1.1 Đại cương
 - 2.1.2. Vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa
 - 2.1.3. Những yêu cầu đối với người điều dưỡng ngoại khoa
- 2.2. Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng ngoại khoa
- 2.3. Chăm sóc người bệnh trước mổ
- 2.4. Chăm sóc người bệnh sau mổ

Chương 2: Chăm sóc người mổ hệ tiêu hóa Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Nêu được nguyên nhân của bệnh hệ tiêu hóa
- 2 Trình bày được triệu chứng, biến chứng của bệnh hệ tiêu hóa.
- 3 Trình bày được cách chăm sóc người mổ hệ tiêu hóa.
- 4 Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh mổ hệ tiêu hóa.
- 5 Biết cách giáo dục sức khỏe cho người bệnh khi nằm viện và khi xuất viện.

2. Nội dung

- 2.1 Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa

- 2.2 Chăm sóc người bệnh sỏi mật
- 2.3 Chăm sóc người bệnh tắc ruột
- 2.4 Chăm sóc người bệnh ung thư đại trực tràng
- 2.5 Chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc
- 2.6 Chăm sóc người bệnh Trĩ, rò cạnh hậu môn

Chương 3: Chăm sóc người bệnh chấn thương Thời gian: 7 giờ

1. Mục Tiêu

- 1 Nêu được nguyên nhân của bệnh chấn thương
- 2 Trình bày được triệu chứng, biến chứng của bệnh về xương.
- 3 Trình bày được cách chăm sóc người mổ xương.
- 4 Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương.
- 5 Biết cách giáo dục sức khỏe cho người bệnh khi nằm viện và khi xuất viện.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.3. Triệu chứng toàn thân
 - 2.2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Biến chứng sớm
 - 2.3.2. Biến chứng muộn
- 2.4. Chăm sóc
 - 2.4.1. Nhận định
 - 2.4.2. Chẩn đoán chăm sóc
 - 2.4.3. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.4. Đánh giá
- 2.5. Giáo dục sức khỏe
 - 2.5.1 Khi nằm viện
 - 2.5.2 Khi xuất viện

Phần Thực tập bệnh viện Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu

- 1. Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
- 2. Nhận định triệu chứng Thực hành bệnh viện một số người bệnh ngoại khoa thường gặp.
- 3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.
- 4. Thực hiện những kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh ngoại khoa.
- 5. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng chính xác.

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện (ngoại tổng quát)

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Chăm sóc bệnh nhân tiền phẫu	5
2	Nhận định tình trạng người bệnh ngoại khoa	10
3	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa	3
4	Thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa	3
5	Vận chuyển người bệnh	5
6	Thụt tháo	5
7	Thay băng vết thương vô khuẩn	5
8	Thay băng vết thương sạch	10
9	Thay băng vết thương nhiễm	5
10	Chăm sóc dẫn lưu	5
11	Rút ống dẫn lưu Douglas, dưới gan	4
12	Chăm sóc hậu môn nhân tạo	5
13	CSNB mổ VRT cấp	2
14	CSNB mổ Tắc ruột	2
15	CSNB mổ thủng dạ dày tá tràng	2
16	CSNB mổ ung thư đại trực tràng	2
17	CSNB mổ viêm phúc mạc	2
18	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân của họ	3
19	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa	3

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện (ngoại chỉnh hình)

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Chăm sóc bệnh nhân tiền phẫu	5
2	Nhận định tình trạng người bệnh ngoại chỉnh hình	10
3	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại chỉnh hình	3
4	Thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại chỉnh hình	3
5	Vận chuyển người bệnh	5
6	Thụt tháo	5
7	Thay băng vết thương vô khuẩn	5
8	Thay băng vết thương sạch	10
9	Thay băng vết thương nhiễm	5
10	Chăm sóc dẫn lưu	5
11	CSNB mổ xương	10
12	CSNB bó bột	10
13	Chăm sóc người bệnh kéo tạ	10
14	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân của họ	3
15	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa	3

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản, bệnh viện.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thông và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh Ngoại khoa.
2. Hiểu được cơ chế bệnh sinh và các bước xử trí ưu tiên với một số bệnh ngoại khoa thường gặp.
3. Biết được một số qui định về phòng mổ, cách vận hành và bảo quản các trang thiết bị phòng mổ.

- Kỹ năng

1. Lập và thực hiện quy trình chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa.
2. Thực hiện được các kỹ thuật điều chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa.
3. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc bảng kiểm để dạy thực hành, video, Slide; Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về bệnh ngoại khoa; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng ngoại 1, Điều dưỡng ngoại 2, Nhà xuất bản giáo dục Hà nội 2008.
2. Điều dưỡng ngoại khoa, Bộ Y tế, Y học, 2007
3. Đại học Y Hà Nội, Bệnh Học Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), Nhà xuất bản Y học, 2003.
4. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Nội- Ngoại khoa (tập 1, 2, 3), NXB Y học, 1996.
5. Đại học Y khoa Huế, Điều dưỡng ngoại khoa.

6. Bài giảng bệnh học ngoại khoa, Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. NXB Y học, 2001.
7. Bài giảng ngoại khoa cơ sở, Triệu chứng học ngoại khoa. Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. NXB Y học, 2001.
8. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 31

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã môn học: MH6131

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Thực hiện ở HK V.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe của một số bệnh thường gặp ở trẻ em; thực hiện được các kỹ thuật điều chăm sóc sức khỏe của một số bệnh thường gặp ở trẻ em; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Nhận định tình trạng sức khỏe của trẻ.

2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện quy trình điều dưỡng một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

2. Tích cực giáo dục thân nhân bệnh nhi cách nuôi dưỡng, chăm sóc và theo dõi một số bệnh thông thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện năng lực thực hành, quản lý chăm sóc và phát triển nghề, hành nghề theo luật pháp và đạo đức điều dưỡng khi chăm sóc trẻ em bị bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Nhi khoa đại cương	4	4		
1.1	Các thời kỳ tuổi trẻ, phát triển thể chất, tâm thần, vận động của trẻ	1	1		
1.2	Chăm sóc sức khỏe ban đầu của trẻ	1	1		
1.3	Sử dụng thuốc cho trẻ	1	1		
1.4	Tiêm chủng mở rộng	1	1		
2	Chương 2: Sơ sinh	4	4		
2.1	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng	2	2		
2.2	Vàng da sơ sinh, nhiễm khuẩn sơ sinh	2	2		
3	Chương 3: Dinh dưỡng - Tiêu hóa	4	4		
3.1	Nuôi dưỡng trẻ em	1	1		
3.2	Hội chứng nôn trớ và táo bón	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
3.3	Tiêu chảy cấp và chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy	2	2		
4	Chương 4: Hô hấp - Huyết học - Tiết niệu - Thần kinh	8	7		
4.1	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp và chương trình phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp ARI	2	2		
4.2	Bệnh thiếu máu trẻ em	1	1		
4.3	Trẻ viêm cầu thận cấp	1	1		
4.4	Trẻ hội chứng thận hư	1	1		
4.5	Hội chứng co giật	1	1		
4.6	Xuất huyết não - màng não	2	1		1
5	Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phần lý thuyết

Chương 1: Nhi khoa đại cương

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Trình bày được đặc điểm sinh lý và bệnh lý của từng thời kỳ tuổi trẻ.
- 2 Trình bày được sự phát triển thể chất, tâm thần và vận động của trẻ em.
- 3 Nêu được định nghĩa sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- 4 Trình bày được nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.
- 5 Nêu được các nguyên tắc chung và cách dùng thuốc cho trẻ em.
- 6 Phân tích được ưu, nhược điểm của các đường đưa thuốc vào cơ thể.
- 7 Trình bày được mục tiêu và ý nghĩa của tiêm chủng.
- 8 Phát hiện và xử trí các tai biến và phản ứng sau khi tiêm chủng.

2. Nội dung

- 2.1 Các thời kỳ tuổi trẻ, phát triển thể chất, tinh thần vận động của trẻ
 - 2.1.1 Các thời kỳ tuổi trẻ: tử cung, sơ sinh, bú mẹ, răng sữa, thiếu niên, dậy thì.
 - 2.1.2 Sự phát triển về cân nặng, chiều cao, vòng đầu, vòng ngực, vòng cánh tay.
 - 2.1.3 Biểu đồ tăng trưởng, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em.
 - 2.1.4 Phát triển về tâm thần và vận động của trẻ sơ sinh đến 15 tuổi.
- 2.2 Chăm sóc sức khỏe ban đầu của trẻ
 - 2.2.1 Khái niệm về chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - 2.2.2 Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu, nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.
- 2.3 Sử dụng thuốc cho trẻ
 - 2.3.1 Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của cơ thể trẻ em liên quan đến việc sử dụng thuốc.

- 2.3.2 Các nguyên tắc chung về dùng thuốc.
- 2.3.3 Cách tính liều lượng thuốc cho trẻ em.
- 2.3.4 Đường đưa thuốc vào cơ thể.
- 2.3.5 Một số thuốc không nên dùng hoặc phải thận trọng khi dùng cho trẻ em.
- 2.3.6 Tương tác và tương kỵ giữa các loại thuốc.
- 2.4 Tiêm chủng mở rộng
 - 2.4.1 Mục tiêu và ý nghĩa của tiêm chủng.
 - 2.4.2 Lịch tiêm chủng do chương trình tiêm chủng mở rộng đề ra.
 - 2.4.3 Thực hiện tiêm chủng
 - 2.4.4 Tai biến và các phản ứng phụ có thể xảy ra sau tiêm chủng.

Chương 2: Sơ sinh

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Trình bày được đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng.
- 2 Nêu được đặc điểm sinh lý bệnh, nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn cho trẻ sơ sinh .
- 3 Trình bày được biểu hiện lâm sàng của các bệnh nhiễm khuẩn nặng và nhiễm khuẩn tại chỗ.
- 4 Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng, vàng da, nhiễm khuẩn sơ sinh.

2. Nội dung

- 2.1 Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng
 - 2.1.1 Trẻ sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh.
 - 2.1.2 Trẻ sơ sinh thiếu tháng.
- 2.2 Vàng da sơ sinh, nhiễm khuẩn sơ sinh
 - 2.2.1 Đặc điểm sinh lý bệnh vàng da, nhiễm khuẩn sơ sinh.
 - 2.2.2 Nguyên nhân gây bệnh và các yếu tố nguy cơ liên quan đến nhiễm khuẩn.
 - 2.2.3 Các bệnh nhiễm khuẩn nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, bệnh uốn ván rốn.
 - 2.2.4 Lập kế hoạch chăm sóc.

Chương 3: Dinh dưỡng - Tiêu hóa

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Nêu được định nghĩa bú mẹ, ăn nhân tạo, ăn hỗn hợp và ăn bổ sung.
- 2 Phân tích được những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.
- 3 Hướng dẫn được cho các bà mẹ cách cho trẻ bú, ăn nhân tạo, ăn hỗn hợp và ăn bổ sung.
- 4 Nêu được nội dung của chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy.
- 5 Nêu được định nghĩa và nguyên nhân tiêu chảy, nôn, táo bón.
- 6 Phát hiện được các dấu hiệu mất nước trên lâm sàng và đánh giá được các mức độ mất nước.

2. Nội dung

- 2.1 Nuôi dưỡng trẻ em
 - 2.1.1 Nuôi con bằng sữa mẹ.
 - 2.1.2 Ăn nhân tạo.

2.1.3 Ăn hỗn hợp.

2.1.4 Ăn bổ sung.

2.2 Hội chứng nôn trớ và táo bón

2.2.1 Trẻ nôn trớ: nguyên nhân, điều trị.

2.2.2 Trẻ táo bón: sinh lý thải phân, nguyên nhân, điều trị.

2.3 Tiêu chảy cấp và chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy

2.3.1 Giới thiệu chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy (CDD)

2.3.2 Nội dung của CDD.

2.3.3 Quản lý CDD.

2.3.4 Các biện pháp của CDD.

2.3.5 Bệnh tiêu chảy cấp: Định nghĩa, nguyên nhân, sinh lý bệnh, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, phòng bệnh.

Chương 4: Hô hấp - Huyết học - Tiết niệu - Thần kinh Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1 Trình bày được tầm quan trọng và mục tiêu chương trình phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

2 Phân loại và xử trí được nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em theo phác đồ của tổ chức y tế thế giới.

3 Nêu được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, thiếu máu, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, co giật, xuất huyết não - màng não ở trẻ em.

4 Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, thiếu máu, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, co giật, xuất huyết não - màng não ở trẻ em.

5 Nêu được cách phòng bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, thiếu máu, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, co giật, xuất huyết não - màng não ở trẻ em.

2. Nội dung

2.1 Nhiễm khuẩn hô hấp cấp và chương trình phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp ARI

2.1.1 Tầm quan trọng của nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và mục tiêu của chương trình phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI).

2.1.2 Nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ.

2.1.3 Phân loại nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

2.1.4 Các dấu hiệu lâm sàng.

2.1.5 Phác đồ xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em.

2.1.6 Xử trí cụ thể.

2.1.7 Phòng bệnh.

2.2 Bệnh thiếu máu trẻ em

2.2.1 Đại cương.

2.2.2 Nguyên nhân.

2.2.3 Triệu chứng.

2.2.4 Phòng bệnh.

- 2.3 Trẻ viêm cầu thận cấp
 - 2.3.1 Khái niệm.
 - 2.3.2 Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh.
 - 2.3.3 Triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm.
 - 2.3.4 Giáo dục sức khỏe.
- 2.4 Trẻ hội chứng thận hư
 - 2.4.1 Định nghĩa.
 - 2.4.2 Phân loại.
 - 2.4.3 Biểu hiện lâm sàng.
 - 2.4.4 Biến chứng, tiến triển tiên lượng.
 - 2.4.5 Điều trị.
- 2.5 Hội chứng co giật
 - 2.5.1 Nguyên nhân gây co giật ở trẻ em.
 - 2.5.2 Phân loại co giật ở trẻ em.
 - 2.5.3 Đặc điểm lâm sàng một số trường hợp co giật.
- 2.6 Xuất huyết não - màng não
 - 2.6.1 Nguyên nhân.
 - 2.6.2 Triệu chứng lâm sàng.

Phần Thực hành bệnh viện Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu

1. Phát hiện được nguyên nhân, triệu chứng, nắm vững phương pháp điều trị, thực hiện chăm sóc và phòng các bệnh hay gặp ở trẻ em.
2. Thực hiện được việc tuyên truyền, giáo dục, tư vấn cho các bà mẹ và cộng đồng những kiến thức nuôi con có khoa học.
3. Thực hiện được một số nhiệm vụ cơ bản của người điều dưỡng tại các khoa phòng thực tập.

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Tiếp nhận trẻ đến khám bệnh và vào khoa	4
2	Nhận định triệu chứng lâm sàng một số bệnh nhi thường gặp tại khoa	4
3	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc các bệnh nhi thường gặp	4
4	Thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ mắc các bệnh nhi thường gặp	4
5	Đo và theo dõi dấu sinh hiệu: mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở	8
6	Tắm trẻ - lau mát hạ sốt	2
7	Chăm sóc răng miệng	4
8	Cho trẻ uống thuốc	8
9	Tiêm thuốc	8
10	Truyền dịch	1
11	Cho thở oxy: canula, mask	1
12	Đặt sonde mũi, dạ dày	2

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
13	Cho trẻ ăn qua sonde	1
14	Thay băng	8
15	Cắt chỉ	2
16	Rút dẫn lưu	2
17	Chăm sóc hậu môn nhân tạo	4
18	Lấy bệnh phẩm xét nghiệm	2
19	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc nhi khoa	2
20	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	2
21	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và thân nhân trẻ	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học:** Lý thuyết, Khoa Nhi của Bệnh viện tỉnh.

2. **Trang thiết bị:** Máy chiếu.

3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Nhận định tình trạng sức khỏe của trẻ.

2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Kỹ năng

1. Thực hiện quy trình điều dưỡng một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

2. Tích cực giáo dục thân nhân bệnh nhi cách nuôi dưỡng, chăm sóc và theo dõi một số bệnh thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện năng lực thực hành, quản lý chăm sóc và phát triển nghề, hành nghề theo luật pháp và đạo đức điều dưỡng khi chăm sóc cho trẻ em bị bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. **Phạm vi áp dụng môn học:** toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các Khoa Nhi của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nhi khoa

trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, trả lời câu hỏi, thực hành.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về đặc điểm giải phẫu sinh lý và sự phát triển cơ thể trẻ em; kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ em bị bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Ngọc Đệ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, NXB Giáo dục Việt Nam - 2015
2. Nhiều tác giả. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
3. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
4. Trường Đại học y Hà Nội. Bài giảng Nhi khoa, (tập I, II) (2009). Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
5. Bệnh viện Nhi Đồng I. (2009). Phác đồ điều trị Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội
6. Đại học Y Dược Tp.HCM. (2004). Bài giảng nhi khoa - chương trình đại học. Nhà xuất bản Y Học.
7. Điều dưỡng nhi khoa, sách đào tạo cử nhân điều dưỡng. (2008). Nhà xuất bản Y Học.
8. Donna L. Wong, Marrison Hockenry - Eaton. (2001). Wong's Essentials of Pediatric Nursing. Mosby.
9. Bệnh viện Nhi đồng I. (2000). Cấp cứu - hồi sức nhi.
10. Đại học Y Dược Tp.HCM. (1998). Bài giảng nhi khoa chương trình đào tạo bác sĩ tuyến cơ sở. Nhà xuất bản Đà Nẵng.
11. Tổ chức Y tế thế giới - ban sức khỏe trẻ em và phát triển. Xử trí lồng ghép các bệnh ở trẻ em (1996). UNICEF.
12. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe trẻ em của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 32

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

Mã môn học: MH6132

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện ở HK V.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ; Các vấn đề sức khỏe phụ nữ: giai đoạn trước - trong và sau đẻ. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được sự thụ tinh, thay đổi về giải phẫu và sinh lý ở phụ nữ khi có thai, quy trình khám thai và quản lý thai nghén tại tuyến cơ sở.

2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng của một số bệnh thường gặp trong sản - phụ khoa.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng thường gặp khi chăm sóc phụ nữ trong giai đoạn trước- trong và sau đẻ

2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc cho sản phụ trong thời kỳ mang thai, trong, sau khi đẻ và cho người bệnh mắc bệnh phụ khoa.

3. Lập kế hoạch và thực hiện được quy trình chăm sóc trẻ sơ sinh sau đẻ.

4. Tư vấn được cách chăm sóc và theo dõi cho bệnh nhân bị bệnh phụ khoa và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

5. Tích cực giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân biết cách đề phòng một số bệnh sản phụ khoa thông thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	CHƯƠNG I: CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ	3	3		
1.1	Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ; Chăm sóc bệnh nhân rối loạn kinh nguyệt	1	1		
1.2	Chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục; Chăm sóc người bệnh sa sinh dục	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.3	Chăm sóc phụ nữ viêm nhiễm đường sinh dục và các bệnh lây truyền qua đường tình dục	1	1		
2	CHƯƠNG II: CHĂM SÓC SỨC KHỎE BÀ MẸ	15	14		1
2.1	Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng, phần phụ của trứng	1	1		
2.2	Thay đổi giải phẫu, sinh lý của phụ nữ khi có thai	1	1		
2.3	Chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén	2	2		
2.4	Chẩn đoán ngôi thế, kiểu thế, độ lọt	2	2		
2.5	Chăm sóc thai phụ sảy thai	1	1		
2.6	Chăm sóc thai phụ thai chết lưu	1	1		
2.7	Chăm sóc thai phụ tiền sản giật	1	1		
2.8	Chăm sóc thai phụ nhau tiền đạo; Chăm sóc thai phụ nhau bong non	2	1		1
2.9	Dấu hiệu chuyển dạ và những yếu tố tiên lượng một cuộc đẻ thường	2	2		
2.10	Cơ chế đẻ ngôi chòm-Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chòm	2	2		
3	CHƯƠNG III: CHĂM SÓC SỨC KHỎE GIA ĐÌNH	2	2		
3.1	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp tránh thai	2	2		
4	Thực tập bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phần lý thuyết

Chương I: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ.
2. Nêu được các chăm sóc bệnh nhân rối loạn kinh nguyệt
3. Trình bày được nội dung chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục
4. Trình bày được nội dung chăm sóc người bệnh sa sinh dục
5. Nêu được các phương pháp chăm sóc phụ nữ viêm nhiễm đường sinh dục và các bệnh lây truyền qua đường tình dục

2. Nội dung

- 2.1. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ nói chung
 - 2.1.3. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở tuổi vị thành niên

- 2.1.4. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở phụ nữ tuổi sinh sản
- 2.1.5. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở người phụ nữ tuổi mãn kinh
- 2.2. Chăm sóc bệnh nhân rối loạn kinh nguyệt
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Phân loại các rối loạn kinh nguyệt
 - 2.2.3. Chăm sóc người bệnh rối loạn kinh nguyệt
- 2.3. Chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Sinh bệnh học
 - 2.3.3. Chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục
- 2.4. Chăm sóc người bệnh sa sinh dục
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Cơ chế giữ tử cung không sa
 - 2.4.3. Nguyên nhân sa sinh dục
 - 2.4.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.5. Nguyên tắc điều trị
 - 2.4.6. Các biện pháp tư vấn dự phòng sa sinh dục
 - 2.4.7. Chăm sóc người bệnh sa sinh dục
- 2.5. Chăm sóc phụ nữ viêm nhiễm đường sinh dục và các bệnh lây truyền qua đường tình dục
 - 2.5.1. Đại cương
 - 2.5.2. Các hình thái viêm nhiễm sinh dục thông thường ở phụ nữ.
 - 2.5.3. Chăm sóc phụ nữ bị viêm nhiễm đường sinh dục.
 - 2.5.4. Đặc điểm bệnh học của các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
 - 2.5.5. Chăm sóc bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Chương II: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được hiện tượng thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng, phần phụ của trứng
2. Nêu các thay đổi giải phẫu, sinh lý của phụ nữ khi có thai
3. Trình bày các nội dung chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén
4. Trình bày các phương pháp chẩn đoán ngôi thế, kiểu thế, độ lọt
5. Nêu các nội dung chăm sóc thai phụ sảy thai
6. Nêu các nội dung chăm sóc thai phụ thai chết lưu
7. Nêu các nội dung chăm sóc thai phụ tiền sản giật
8. Nêu các nội dung chăm sóc thai phụ nhau tiền đạo
9. Nêu các nội dung chăm sóc thai phụ nhau bong non
10. Nêu các dấu hiệu chuyển dạ và những yếu tố tiên lượng một cuộc đẻ thường
11. Nêu cơ chế đẻ ngôi chỏm - Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm

2. Nội dung

- 2.1. Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng, phần phụ của trứng
 - 2.1.1. Đại cương

- 2.1.2. Sự thụ tinh
- 2.1.3. Sự di chuyển và làm tổ của trứng
- 2.1.4. Sự phát triển của trứng và phân phụ của trứng đã thụ tinh
- 2.2. Thay đổi giải phẫu, sinh lý của phụ nữ khi có thai
 - 2.2.1. Những thay đổi ở cơ quan sinh dục
 - 2.2.2. Thay đổi ở da và biến dưỡng
 - 2.2.3. Những thay đổi khác
- 2.3.4. Hoạt động nội tiết khi có thai
- 2.3. Chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén
 - 2.3.1. Mở đầu
 - 2.3.2. Chẩn đoán thai nghén trong 4 tháng rưỡi đầu
 - 2.3.3. Chẩn đoán thai nghén trong 4 tháng rưỡi cuối
 - 2.3.4. Cách khám thai
 - 2.3.5. Quản lý thai
 - 2.3.6. Chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén
- 2.4. Chẩn đoán ngôi thế, kiểu thế, độ lọt
 - 2.4.1. Tư thế thai nhi trong buồng tử cung
 - 2.4.2. Chẩn đoán và phân loại ngôi thế, kiểu thế, độ lọt
- 2.5. Chăm sóc thai phụ sẩy thai
 - 2.5.1. Định nghĩa
 - 2.5.2. Nguyên nhân
 - 2.5.3. Phân loại sẩy thai
 - 2.5.4. Các hình thái lâm sàng của sẩy thai
 - 2.5.5. Chăm sóc thai phụ trong sẩy thai tự nhiên nói chung
- 2.6. Chăm sóc thai phụ thai chết lưu
 - 2.6.1. Định nghĩa
 - 2.6.2. Nguyên nhân
 - 2.6.3. Đặc tính của thai chết lưu
 - 2.6.4. Các thể lâm sàng và giải phẫu bệnh của thai chết lưu
 - 2.6.5. Triệu chứng lâm sàng của thai phụ bị thai chết lưu
 - 2.6.6. Sự tiến triển của thai chết lưu
 - 2.6.7. Xử trí
 - 2.6.8. Chăm sóc thai phụ thai chết lưu
- 2.7. Chăm sóc thai phụ tiền sản giật
 - 2.7.1. Đại cương
 - 2.7.2. Sinh lý bệnh tiền sản giật
 - 2.7.3. Các hình thái lâm sàng của tiền sản giật
 - 2.7.4. Hướng xử trí
 - 2.7.5. Tiên lượng và biến chứng
 - 2.7.6. Chăm sóc thai phụ tiền sản giật
- 2.8. Chăm sóc thai phụ nhau tiền đạo
 - 2.8.1. Định nghĩa và phân loại

- 2.8.2. Nguyên nhân
- 2.8.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.8.4. Cận lâm sàng
- 2.8.5. Hướng xử trí
- 2.8.6. Tiên lượng
- 2.8.7. Chăm sóc thai phụ bị nhau tiền đạo
- 2.9. Chăm sóc thai phụ nhau bong non
- 2.9.1. Đại cương
- 2.9.2. Nguyên nhân
- 2.9.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.9.4. Cận lâm sàng
- 2.9.5. Các thể lâm sàng
- 2.9.6. Diễn tiến và biến chứng
- 2.9.7. Hướng xử trí và điều trị
- 2.9.8. Chăm sóc thai phụ bị rau bong non
- 2.10. Dấu hiệu chuyển dạ và những yếu tố tiên lượng một cuộc đẻ thường
- 2.10.1. Mở đầu
- 2.10.2. Những dấu hiệu trong thời kỳ chuyển dạ đẻ
- 2.10.3. Tiên lượng của một cuộc đẻ thường
- 2.10.4. Kết luận
- 2.11. Cơ chế đẻ ngôi chỏm-Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm
- 2.11.1. Cơ chế đẻ nói chung
- 2.11.2. Cơ chế đẻ ngôi chỏm - kiểu thể CCTT
- 2.11.3. Chăm sóc thai phụ trong quá trình rặn đẻ

Chương III: Tư vấn KHHGD và các biện pháp tránh thai

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1 Thực hiện được các phương pháp tư vấn kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp tránh thai

2. Nội dung

- 2.1. Tư vấn kế hoạch hóa gia đình
- 2.2. Các biện pháp tránh thai dành cho nữ giới
- 2.3. Các biện pháp tránh thai dành cho nam giới

Phần Thực hành bệnh viện

Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu:

- 1. Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
- 2. Nhận định triệu chứng lâm sàng một số người bệnh sản khoa thường gặp.
- 3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân sản khoa.
- 4. Thực hiện những kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh sản khoa.
- 5. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

Chỉ tiêu thực tập điều dưỡng sản khoa

TT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện (lần/1 sinh viên)
1	Tư vấn giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ	3
2	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	3
3	Chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục	2
4	Khám thai	3
5	Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ chuyển dạ	2
6	Chăm sóc thai phụ trong đẻ ngôi chỏm	2
7	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	2 (kiến tập)
8	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau sanh	2
9	Chăm sóc thai phụ trước mổ lấy thai.	2
10	Chăm sóc thai phụ sau mổ lấy thai	2
11	Chăm sóc thai phụ trong trường hợp đẻ khó	2
12	Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sổ nhau.	2
13	Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ hậu sản	2
14	Chăm sóc sản phụ nhiễm trùng hậu sản.	1
15	Chăm sóc rốn sơ sinh Tắm, mặc áo và quần tã cho trẻ sơ sinh	3
16	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng	3
17	Hướng dẫn bà mẹ cách cho con bú sữa mẹ đúng	3

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành của nhà trường, bệnh viện.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

- 1. Phạm vi áp dụng môn học:** toàn trường.
- 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**
 - Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.
 - Thực hành bệnh viện
 - + Sinh viên thực tập tại các Khoa sản của Bệnh viện tỉnh.
 - + Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc sản khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.
- 3. Những nội dung cần chú ý:** Kiến thức về GPSL cơ quan sinh dục nữ, sức khỏe sinh sản (hướng dẫn quốc gia).

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng sản phụ khoa, PGS.TS Cao Ngọc Thành, Hà Nội, 2007, Nhà xuất bản Y Học
2. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, năm 2005 Vụ KH & ĐT, Nhà xuất bản Hà Nội
3. Chăm sóc bà mẹ trong kỳ thai nghén năm 2005 Vụ KH & ĐT, Nhà xuất bản HN
4. Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, năm 2005 Vụ KH & ĐT, Nhà xuất bản HN
5. Chăm sóc bà mẹ sau đẻ năm 2005 Vụ KH & ĐT, Nhà xuất bản HN
6. Quy trình thực hành Hộ sinh trung học năm 2005 Vụ KH & ĐT, Nhà xuất bản HN
7. Giáo trình Sản Phụ Khoa, năm 2011, Bộ môn Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em
8. Sản phụ khoa tập 1-2, năm 2006. BM sản Trường Đại học Y- Dược TP.HCM, NXB Y Học
9. Thực hành sản phụ khoa, năm 2005 BM sản ĐH.YDTP. HCM, NXB Y.
10. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 33

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN

Mã môn học: MH6133

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Thực hiện ở HK V.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tâm thần, các liệu pháp tâm lý, ứng dụng liệu pháp tâm lý trong chăm sóc người bệnh; Đặc điểm lâm sàng và hậu quả của các vấn đề về sức khỏe tâm thần; Chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (xây dựng quy trình điều dưỡng và thực hành chăm sóc người bệnh).

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của một số hội chứng thần kinh - tâm thần.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được xây dựng quy trình điều dưỡng - theo dõi người bệnh thần kinh- tâm thần.

2. Tiếp xúc và phối hợp làm được các liệu pháp tâm lý với bệnh nhân tâm thần.

- Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Đại cương về bệnh tâm thần	4	4		
2	Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt	3	3		
3	Chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly	3	3		
4	Theo dõi - Chăm sóc các trường hợp cấp cứu trong tâm thần	3	3		
5	Phụ giúp bác sĩ khám, làm liệu pháp chữa bệnh tâm thần và vệ sinh - phòng bệnh tâm thần	4	3		1
6	Chương trình Quốc gia về CSSK tâm thần cộng đồng	3	3		
7	Thực tập bệnh viện	44		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về bệnh tâm thần

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nội dung và đối tượng nghiên cứu của tâm thần học.
2. Phân biệt được sự khác nhau giữa bệnh thần kinh và bệnh tâm thần.
3. Trình bày được nguyên nhân của các bệnh tâm thần.
4. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của các bệnh tâm thần.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung của tâm thần học
- 2.2. Đối tượng nghiên cứu của tâm thần học
- 2.3. Liên quan giữa tâm thần học với các ngành khoa học khác
 - 2.3.1. Liên quan với các môn lâm sàng
 - 2.3.2. Liên quan với các môn cận lâm sàng
 - 2.3.3. Liên quan với các môn khoa học xã hội
- 2.4. Tính phổ biến và tác hại của bệnh tâm thần
- 2.5. Mối liên quan giữa bệnh tâm thần và bệnh thần kinh
 - 2.5.1. Mối liên quan
 - 2.5.2. Sự khác nhau
- 2.6. Nguyên nhân của các bệnh tâm thần
 - 2.6.1. Nguyên nhân thực thể
 - 2.6.2. Nguyên nhân tâm lý (các trạng thái phản ứng)
 - 2.6.3. Nguyên nhân do cấu tạo thể chất bất thường và sự phát triển tâm thần bệnh lý
 - 2.6.4. Nguyên nhân chưa rõ
- 2.7. Những yếu tố thuận lợi cho bệnh tâm thần phát sinh
 - 2.7.1. Yếu tố
 - 2.7.2. Nhân cách
 - 2.7.3. Lứa tuổi
 - 2.7.4. Giới tính
 - 2.7.5. Tình trạng toàn thân
- 2.8. Một số triệu chứng rối loạn tâm thần thường gặp
 - 2.8.1. Rối loạn cảm giác
 - 2.8.2. Ảo tưởng
 - 2.8.3. Ảo giác
 - 2.8.4. Rối loạn ngôn ngữ
 - 2.8.5. Ý tưởng ám ảnh
 - 2.8.6. Hoang tưởng
 - 2.8.7. Rối loạn cảm xúc
 - 2.8.8. Rối loạn ý chí và hành động
 - 2.8.9. Rối loạn bản năng
 - 2.8.10. Rối loạn trí nhớ

2.8.11. Rối loạn trí tuệ

Bài 2: Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm về bệnh tâm thần phân liệt.
2. Trình bày được các triệu chứng chủ yếu của bệnh tâm thần phân liệt.
3. Trình bày được các chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Liệu pháp tâm lý
 - 2.4.2. Liệu pháp lao động và tái tích ứng xã hội
 - 2.4.3. Liệu pháp hóa dược
 - 2.4.4. Liệu pháp sốc điện
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh rối loạn phân ly.
2. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh rối loạn phân ly.
3. Trình bày được cách chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Các cơn rối loạn phân ly
 - 2.3.2. Các rối loạn vận động
 - 2.3.3. Rối loạn cảm giác
 - 2.3.4. Các rối loạn giác quan
 - 2.3.5. Rối loạn ngôn ngữ
 - 2.3.6. Các rối loạn về thực vật, nội tạng
 - 2.3.7. Các rối loạn tâm thần
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 4: Theo dõi - Chăm sóc các trường hợp cấp cứu trong tâm thần Thời gian: 3 giờ**1. Mục tiêu**

1. Trình bày được một số trường hợp cần cấp cứu trong bệnh tâm thần
2. Trình bày được cách xử trí và chăm sóc cấp cứu người bệnh tâm thần.

2. Nội dung

- 2.1. Kích động

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Nguyên nhân và đặc điểm của trạng thái kích động
- 2.1.3. Cách xử trí
- 2.2. Tự sát
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Cách xử trí
- 2.3. Không chịu ăn
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2. Cách xử trí

Bài 5: Phụ giúp bác sĩ khám, làm liệu pháp chữa bệnh tâm thần và vệ sinh - phòng bệnh tâm thần Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách bố trí phòng khám bệnh tâm thần.
2. Trình bày được cách phụ giúp thầy thuốc khám và làm một số thủ thuật trong điều trị người bệnh tâm thần.
3. Trình bày được cách hướng dẫn được cho người bệnh và gia đình cách dùng thuốc điều trị bệnh tâm thần.
4. Trình bày được cách theo dõi và chăm sóc được người bệnh bị bệnh tâm thần sau khi dùng thuốc và làm thủ thuật.
5. Trình bày được nội dung của vệ sinh tâm thần.
6. Trình bày được nội dung các biện pháp phòng bệnh tâm thần.

2. Nội dung

- 2.1. Bố trí phòng khám bệnh tâm thần
- 2.2. Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh nhân tâm thần
- 2.3. Hướng dẫn sử dụng thuốc
- 2.4. Phụ giúp thầy thuốc làm thủ thuật
 - 2.4.1. Sốc điện
 - 2.4.2. Liệu pháp tâm lý
- 2.5. Vệ sinh tâm thần
 - 2.5.1. Tổ chức lao động thích hợp
 - 2.5.2. Tổ chức đời sống thích hợp
 - 2.5.3. Giáo dục thích hợp trong gia đình, nhà trường và xã hội
 - 2.5.4. Hạn chế và loại trừ các sang chấn tâm thần, đặc biệt là các sang chấn trường diễn xuất hiện trong mối quan hệ thường ngày
- 2.6. Phòng bệnh tâm thần
 - 2.6.1. Những biện pháp phòng bệnh tuyệt đối
 - 2.6.2. Những biện pháp phòng bệnh tương đối

Bài 6: Chương trình Quốc gia về CSSK tâm thần cộng đồng Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được tầm quan trọng của CSSK tâm thần tại cộng đồng.
2. Nêu được dịch tễ học bệnh tâm thần
3. Kể được một số bệnh tâm thần thường gặp tại cộng đồng

4. Nêu được nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng

2. Nội dung

- 2.1. Tầm quan trọng của CSSK tâm thần tại cộng đồng.
- 2.2. Dịch tễ học bệnh tâm thần
- 2.3. Một số bệnh tâm thần thường gặp tại cộng đồng
- 2.4. Nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng

Phân Thực hành bệnh viện:

Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu

1. Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Nhận định triệu chứng lâm sàng một số người bệnh tâm thần thường gặp.
3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân.
4. Thực hiện những kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh.
5. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

Chỉ tiêu thực tập

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Tự làm
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị bệnh nhân tâm thần	2	2
2	Nhận biết một số triệu chứng chính của bệnh tâm thần	2	2
3	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh tâm thần	1	2
4	Phụ giúp Bác sỹ khám, điều trị bệnh tâm thần.	1	1
5	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sỹ làm các thủ thuật sốc điện và liệu pháp tâm lý	1	1
6	Cho bệnh nhân tâm thần uống thuốc	1	2
7	Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt tại bệnh viện và hướng dẫn người nhà của họ chăm sóc người bệnh tại cộng đồng	1	1
8	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh tâm thần	1	1

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học:** lý thuyết, bệnh viện.
2. **Trang thiết bị:** máy chiếu
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của một số hội chứng thần kinh - tâm thần.

- Kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc - theo dõi người bệnh thần kinh-tâm thần.

2. Tiếp xúc và phối hợp làm được các liệu pháp tâm lý với bệnh nhân tâm thần.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên

Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

Thực hành bệnh viện

Sinh viên thực tập tại các Khoa tâm thần của Bệnh viện Tâm Thần Đồng Tháp.

Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giảng viên Nhà trường và Giảng viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Kiến thức về giải phẫu sinh lý, kiểm soát nhiễm khuẩn, nhu cầu dinh dưỡng; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Trương Tuấn Anh (2007), Điều Dưỡng chuyên khoa hệ nội phần Thần kinh - Tâm thần, NXB Y học.

2. Nguyễn Chương (1983), Bài giảng bệnh thần kinh, NXB Y học.

3. Nguyễn Việt (1984), Tâm thần học, NXB Y học.

4. Trần Đình Xiêm (1986), Tâm thần học, NXB Y học.

5. SIDA/ INDEVELOP (1994), Chăm sóc truyền nhiễm- thần kinh- tâm thần, NXB Y học.

6. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe và tâm thần của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 34

Tên môn học: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã môn học: MH6134

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Thực hiện ở HK V.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về phục hồi chức năng; các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng phục hồi chức năng; Xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến phục hồi chức năng (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc).

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Nhận xét, so sánh được các chức năng người bình thường khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật.

2. Xác định các nhu cầu chăm sóc phục hồi cho người bệnh - khiếm khuyết, giảm chức năng, tàn tật.

- Kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc phục hồi thông thường.

2. Ứng xử đúng đắn với người tàn tật và các thành viên trong nhóm phục hồi chức năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.	7	7		
1.1	Đại cương về vật lý trị liệu và PHCN	1	1		
1.2	Các thiết bị, dụng cụ và phương pháp vật lý trị liệu thường dùng (máy sóng ngắn, máy điện xung trung tần, chườm nóng, chườm lạnh).	4	4		
1.3	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN	2	2		
2	Chương 2: Phục hồi chức năng các bệnh	4	4		
2.1	PHCN sau phẫu thuật	1	1		
2.2	PHCN các bệnh đường hô hấp	1	1		
2.3	PHCN sau gãy xương	1	1		
2.4	PHCN bệnh khớp	1	1		
3	Chương 3: Đại cương PHCN dựa vào cộng đồng	9	8		1

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
3.1	Chương trình PHCN dựa vào cộng đồng	1	1		
3.2	PHCN bệnh nhân liệt nửa người	1	1		
3.3	PHCN bại não	1	1		
3.3	PHCN cho người có khó khăn về nhìn	1	1		
3.4	PHCN cho người có khó khăn về nghe, nói	1	1		
3.5	PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn về học)	2	2		
3.5	PHCN cho người có hành vi xa lạ (Tâm thần)	2	1		1
4	Thực tập bệnh viện	45	0	44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phần Lý thuyết

Chương 1: Đại cương về vật lý trị liệu và phục hồi chức năng Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, mục đích của phục hồi chức năng.
- 1.2. Trình bày được các hình thức, phạm vi và nguyên tắc phục hồi chức năng.
- 1.3. Trình bày được quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa.
- 1.4. Mô tả được các phương pháp vật lý trị liệu thường được ứng dụng.
- 1.5. Trình bày được nhiệm vụ của điều dưỡng trong phục hồi chức năng vật lý trị

liệu.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về vật lý trị liệu và PHCN.
 - 2.1.1. Định nghĩa về PHCN.
 - 2.1.2. Mục đích của PHCN.
 - 2.1.3. Các hình thức PHCN.
 - 2.1.4. Phạm vi PHCN.
 - 2.1.5. Nguyên tắc PHCN.
- 2.2. Các thiết bị, dụng cụ và phương pháp vật lý trị liệu thường dùng.
 - 2.2.1. Các phương thức vật lý trị liệu thường được ứng dụng.
 - 2.2.2. Chườm nóng và chườm lạnh.
 - 2.2.3. Ánh sáng trị liệu.
 - 2.2.4. Máy song ngắn
 - Thông số kỹ thuật
 - Nguyên tắc điều trị
 - Tác dụng điều trị
 - Chỉ định điều trị
 - 2.2.5. Máy điện xung trung tần

- Thông số kỹ thuật
- Nguyên tắc điều trị
- Tác dụng điều trị
- Chỉ định điều trị

2.3. Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN.

2.3.1. Quá trình gây bệnh.

2.3.2. Định nghĩa: khiếm khuyết, giảm khả năng, tàn tật.

2.3.3. Các biện pháp phòng ngừa tàn tật.

Chương 2: Phục hồi chức năng các bệnh.

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được PHCN sau phẫu thuật lồng ngực, sau phẫu thuật ổ bụng.
- 1.2. Trình bày được PHCN cho người bệnh mắc các bệnh đường hô hấp.
- 1.3. Trình bày được PHCN cho người bệnh sau gãy xương.
- 1.4. Trình bày được PHCN cho người bệnh khớp.

2. Nội dung

- 2.1. PHCN sau phẫu thuật.
 - 2.1.1. Đại cương.
 - 2.1.2. Chăm sóc PHCN sau phẫu thuật lồng ngực.
 - 2.1.3. Chăm sóc PHCN sau phẫu thuật ổ bụng.
- 2.2. PHCN các bệnh đường hô hấp.
 - 2.2.1. Đại cương.
 - 2.2.2. Các kỹ thuật VLTL- PHCN hô hấp:
 - 2.2.3. PHCN sau gãy xương.
 - 2.2.4. PHCN bệnh khớp.

Chương 3: Chương trình PHCN dựa vào cộng đồng

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được PHCN dựa vào cộng đồng.
- 1.2. Trình bày được PHCN cho người bệnh liệt nửa người.
- 1.3. Trình bày được PHCN cho người bại não.
- 1.4. Trình bày được PHCN cho người có khó khăn về nhìn.
- 1.5. Trình bày được PHCN cho người có khó khăn về nghe, nói.
- 1.6. Trình bày PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn về học).
- 1.7. Trình bày PHCN cho người có hành vi xa lạ (Tâm thần).

2. Nội dung

- 2.1. PHCN dựa vào cộng đồng.
 - 2.1.1. Nhiệm vụ của PHCN- DVCD.
 - 2.1.2. Phạm vi hoạt động của PHCN.
 - 2.1.3. Các nguyên tắc cơ bản về mặt lý thuyết của PHCN-DVCD.
- 2.2. PHCN cho người bệnh liệt nửa người.
 - 2.2.1. Định nghĩa.
 - 2.2.2. Nguyên nhân.
 - 2.2.3. Triệu chứng.

- 2.2.4. Hậu quả.
- 2.2.5. PHCN cho người bệnh liệt nửa người.
- 2.3. PHCN cho người bại não.
 - 2.3.1. Định nghĩa.
 - 2.3.2. Nguyên nhân.
 - 2.3.3. Một số dấu hiệu nhận biết sớm bại não.
 - 2.3.4. Phục hồi chức năng trẻ bại não.
- 2.4. PHCN cho người có khó khăn về nhìn.
 - 2.4.1. Nguyên nhân.
 - 2.4.2. Cách phát hiện người có khó khăn về nhìn.
 - 2.4.3. Phục hồi chức năng người khó khăn về nhìn.
- 2.5. PHCN cho người có khó khăn về nghe, nói.
 - 2.5.1. Định nghĩa.
 - 2.5.2. Nguyên nhân.
 - 2.5.3. Cách phát hiện người có khó khăn về nghe, nói.
 - 2.5.4. PHCN cho người có khó khăn về nghe nói.
- 2.6. PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn về học).
 - 2.6.1. Nguyên nhân.
 - 2.6.2. Các loại bệnh thường gặp.
 - 2.6.3. Cách giúp người khó khăn về học.
 - 2.6.4. Chăm sóc và PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn về học).
- 2.7. PHCN cho người có hành vi xa lạ (Tâm thần).
 - 2.7.1. Định nghĩa.
 - 2.7.2. Nguyên nhân.
 - 2.7.3. Triệu chứng lâm sàng.
 - 2.7.4. Chăm sóc và PHCN cho người có hành vi xa lạ (Tâm thần)

TT	Nội dung học tập	Chỉ tiêu tay nghề
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa Phục hồi chức năng/ Vật lý trị liệu	1
2	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc phục hồi chức năng	1
3	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sĩ thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng, vật lý trị liệu	1
4	Kỹ thuật ánh sáng trị liệu	1
5	Kỹ thuật điện trị liệu	1
6	Kỹ thuật xoa bóp trị liệu	1
7	Kỹ thuật nhiệt trị liệu	1
8	Chăm sóc và phục hồi một số rối loạn chức năng cơ quan hô hấp, tuần hoàn, thần kinh, cơ khớp	1
9	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc phục hồi chức năng	1

TT	Nội dung học tập	Chỉ tiêu tay nghề
10	Phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau khi phẫu thuật	1
11	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại gia đình và bệnh viện	1

Phần Thực hành bệnh viện

Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu**- Kỹ năng**

1. Thực hiện một số kỹ thuật chăm sóc phục hồi chức năng thông thường.
2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc phục hồi chức năng thông thường cho người khiếm khuyết, giảm khả năng hoạt động, tàn tật.
3. Theo dõi và phát hiện các diễn biến trong quá trình phục hồi chức năng cho người bệnh.
4. Hướng dẫn, giải thích cho người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và gia đình.

- Thái độ: Thể hiện được thái độ ân cần thông cảm, khi thực hiện các kỹ thuật PHCN cho người bệnh.

Chỉ tiêu thực tập**IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. **Phòng học:** lý thuyết, phòng thực hành của nhà trường, bệnh viện.
2. **Trang thiết bị:** máy chiếu
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá**1. Nội dung****- Kiến thức**

1. Nhận xét, so sánh được các chức năng người bình thường khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật.
2. Xác định các nhu cầu chăm sóc phục hồi cho người bệnh - khiếm khuyết, giảm chức năng, tàn tật.

- Kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc phục hồi thông thường.
2. Ứng xử đúng đắn với người tàn tật và các thành viên trong nhóm phục hồi chức năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên

- Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Thực tập bệnh viện

o Sinh viên thực tập tại các Khoa PHCN-VLTL của Bệnh viện tỉnh.

o Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Kiến thức về giải phẫu sinh lý, kiểm soát nhiễm khuẩn

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2004), Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, NXB Y học.

2. Đại học Y Hà Nội (2000), Bài giảng vật lý trị liệu - phục hồi chức năng, NXB Y học Hà Nội.

3. Hội phục hồi chức năng Việt Nam (1996), Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, NXB Y học.

4. Giáo trình môn học Phục hồi chức năng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 35

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Mã môn học: MH6135

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập cộng đồng: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Thực hiện ở HK V.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; vai trò của người Điều dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các vấn đề sức khỏe thuộc cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán sức khỏe của một nhóm người của một gia đình hay của một cộng đồng).

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên trạm y tế.

2. Lượng giá nhu cầu điều dưỡng chăm sóc sức khỏe cộng đồng

3. Lập và thực hiện quy trình chăm sóc cá nhân, gia đình và cộng đồng

- Về kỹ năng

1. Vận dụng những kiến thức, kỹ năng tay nghề nghề nghiệp của người điều dưỡng đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

2. Thực hiện các kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu (lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, huy động cộng đồng).

3. Thực hiện kỹ năng giáo tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra & Ôn tập
1	Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng	2	2		
2	Quy trình điều dưỡng cộng đồng	3	3		
3	Lượng giá nhu cầu điều dưỡng	3	3		
4	Lập kế hoạch chăm sóc cho một cụm dân cư (cộng đồng)	4	3		1
5	Lập kế hoạch chăm sóc cho gia đình	3	3		
6	Thăm và chăm sóc tại nhà	3	3		
7	Ghi chép và quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra & Ôn tập
	Thực tập cộng đồng	44		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

Phân Thực tập cộng đồng

Thời gian: 45 giờ

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
1	Tiếp cận với Trạm Y tế để tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm y tế.	Mỗi sinh viên (hoặc nhóm sinh viên) có một bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm y tế.
2	Tìm hiểu cộng đồng để thu nhập thêm thông tin, lựa chọn những vấn đề sức khỏe cần giải quyết.	Mỗi sinh viên (hoặc nhóm sinh viên) có một bản báo cáo về thông tin cộng đồng, đề xuất những vấn đề sức khỏe, cần giải quyết theo mẫu của giáo viên.
3	Lập kế hoạch Truyền thông - Giáo dục sức khỏe để giải quyết những vấn đề sức khỏe đã được xác định.	Mỗi sinh viên (hoặc nhóm sinh viên) có một bản kế hoạch TT-GDSK.
4	Thực hiện các hoạt động Truyền thông - Giáo dục sức khỏe theo kế hoạch	2 lần
5	Chăm sóc điều dưỡng, cho người bệnh tại Trạm y tế và tại gia đình	Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh đã học.
6	Tham gia các chương trình y tế tại địa phương	2 lần
7	Ghi chép bệnh án, hồ sơ sức khỏe và biểu mẫu, sổ sách tại Trạm Y tế.	2 lần
8	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và thân nhân của họ đến khám, chữa bệnh tại trạm y tế.	2 lần

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học lý thuyết tại trường, thực hành tại trạm y tế

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính kết nối máy chiếu Projector, phấn, bảng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cung cấp những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cộng đồng cho điều dưỡng, môn học được áp dụng trong các trường cao đẳng có đào tạo khối ngành sức khỏe trong phạm vi toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề...
- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Thực tập: Sinh viên thực tập tại Trạm Y tế xã và cộng đồng dân cư trong xã. Mỗi xã không bố trí quá 10 sinh viên. Các trạm Y tế xã được chọn làm địa điểm thực tập cộng đồng phải là những Trạm Y tế đã được nhà trường lựa chọn và hỗ trợ về các nguồn lực để đảm bảo đủ điều kiện cho sinh viên đến thực tập.

- Sinh viên thực tập tại cộng đồng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên nhà trường và giáo viên kiêm nhiệm của địa phương.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2006), Điều dưỡng cộng đồng, NXB Y học.
2. Tổ chức y tế thế giới (1981), Nhân viên y tế cộng đồng, NXB Y học.
3. Bộ Y tế (2004), Quản lý điều dưỡng, NXB Y học.
4. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe cộng đồng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 36

Tên môn học: QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG

Mã môn học: MH6136

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Thực hiện ở HK V.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: khái niệm về quản lý và lãnh đạo điều dưỡng; hệ thống quản lý Điều dưỡng Việt Nam từ trung ương đến địa phương; chức năng nhiệm vụ của các cấp trong ngành Điều dưỡng; các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng; các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý Điều dưỡng Việt Nam.
2. Phân biệt được chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quản lý các cấp.
3. Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng.
4. Ứng dụng được các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

- Kỹ năng

1. Thực hiện các nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.
2. Thực hiện các kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Hệ thống tổ chức	5	5		
1.1	Tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN	2	2		
1.2	Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)	2	2		
1.3	Nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện	1	1		
2	Chương 2: Lãnh đạo – quản lý	15	14		1
2.1	Khái niệm quản lý - Quy trình quản lý	3	3		
2.2	Phong cách lãnh đạo - quản lý	3	3		
2.3	Phương pháp giải quyết vấn đề	1	1		
2.4	Giải quyết mâu thuẫn	1	1		
2.5	Thường quy đi bù	1	1		
2.6	Tổ chức cuộc họp	1	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2.7	Quản lý nhân lực	3	2		1
2.8	Quản lý trang thiết bị vật tư	1	1		
2.9	Quản lý công tác chuyên môn trong bệnh viện	1	1		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Hệ thống tổ chức

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được tổ chức hệ thống y tế VN.
2. Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN.
3. Trình bày được chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp.
4. Trình bày nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện.

2. Nội dung

- 2.1. Tổ chức hệ thống y tế VN, tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN
 - 2.1.1. Các hình thái và nguyên tắc tổ chức
 - 2.1.2. Tổ chức điều dưỡng các cấp
 - 2.1.3. Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng
- 2.2. Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)
 - 2.2.1. Vai trò và vị trí của điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)
 - 2.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)
 - 2.2.3. Điều kiện bổ nhiệm quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)
 - 2.3.4. Nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện

Chương 2: Lãnh đạo – quản lý

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm quản lý - quy trình quản lý.
2. Trình bày được một số phong cách lãnh đạo - quản lý được áp dụng hiện nay.
3. Nêu được các phương pháp giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn.
4. Trình bày được nội dung tổ chức cuộc họp và cách viết báo cáo và thường quy đi bù
5. Trình bày được một số phương pháp quản lý nhân lực, quản lý trang thiết bị vật tư và

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm quản lý - Quy trình quản lý
 - 2.1.1. Khái niệm chung về quản lý
 - 2.1.2. Mục tiêu và nguyên tắc quản lý

- 2.1.3. Các phương pháp quản lý
- 2.1.4. Các chức năng cơ bản của quản lý
- 2.1.5. Những yêu cầu chung về người quản lý
- 2.2. Phong cách lãnh đạo - quản lý
 - 2.2.1. Quản lý và lãnh đạo
 - 2.2.2. Người lãnh đạo và người quản lý
 - 2.2.3. Tổ chức lao động của người lãnh đạo quản lý
 - 2.2.4. Tác phong lãnh đạo quản lý
 - 2.2.5. Phương pháp lãnh đạo
 - 2.2.6. Một số vấn đề về lãnh đạo
 - 2.2.7. Phong cách lãnh đạo
- 2.3. Phương pháp giải quyết vấn đề
 - 2.3.1. Tiếp cận giải quyết vấn đề
 - 2.3.2. Áp dụng kỹ thuật SWOT để phân tích tình hình
 - 2.3.3. Giải pháp cho vấn đề
 - 2.3.4. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề
 - 2.3.5. Giám sát và đánh giá thực hiện
- 2.4. Giải quyết mâu thuẫn
 - 2.4.1. Các đặc tính mâu thuẫn
 - 2.4.2. Các hình thức mâu thuẫn
 - 2.4.3. Các nguyên nhân gây mâu thuẫn
 - 2.4.5. Cách giải quyết mâu thuẫn
- 2.5. Thường quy đi buồng
 - 2.5.1. Vai trò của điều dưỡng trưởng khoa khi đi buồng
 - 2.5.2. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa khi đi buồng
 - 2.5.3. Lập kế hoạch đi buồng thường quy
- 2.6. Tổ chức cuộc họp
 - 2.6.1. Cách tiến hành một cuộc họp
 - 2.6.2. Cách ghi biên bản cuộc họp
- 2.7. Quản lý nhân lực
 - 2.7.1. Đại cương
 - 2.7.2. Nội dung quản lý nhân lực
- 2.8. Quản lý trang thiết bị vật tư
 - 2.8.1. Đại cương
 - 2.8.2. Quá trình quản lý trang thiết bị, vật tư
- 2.9. Quản lý công tác chuyên môn trong bệnh viện

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết.

2. Trang thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý Điều dưỡng Việt Nam.
- + Phân biệt được chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quản lý các cấp.
- + Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng.
- + Ứng dụng được các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

- **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc

- + Thực hiện các nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.
- + Thực hiện các kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý điều dưỡng.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn An (2012), Quản lý điều dưỡng, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2. Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
3. Quản lý điều dưỡng, Bộ Y tế, Y học, 1995.

4. Bộ Y tế (1999), Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng trưởng Sở (ban hành kèm theo Quyết định số 1939/2001/BYT ngày 02/7/1999), Hà nội.
5. Bộ Y tế (2002), Kế hoạch hành động quốc gia về tăng cường công tác Điều dưỡng - Hộ sinh 2002 - 2010, Hà nội.
6. Vụ Khoa học & Đào tạo - Bộ Y tế (1996), Quy chế bệnh viện, Nhà Xuất bản Y học.
7. Vụ Khoa học & Đào tạo - Bộ Y tế (1996), Điều dưỡng cơ bản, Nhà xuất bản Y học.
8. Giáo trình môn học Quản lý điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 37

Tên môn học: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã môn học: MH6137

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ V.

2. Tính chất: Trang bị Cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu điều dưỡng và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu điều dưỡng một cách khoa học.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức:** Trình bày được những kiến thức khoa học cơ bản về nghiên cứu khoa học.

- **Kỹ năng:** Nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu	4	4		
2	Chương 2: Các PP nghiên cứu và PP chọn mẫu.	8	8		
2.1	Các phương pháp nghiên cứu	2	2		
2.2	Phương pháp chọn mẫu	6	6		
3	Chương 3: Trình bày và phiên giải số liệu	4	3		1
4	Chương 4: Viết đề cương, đề tài nghiên cứu	4	4		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được những đặc điểm chính của nghiên cứu và vai trò nghiên cứu điều dưỡng

2. Liệt kê được tám bước của quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu

2. Nội dung

2.1. Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

2.1.1. Kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học

2.1.2. Quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu.

Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được phương pháp nghiên cứu áp dụng trong nghiên cứu khoa học.
2. Trình bày được đặc điểm của các thiết kế nghiên cứu
3. Mô tả được phương pháp tính cỡ mẫu phù hợp và liệt kê được bốn phương pháp chọn mẫu phù hợp cho nghiên cứu.

2. Nội dung

- 2.1. Các phương pháp nghiên cứu
 - 2.1.1. Các thiết kế nghiên cứu
 - 2.2. Phương pháp tính cỡ mẫu
 - 2.1.1. Phương pháp tính cỡ mẫu
 - 2.1.2. Phương pháp chọn và liệt kê các biến số nghiên cứu.

Chương 3: Trình bày và phiên giải số liệu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày một số khái niệm cơ bản về thống kê.
2. Mô tả được thống kê mô tả và thống kê suy luận
3. Phiên giải được các kết quả phân tích số liệu

2. Nội dung

- 2.1. Trình bày và phiên giải số liệu
 - 2.1.1. Phương pháp thống kê cơ bản
 - 2.1.2. Kết quả nghiên cứu và phiên giải kết quả.

Chương 4: Viết đề cương, đề tài nghiên cứu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khung viết đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học
2. Mô tả được các viết tổng quan tài liệu và viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

2. Nội dung

- 2.1. Viết đề cương, đề tài nghiên cứu
 - 2.1.1. Viết tổng quan
 - 2.1.2. Viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh, giáo trình bài giảng, tài liệu tham khảo).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học cho điều dưỡng, môn học được áp dụng trong các trường cao đẳng có đào tạo khối ngành sức khỏe trong phạm vi toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề...

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Quy trình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phân tích và phiên giải số liệu, đặc biệt là phải thực hiện được đề cương nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Đức Mục (2007), Nghiên cứu điều dưỡng, Nhà xuất bản y học.
2. Đại học Y Dược TP. HCM (2005), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và xử lý số liệu với Stata 8. 0, NXB Y học.
3. Đại học Y tế công cộng (2005), Giáo trình thống kê y tế công cộng, NXB Y học Hà Nội.
4. Giáo trình môn học Nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 38

Tên môn học: DỊCH TỄ VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học: MH6138

Thời gian thực hiện: 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III.

2. Tính chất: Môn học này cung cấp cho sinh viên có các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, mô tả và phân tích được tình trạng sức khỏe của một cộng đồng dân cư, những yếu tố quyết định một hiện tượng sức khỏe và tác động của những yếu tố đó trên một cộng đồng: Nguyên tắc điều tra và kiểm soát một vụ dịch. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Sử dụng được cách đánh giá tính tin cậy và giá trị của các xét nghiệm và vai trò của các xét nghiệm trong phát hiện bệnh sớm. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Phân tích được những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.
2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách thức lây truyền, triệu chứng và biến chứng của bệnh.
3. Trình bày được nguyên lý dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng và nguyên lý phòng chống dịch.

- Kỹ năng

1. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.
2. Thành thạo trong công tác chăm sóc sức khỏe các bệnh truyền nhiễm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức, trách nhiệm trong việc tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng về chăm sóc, phòng chống bệnh lây lan.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng Số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: Dịch tễ học	16	16		
1	Dịch tễ học đại cương	2	2		
2	Giám sát dịch tễ học	2	2		
3	Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng Số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
4	Quá trình dịch	2	2		
5	Phân loại bệnh truyền nhiễm	2	2		
6	Các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học	2	2		
7	Cảm nhiễm và miễn dịch	2	2		
8	Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh	2	2		
	Chương 2: Bệnh Truyền nhiễm	24	23		1
9	Đại cương về bệnh truyền nhiễm	2	2		
10	Bệnh thương hàn và chăm sóc	2	2		
11	Bệnh lỵ trực khuẩn, amíp và chăm sóc	2	2		
12	Bệnh tả và chăm sóc	2	2		
13	Viêm màng não mủ và chăm sóc	2	2		
14	Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván	2	2		
15	Quai bị và chăm sóc	2	2		
16	Viêm gan virus và chăm sóc	2	2		
17	Dengue xuất huyết và chăm sóc	2	2		
18	Nhiễm Leptospira và chăm sóc	2	2		
19	Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc	2	1		1
20	Sốt rét và chăm sóc	2	2		
Tổng cộng		40	39	0	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Dịch tễ học

Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm, nội, phương pháp và giám sát về dịch tễ học
2. Trình bày được các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm, quá trình dịch
3. Trình bày được cách phân loại bệnh truyền nhiễm, các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học
4. Nêu được cảm nhiễm và miễn dịch, phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Dịch tễ học đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa về dịch tễ học
 - 2.1.2. Lịch sử ngành dịch tễ học
 - 2.1.3. Phân loại các nghiên cứu dịch tễ học
- 2.2. Giám sát dịch tễ học
 - 2.2.1. Định nghĩa giám sát
 - 2.2.2. Phân loại giám sát
 - 2.2.3. Tầm quan trọng giám sát

- 2.2.4. các bước thiết lập hệ thống giám sát
- 2.2.5. Hệ thống báo cáo, qui định báo cáo
- 2.3. Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm
 - 2.3.1. Khái niệm bệnh truyền nhiễm
 - 2.3.2. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm
 - 2.3.3. Các giai đoạn bệnh truyền nhiễm (thời kỳ nung bệnh, thời kỳ khởi phát, thời kỳ toàn phát, thời kỳ lui bệnh, thời kỳ phục hồi).
 - 2.3.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm
 - 2.3.5. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị
- 2.4. Quá trình dịch
 - 2.4.1. Định nghĩa quá trình dịch
 - 2.4.2. Các yếu tố liên quan đến quá trình dịch
 - 2.4.3. Các hình thái và mức độ dịch
 - 2.4.4. Các biện pháp phòng chống dịch
- 2.5. Phân loại bệnh truyền nhiễm
 - 2.5.1. phân loại theo cơ chế truyền nhiễm
 - 2.5.2. Phân loại theo bệnh căn
 - 2.5.3. Phân loại theo triệu chứng bệnh lý
- 2.6. Các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học
 - 2.6.1. Thế nào là yếu tố tác hại nghề nghiệp?
 - 2.6.2. Phân loại các yếu tố tác hại nghề nghiệp
 - 2.6.3. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến công nghệ sản xuất
 - 2.6.4. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tổ chức lao động
 - 2.6.5. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến điều kiện vệ sinh nơi làm việc
 - 2.6.6. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tâm sinh lý người lao động
- 2.7. Cảm nhiễm và miễn dịch
 - 2.7.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.7. 2. Đường lây truyền
 - 2.7. 3. Ký chủ
 - 2.7.4. Khái niệm về miễn dịch
 - 2.7.5. Phân loại miễn dịch
 - 2.7.6. Kháng nguyên, kháng thể, bỏ thể
 - 2.7. 7. Các phản ứng kết hợp kháng nguyên – kháng thể
 - 2.7. 8. Hiện tượng dị ứng và mẫn cảm
- 2.8. Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh
 - 2.8.1. Nguyên tắc chung
 - 2.8.2. Biện pháp chung
 - 2.8.3. Biện pháp cụ thể

Chương 2: Bệnh Truyền nhiễm

Thời gian: 24 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm, đặc điểm, phân loại bệnh truyền nhiễm
2. Trình bày được, dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý, lâm

sàng, chẩn đoán, điều trị

3. Dự phòng, chăm sóc bệnh thương hàn, ly trực khuẩn, amíp, bệnh tả, viêm màng não mủ, uốn ván, quai bị, viêm gan virus, sốt xuất huyết, Leptospira, HIV-AIDS, sốt rét.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm

2.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của môn học.

2.1.2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu.

2.1.3. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.

2.1.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm.

2.1.5. Một vài quan niệm khác.

2.1.6. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị.

2.2. Bệnh thương hàn và chăm sóc

2.2.1. Dịch tễ học

2.2.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.2.3. Lâm sàng

2.2.4. Chẩn đoán

2.2.5. Điều trị - Dự phòng

2.2.6. Chăm sóc.

2.3. Bệnh ly trực khuẩn, amíp và chăm sóc

2.3.1. Dịch tễ học

2.3.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.3. 3. Lâm sàng

2.3. 4. Chẩn đoán

2.3. 5. Điều trị - Dự phòng

2.3. 6. Chăm sóc.

2.4. Bệnh tả và chăm sóc

2.4.1. Dịch tễ học

2.4.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.4. 3. Lâm sàng

2.4. 4. Chẩn đoán

2.4. 5. Điều trị - Dự phòng

2.4. 6. Chăm sóc.

2.5. Viêm màng não mủ và chăm sóc

2.5.1. Dịch tễ học

2.5.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.5. 3. Lâm sàng

2.5. 4. Chẩn đoán

2.5. 5. Điều trị - Dự phòng

2.5. 6. Chăm sóc.

2.6. Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván

2.6.1. Dịch tễ học

2.6.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

- 2.6. 3. Lâm sàng
- 2.6. 4. Chẩn đoán
- 2.6. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.6. 6. Chăm sóc.
- 2.7. Quai bị và chăm sóc
 - 2.7.1. Dịch tễ học
 - 2.7.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.7. 3. Lâm sàng
 - 2.7. 4. Chẩn đoán
 - 2.7. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.7. 6. Chăm sóc.
- 2.8. Viêm gan virus và chăm sóc
 - 2.8.1. Dịch tễ học
 - 2.8.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.8. 3. Lâm sàng
 - 2.8. 4. Chẩn đoán
 - 2.8. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.8. 6. Chăm sóc.
- 2.9. Dengue xuất huyết và chăm sóc
 - 2.9.1. Dịch tễ học
 - 2.9.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.9. 3. Lâm sàng
 - 2.9. 4. Chẩn đoán
 - 2.9. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.9. 6. Chăm sóc.
- 2.10. Nhiễm Leptospira và chăm sóc
 - 2.10.1. Dịch tễ học
 - 2.10.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.10. 3. Lâm sàng
 - 2.10. 4. Chẩn đoán
 - 2.10. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.10. 6. Chăm sóc.
- 2.11. Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc
 - 2.11.1. Dịch tễ học
 - 2.11.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.11. 3. Lâm sàng
 - 2.11. 4. Chẩn đoán
 - 2.11. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.11. 6. Chăm sóc.
- 2.12. Sốt rét và chăm sóc
 - 2.12.1. Dịch tễ học
 - 2.12.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

- 2.12. 3. Lâm sàng
- 2.12. 4. Chẩn đoán
- 2.12. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.12. 6. Chăm sóc.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học chuyên môn:** Lý thuyết học trên hội trường.
- 2. Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu projector, máy tính cá nhân, hình ảnh
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

- 1. Phạm vi áp dụng môn học:** Môn học chuyên môn
- 2. Phương pháp giảng dạy:**
 - Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
 - Đối với học sinh: Tham gia thảo luận, làm bài tập, tự học, tự luyện tập
- 3. Những trọng tâm cần chú ý:** Không

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng truyền nhiễm thần kinh tâm thần, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học, 2005.
2. Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, Nhà xuất bản Y học Hà Nội - 2004.
3. Trường Đại học Y Dược Huế, Bệnh truyền nhiễm, Bộ môn truyền nhiễm 2008.
4. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học đại cương. Nhà xuất bản Y học, 1993.
5. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học y học. Nhà xuất bản Y học, 1993.
6. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Thực hành Dịch tễ học. Tái bản lần thứ nhất. Nhà xuất bản Y học, 1996.
7. Bùi Đại. 2002. Bệnh học truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
8. Giáo trình môn học Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 39

Tên môn học: THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học: MH6139

Thời gian thực hiện: 45 giờ (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành/Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện học kỳ VI.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Nhận định sức khỏe bệnh nhân; triệu chứng, diễn tiến các bệnh truyền nhiễm; quản lý và theo dõi chăm sóc bệnh nhân người lớn, nhi bị các bệnh truyền nhiễm; lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Phân tích được những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm
2. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phương thức lây truyền, triệu chứng học và biến chứng của một số bệnh nhiễm thường gặp

- Về kỹ năng

1. Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan
2. Lập và thực hiện quy trình chăm sóc các bệnh truyền nhiễm

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tích cực giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người thân về biện pháp chữa bệnh và phòng bệnh

III. Nội dung môn học

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Tiếp nhận người đến khám bệnh và vào khoa truyền nhiễm điều trị	16
2	Nhận định triệu chứng lâm sàng một số bệnh truyền nhiễm đường tiêu hoá, hô hấp, đường máu	16
3	Lập và thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	16
4	Đo, theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở	30
5	Tiêm bắp, tĩnh mạch	16
6	Tiêm SAT	4
7	Truyền dịch	4
8	Vận chuyển người bệnh truyền nhiễm	8
9	Gội đầu, tắm, vệ sinh răng miệng cho người bệnh	4
10	Đặt Sonde dạ dày và cho người bệnh ăn bằng sonde	2
11	Hút đờm, rãi cho người bệnh	1
12	Cho người bệnh thở Oxy	1
13	Lấy máu làm xét nghiệm bệnh truyền nhiễm	2

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
14	Lấy phân, nước tiểu làm xét nghiệm bệnh truyền nhiễm	2
15	Phòng trống và chăm sóc vết loét	2
16	Thay băng cho bệnh nhân truyền nhiễm	2
17	Phụ giúp Bác sỹ chọc dò não tủy, màng phổi	2
18	Phụ giúp Bác sỹ làm điện tâm đồ	1
19	Quản lý chất thải người bệnh	2
20	Chăm sóc người bệnh mở khí quản	1
21	Chăm sóc người bệnh đặt nội khí quản	1
22	Chăm sóc người bệnh thở máy	2
23	Cách ly và phòng chống lây nhiễm trong chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	8
24	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	8
25	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh truyền nhiễm và gia đình của họ.	10

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Thực hành Bệnh viện tại Khoa truyền nhiễm bệnh viện Đa khoa tỉnh

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột điểm kiểm tra thường xuyên, 1 cột điểm kiểm tra định kỳ), trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình điều dưỡng, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức: Quy trình điều dưỡng, kỹ thuật điều dưỡng.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cung cấp những kỹ năng cơ bản về nhận định sức khỏe bệnh nhân; triệu chứng, diễn tiến các bệnh truyền nhiễm; quản lý và theo dõi chăm sóc bệnh nhân người lớn, nhi bị các bệnh truyền nhiễm; lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân cho điều dưỡng, môn học được áp dụng trong các trường cao đẳng có đào tạo khối ngành sức khỏe trong phạm vi toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thực tập tại bệnh viện, Khoa nhiễm và phòng khám bệnh của BV tỉnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng truyền nhiễm thần kinh tâm thần, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học, 2005.

2. Trường Đại học Y Dược Huế, Bệnh truyền nhiễm, Bộ môn truyền nhiễm 2008.

3. Bùi Đại. 2002. Bệnh học truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

4. Bộ Y Tế - Vụ khoa học và đào tạo. (2000) Giáo trình Điều dưỡng truyền nhiễm-Thần kinh-tâm thần. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

5. Đại Học Y Dược Tp.HCM (2006). Bệnh truyền nhiễm. Bộ môn truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y Học.

6. Bộ Y tế. Hướng dẫn giảng dạy phòng chống AIDS. (1996). Nhà xuất bản giáo dục Hà Nội.

7. Nhà xuất bản Y Học Hà Nội (2002). Dự phòng và xử trí phơi nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

8. Giáo trình môn học Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 40

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA NÂNG CAO

Mã môn học: MH6140

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành/Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ VI.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nhận định sức khỏe người bệnh; chuẩn bị trước mổ tiết niệu; cách sử dụng các y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ; chức năng Điều dưỡng phòng mổ; chăm sóc và theo dõi sau mổ: hồi sức và ổn định tại khoa ngoại niệu; chăm sóc các loại vết thương: vô trùng, sạch, nhiễm, dẫn lưu; lập quy trình điều dưỡng chăm sóc người bệnh ngoại khoa, giáo dục y tế cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. So sánh lý thuyết và lâm sàng về triệu chứng và diễn biến của các bệnh lýngoại niệu.
2. Nắm vững các quy định, quy chế liên quan đến phòng mổ.

- Kỹ năng

1. Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh ngoại niệu thường gặp
2. Thực hiện qui trình chăm sóc các bệnh ngoại niệu trước và sau mổ
3. Theo dõi, phát hiện và xử trí các biến chứng sau mổ
4. Sử dụng các y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ
5. Thực hiện đầy đủ chức năng Điều dưỡng phòng phẫu thuật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học tự rèn luyện các bước nhận định và thực hiện qui trình chăm sóc hiệu quả và an toàn cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Chăm sóc hệ tiết niệu	12	11		
1.1	Thăm dò chức năng hệ tiết niệu	2	2		
1.2	Chăm sóc người bệnh mổ sỏi tiết niệu	4	4		
1.3	Chăm sóc người bệnh mổ u xơ tiền liệt tuyến	2	2		
1.4	Chăm sóc người bệnh chấn thương thận, niệu đạo	4	3		1

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2	Chương 2: Phòng phẫu thuật và vấn đề liên quan	8	8		
2.1	Giới thiệu khu phẫu thuật, chức năng, nhiệm vụ Điều dưỡng trong phòng mổ	2	2		
2.2	Gây tê - gây mê và chăm sóc	2	2		
2.3	Các loại chỉ và công dụng trong phẫu thuật	2	2		
2.4	Bảo quản dụng cụ phòng phẫu thuật	2	2		
3	Chương 3: Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phần lý thuyết

Chương 1: Chăm sóc hệ tiết niệu

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

- So sánh lý thuyết và lâm sàng về triệu chứng và diễn biến của các loại bệnh ngoại niệu.
- Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh ngoại niệu thường gặp.
- Chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật hệ tiết niệu.

2. Nội dung

- Triệu chứng lâm sàng và diễn biến của các loại bệnh ngoại niệu.
- Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh ngoại niệu thường gặp.
- Chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật hệ tiết niệu.

Chương 2: Phòng phẫu thuật và những vấn đề liên quan

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng phòng phẫu thuật.
- Trình bày mục đích của tiền mê, nguyên tắc dùng thuốc tiền mê, kể được các loại thuốc mê, các loại chỉ đang sử dụng.
- Trình bày được cách chăm sóc và theo dõi người bệnh trước, trong và sau khi gây mê.
- Trình bày được các yêu cầu và nguyên tắc chung của phòng phẫu thuật.

2. Nội dung

- Chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng phòng phẫu thuật.
- Mục đích của tiền mê, nguyên tắc dùng thuốc tiền mê, kể được các loại thuốc mê, các loại chỉ đang sử dụng.
- Lập quy trình chăm sóc và theo dõi người bệnh trước, trong và sau khi gây mê.
- Các yêu cầu và nguyên tắc chung của phòng phẫu thuật.

Phần Thực tập bệnh viện

Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu

1. Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Nhận định triệu chứng, thực hành bệnh viện một số người bệnh ngoại khoa thường gặp.
3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.
4. Thực hiện những kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh ngoại khoa.
5. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện (ngoại niệu)

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Chăm sóc bệnh nhân tiền phẫu	2
2	Tiếp nhận, thăm khám sức khỏe bệnh nhân	5
3	Thay băng vết thương vô trùng	3
4	Thay băng vết thương sạch	10
5	Thay băng vết thương nhiễm	5
6	Chăm sóc các loại dẫn lưu hệ niệu	5
7	Rút các loại ống dẫn lưu hệ niệu.	5
8	Rửa bàng quang	1
9	CSNB sau mổ sỏi tiết niệu	2
10	CSNB sau mổ u xơ tiền liệt tuyến	2
11	CSNB chấn thương thận	2
12	CSNB chấn thương dập rách niệu đạo	2

Chỉ tiêu thực tập bệnh viện (phòng mổ)

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Rửa da trước mổ	5
2	Chuẩn bị tư thế phẫu thuật	5
3	Vận chuyển bệnh nhân lên xuống bàn phẫu thuật	5
4	Rửa tay ngoại khoa, mặc - cởi áo choàng, mang - tháo găng	5
5	Chuẩn bị dụng cụ tiệt khuẩn	1
6	Điều dưỡng vòng trong	5
7	Điều dưỡng vòng ngoài	5

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học:** lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng ngoại, bệnh viện.
2. **Trang bị:** máy chiếu, mô hình, dụng cụ thực hành.
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá**1. Nội dung:**

- Kiến thức:

- + So sánh lý thuyết và lâm sàng về triệu chứng và diễn biến của các loại bệnh ngoại niệu.
- + Nắm vững các quy định, quy chế liên quan đến phòng mổ.

- Kỹ năng:

- + Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh ngoại niệu thường gặp
- + Thực hiện qui trình chăm sóc các bệnh ngoại niệu trước và sau mổ
- + Theo dõi, phát hiện và xử trí các biến chứng sau mổ
- + Sử dụng các y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ
- + Thực hiện đầy đủ chức năng Điều dưỡng phòng phẫu thuật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học tự rèn luyện các bước nhận định và thực hiện qui trình chăm sóc hiệu quả và an toàn cho người bệnh.

Thực tập bệnh viện

1. Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Nhận định triệu chứng Thực hành bệnh viện một số người bệnh ngoại khoa thường gặp.
3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.
4. Thực hiện những kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh ngoại khoa.
5. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Thực tập bệnh viện:

Sinh viên thực tập tại các Khoa ngoại niệu, phòng mổ của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc ngoại khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng phòng phẫu thuật. Các loại thuốc gây mê và chăm sóc, các loại chỉ dung trong phẫu thuật, bảo quản dụng cụ phòng phẫu thuật

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng ngoại 1, Điều dưỡng ngoại 2, Nhà xuất bản giáo dục Hà nội 2008.

2. Đại học Y Hà Nội, Bệnh Học Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), Nhà xuất bản Y học, 2003.
3. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), NXB Y học, 1997
4. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Nội- Ngoại khoa (tập 1, 2, 3), NXB Y học, 1996.
5. Đại học Y khoa Huế, Điều dưỡng ngoại khoa.
6. Bài giảng bệnh học ngoại khoa,. NXB Y học, 2001.
7. Bài giảng ngoại khoa cơ sở, Triệu chứng học ngoại khoa. Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. NXB Y học, 2001.
8. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 41

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA NÂNG CAO

Mã môn học: MH6141

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện học kỳ VI.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội khoa tim mạch, máu; lập quy trình điều dưỡng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh; thực hiện được các kỹ thuật điều chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức:** Trình bày được nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội khoa tim mạch, máu.

- **Về kỹ năng**

1. Lập và thực hiện quy trình điều dưỡng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa tim mạch, máu thường gặp.

2. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện thái độ ân cần, thân thiện khi chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương tim mạch	15	14		1
1.1	Khám lâm sàng hệ tim mạch	2	2		
1.2	Chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp	2	2		
1.3	Chăm sóc bệnh nhân suy tim	2	2		
1.4	Chăm sóc bệnh nhân đau thắt ngực	2	2		
1.5	Chăm sóc bệnh nhân viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	2	2		
1.6	Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim	2	2		
1.7	Chăm sóc bệnh nhân bệnh van tim	3	2		1
2	Chương máu	5	5		
2.1	Chăm sóc bệnh nhân thiếu máu	2	2		
2.1	Chăm sóc bệnh nhân Leucemie	2	2		
2.3	Chăm sóc bệnh nhân có rối loạn nước và điện giải	1	1		
3	Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Chương tim mạch

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Trình bày và phân tích được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị cơn đau thắt ngực.
- 2 Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị tăng huyết áp.
- 3 Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp.
- 4 Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách điều trị nhồi máu cơ tim.
- 5 Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, mức độ và nguyên tắc điều trị suy tim.
- 6 Lập KHCS bệnh nhân suy tim.
- 7 Trình bày và giải thích được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị tai biến mạch máu não.

2. Nội dung

- 2.1 Khám lâm sàng hệ tim mạch
- 2.2 Chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp
- 2.3 Chăm sóc bệnh nhân suy tim
- 2.4 Chăm sóc bệnh nhân đau thắt ngực
- 2.5 Chăm sóc bệnh nhân viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn
- 2.6 Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim
- 2.7 Chăm sóc bệnh nhân bệnh van tim

Chương máu

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng của thiếu máu.
- 2 Lập được KHCS bệnh nhân thiếu máu.
- 3 Lập được KHCS bệnh nhân mắc bệnh bạch cầu ác tính.

2. Nội dung

- 2.1 Chăm sóc bệnh nhân thiếu máu
- 2.2 Chăm sóc bệnh nhân Leucemie
- 2.3 Chăm sóc bệnh nhân có rối loạn nước và điện giải

Thực tập bệnh viện.

Thời gian: 45 giờ

1. Mục tiêu**- Kỹ năng**

- 1 Thăm khám, nhận định và phát hiện kịp thời tình trạng bất thường của người bệnh khoa nội tim mạch
- 2 So sánh lý thuyết và lâm sàng về cơ chế bệnh sinh, lâm sàng và cận lâm sàng trên các bệnh được phân công
- 3 Theo dõi, phát hiện và can thiệp điều dưỡng những biến chứng ở những người bệnh nằm lưu tại khoa nội tim mạch
- 4 Theo dõi và chăm sóc toàn diện người bệnh theo chuyên khoa nội tim mạch
- 5 Thực hiện đầy đủ quy trình chăm sóc người bệnh được phân công.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng chính xác.

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu
1	Nhận định tình trạng người bệnh tim mạch	10
2	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa	3
3	Thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa	3
4	Vận chuyển người bệnh	5
5	Thông tiểu nam, nữ	1
6	Cho người bệnh ăn qua sonde	3
7	Chăm sóc người bệnh thở máy	1
8	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng tim	1
9	Vệ sinh cá nhân cho người bệnh	5
10	Phụ giúp bác sĩ làm điện tâm đồ	2
11	Truyền máu	1
12	Cho người bệnh thở oxy qua nội khí quản và ống mở khí quản	1
13	Hút đàm nhớt thông thường	3
14	Hút đàm nhớt qua ống nội khí quản và ống mở khí quản	1
15	Phòng chống và chăm sóc loét mục	2
16	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc nội khoa	3
17	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân của họ	3
18	Tiêm truyền dung dịch	5
19	Tiêm thuốc (tĩnh mạch - tiêm dưới da - tiêm bắp - tiêm trong da)	20
20	Lấy máu xét nghiệm	5
21	Lấy dấu sinh hiệu	15

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành của trường, bệnh viện.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Kiến thức: Trình bày được nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội khoa tim mạch, máu.

Kỹ năng

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa tim mạch, máu thường gặp.
2. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện thái độ ân cần, thân thiện khi chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực;

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

Thực hành bệnh viện

- Sinh viên thực tập tại Khoa Nội tim mạch của Bệnh viện tỉnh.

- Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giảng viên Nhà trường và Giảng viên kiêm nhiệm.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về nhu cầu về bệnh nội khoa nâng cao; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Điều dưỡng Nội khoa. Nhà xuất bản y học.

2. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Bệnh học Nội khoa. Nhà xuất bản y học.

3. Đại học Y Hà Nội bộ môn nội. (2007). Điều trị học Nội khoa, tập I, II. Nhà xuất bản y học.

4. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Triệu chứng học Nội khoa. Nhà xuất bản y học.

5. Đặng Vạn Phước và Châu Ngọc Hoa. (2009). Bệnh học nội khoa. Nhà Xuất Bản Y Học.

6. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 42

Tên môn học: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Mã môn học: MH6142

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Thực hiện học kỳ V.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng (PHCN) dựa vào cộng đồng. Tổng quan về khuyết tật và phục hồi chức năng Quá trình tàn tật và chiến lược phòng ngừa Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày các khái niệm về khuyết tật và PHCN.
2. Mô tả được các dịch vụ PHCN, giáo dục hòa nhập, công ăn việc làm cho người khuyết tật.
3. Trình bày được các kỹ thuật PHCN cho một số đối tượng đặc biệt: trẻ em, người cao tuổi.
4. Mô tả được lý luận và thực tiễn thực hiện PHCN dựa vào cộng đồng tại Việt Nam.
5. Mô tả được hệ thống cung cấp dịch vụ PHCN cho người khuyết tật tại Việt Nam.

- Về kỹ năng

1. Áp dụng các biện pháp phòng ngừa để đề ra các biện pháp phòng ngừa cho một dạng tật cụ thể.
2. Giới thiệu được cho người khuyết tật và gia đình các dịch vụ cần thiết trong PHCN.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện thái độ ân cần, thân thiện khi chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1. Tổng quan về khuyết tật và phục hồi chức năng	8	8		
1.1	Tổng quan về khuyết tật và phục hồi chức năng	2	2		
1.2	Quá trình tàn tật và chiến lược phòng ngừa	2	2		
1.3	Một số kỹ thuật áp dụng trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Phần 1)	2	2		
1.4	Một số kỹ thuật áp dụng trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Phần 2)	2	2		
	Chương 2: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.	12	11		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2.1	Phục hồi chức năng cho các đối tượng đặc biệt: trẻ em, người cao tuổi	2	2		
2.2	Các dịch vụ phục hồi chức năng cần thiết cho người khuyết tật tại cộng đồng	3	2		1
2.3	Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật	1	1		
2.4	Hoà nhập xã hội cho người khuyết tật	1	1		
2.5	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Phần 1)	2	2		
2.6	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Phần 2)	2	2		
2.7	Phương pháp chiến lược và giải pháp phát triển phục hồi chức năng và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	1	1		
3	Thực tập bệnh viện	44		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phần Lý thuyết

Chương 1: Tổng quan về khuyết tật và phục hồi chức năng Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được tổng quan về khuyết tật, phục hồi chức năng, phân biệt quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa.

2. Áp dụng được một số kỹ thuật PHCN dựa vào cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về khuyết tật và phục hồi chức năng.

2.1.1. Lịch sử và quá trình thay đổi nhận thức về khuyết tật.

2.1.2. Sơ lược về tình hình khuyết tật trên thế giới và trong nước.

2.1.3. Phân loại khuyết tật.

2.1.4. Khái niệm nhóm PHCN.

2.1.5. Mạng lưới PHCN ở Việt Nam.

2.1.6. Phương hướng chiến lược và giải pháp phát triển PHCN và PHCN dựa vào cộng đồng.

2.2. Quá trình tàn tật và chiến lược phòng ngừa.

2.2.1. Khái niệm về sức khỏe.

2.2.2. Các yếu tố cơ bản trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.

2.2.3. Quá trình khuyết tật và phòng ngừa khuyết tật.

2.2.4. Cách phòng ngừa một số khuyết tật cụ thể.

2.3. Một số kỹ thuật áp dụng trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Phần 1).

2.3.1. PHCN cho người có khó khăn về vận động.

- 2.3.2. PHCN cho người có khuyết tật nghe và nói.
- 2.3.3. PHCN cho người khó khăn về nhìn.
- 2.3.4. PHCN cho người chậm phát triển trí tuệ.
- 2.4. Một số kỹ thuật áp dụng trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Phần 2).
- 2.4.1. PHCN cho người động kinh.
- 2.4.2. PHCN cho người có hành vi xa lạ.
- 2.4.3. PHCN cho người bị mất cảm giác (bệnh phong).
- 2.4.4. Nguyên tắc làm và sử dụng các dụng cụ thích nghi cho nhóm khó khăn vận

động tại cộng đồng.

Chương 2: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Mô tả được các dịch vụ PHCN, giáo dục hòa nhập, công ăn việc làm cho người khuyết tật.
- 2. Trình bày được các kỹ thuật phcn cho một số đối tượng đặc biệt: trẻ em, người cao tuổi.
- 3. Mô tả được lý luận và thực tiễn thực hiện PHCN dựa vào cộng đồng tại Việt Nam.
- 4. Mô tả được hệ thống cung cấp dịch vụ PHCN cho người khuyết tật tại Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Phục hồi chức năng cho các đối tượng đặc biệt: trẻ em, người cao tuổi.
 - 2.1.1. Các mô hình giáo dục cho trẻ khuyết tật.
 - 2.1.2. Các mô hình PHCN cho người cao tuổi.
- 2.2. Các dịch vụ phục hồi chức năng cần thiết cho người khuyết tật tại cộng đồng.
 - 2.2.1. Các dụng cụ VLTL.
 - 2.2.2. Các dụng cụ trợ giúp di chuyển và sinh hoạt.
 - 2.2.3. Các dụng cụ trợ giúp trong sinh hoạt.
 - 2.2.4. Các dụng cụ chỉnh hình và thay thế.
- 2.3. Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.
 - 2.3.1. Nâng cao nhận thức của cộng đồng về giáo dục cho trẻ khuyết tật.
 - 2.3.2. Nâng cao chất lượng giáo dục chung trong nhà trường.
- 2.4. Hoà nhập xã hội cho người khuyết tật.
 - 2.4.1. Hoà nhập xã hội và các yếu tố ảnh hưởng.
 - 2.4.2. Nội dung hòa nhập xã hội.
 - 2.4.3. Các khó khăn trong việc hòa nhập xã hội của người khuyết tật.
- 2.5. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Phần 1).
 - 2.5.1. Thực hiện quy trình dạy- học hòa nhập.
 - 2.5.2. Hỗ trợ giáo dục hòa nhập.
 - 2.5.3. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.
- 2.6. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Phần 2).
 - 2.6.1. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng(tt)
- 2.7. Phương pháp chiến lược và giải pháp phát triển phục hồi chức năng và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

2.7.1. Các bước triển khai chương trình PHCN- dựa vào cộng đồng.

2.7.2. Phương pháp giảng dạy và tư vấn cho nhân viên y tế cộng đồng.

Phần Thực tập bệnh viện

Thời gian: 45 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết, cơ sở thực tập

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, tivi.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ .

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Phương pháp giảng dạy

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với người học: Tham gia thảo luận, làm bài tập nhóm, tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2004), Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, NXB Y học, 2003

2. Đại học Y Hà Nội (2000), Bài giảng vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, NXB Y học.

3. Hội Phục hồi chức năng Việt Nam (1996), Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, NXB Y học.

4. Giáo trình môn học Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 45

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI NÂNG CAO

Mã môn học: MH6145

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 00 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** thực hiện ở HK VI

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các biện pháp phòng bệnh của các bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm và một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, một số kỹ thuật chăm sóc về đời sống, vật chất, tinh thần và sức khỏe người già và người bệnh già; lập kế hoạch và thực hành chăm sóc một số bệnh thường gặp. Giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Mô tả được các triệu chứng chính và các biện pháp phòng bệnh của các bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm và một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

2. Trình bày được một số kỹ thuật chăm sóc về đời sống, vật chất, tinh thần và sức khỏe người già và người bệnh già.

3. Trình bày được các báo cáo, kế hoạch Chăm sóc người già và người bệnh già theo từng quy trình điều dưỡng.

- Về kỹ năng

1. Tổ chức và thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe thường niên cho người già và đối với một số bệnh thường gặp của người già.

2. Áp dụng các liệu pháp tâm lý để giao tiếp, động viên, an ủi và khích lệ người già, người bệnh già và người nhà người bệnh.

3. Theo dõi tình hình sức khỏe, tổ chức cho người già khám sức khỏe định kỳ; lập báo cáo và quản lý hồ sơ chăm sóc sức khỏe người già.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Khám bệnh người già	3	3		
2	Hội chứng trầm cảm tuổi già	3	3		
3	Chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi: Tăng huyết áp, đái tháo đường, sau tai biến mạch máu não	4	4		
4	Dưỡng sinh và dùng thuốc cho người già	3	3		
5	Bệnh do tự kháng thể	2	2		
6	Chăm sóc người bệnh xơ vữa động mạch	3	2		1
7	Hội chứng tâm thần ở người cao tuổi	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

1. Mục tiêu

1. Trình bày điểm đặc trưng khác biệt khi tiếp cận người bệnh cao tuổi
2. Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu nhận biết một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
3. Trình bày được phương pháp điều trị và chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
4. Trình bày được nguyên tắc dự phòng sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
5. Trình bày được phương pháp phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
6. Trình bày những lợi ích và cách tập luyện dưỡng sinh ở người cao tuổi

2. Nội dung

- 2.1. Khám bệnh người già
- 2.2. Hội chứng trầm cảm tuổi già
- 2.3. Chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi: Tăng huyết áp, đái tháo đường, sau tai biến mạch máu não
- 2.4. Dưỡng sinh và dùng thuốc cho người già
 - 2.4.1. Trình bày lợi ích của tập luyện dưỡng sinh đối với người cao tuổi
 - 2.4.2. Trình bày cách tập luyện dưỡng sinh ở người cao tuổi
 - 2.4.3. Những đặc điểm ảnh hưởng đến việc dùng thuốc của người cao tuổi
 - 2.4.4. Nêu những nguyên tắc khi dùng thuốc cho người cao tuổi
- 2.5. Bệnh do tự kháng thể
 - 2.5.1. Khái niệm bệnh do tự kháng thể
 - 2.5.2. Cơ chế bệnh sinh của thương tổn tự kháng thể
 - 2.5.3. Đặc tính chung của bệnh tự kháng thể
 - 2.5.4. Phân loại bệnh tự kháng thể ở người cao tuổi
- 2.6. Chăm sóc người bệnh xơ vữa động mạch
 - 2.6.1. Đại cương về xơ vữa động mạch
 - 2.6.2. Nguyên nhân của xơ vữa động mạch
 - 2.6.3. Triệu chứng của xơ vữa động mạch
 - 2.6.4. Chăm sóc người bệnh xơ vữa động mạch
- 2.7. Các hội chứng tâm thần ở người cao tuổi
 - 2.7.1. Nguyên nhân các hội chứng tâm thần ở người cao tuổi
 - 2.7.2. Đặc điểm lâm sàng của trầm cảm tuổi già
 - 2.7.3. Triệu chứng và điều trị rối loạn lo âu ở người cao tuổi

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. **Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, tivi.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Nhận định được những thay đổi do tuổi tác và các vấn đề sức khỏe ở người cao tuổi.

2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

- Kỹ năng

1. Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

2. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh/gia đình và các thành viên khác của nhóm chăm sóc

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về chăm sóc người bệnh cao tuổi; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh cao tuổi.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng nội, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.

3. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.

4. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.

5. Hoàng Trọng Thăng (2002), Bệnh tiêu hóa gan mật, NXB Y học.

6. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi nâng cao của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 46

Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC NÂNG CAO

Mã môn học: MH6146

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 00 giờ, kiểm tra 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện ở HK VI.

2. Tính chất: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao về cách phát hiện, nguyên tắc xử trí, lập và thực hiện được quy trình điều dưỡng chăm sóc các bệnh lý cấp cứu người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được triệu chứng người bệnh cấp cứu các bệnh lý nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

2. Trình bày được cách xử trí người bệnh cấp cứu các bệnh lý nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

- Về kỹ năng

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh lý nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

2. Lập và thực hiện được quy trình điều dưỡng chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh lý nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về bệnh lý nội tiết	9	9		
	Chăm sóc người bệnh nhiễm ceton do tiểu đường	3	3		
	Chăm sóc người bệnh hạ đường huyết	3	3		
	Chăm sóc hội chứng suy đa phủ tạng	3	3		
2	Chương 2: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về tiêu hoá	4	4		
	Chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa cao	4	4		
3	Chương 3: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về thận, tiết niệu	4	3		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chăm sóc người bệnh suy thận cấp	4	3		1
4	Chương 4: Chăm sóc người bệnh cấp cứu ngộ độc	3	3		
	Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp	3	3		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Phần lý thuyết

Chương 1: Chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng nhiễm ceton
2. Trình bày được các nguyên tắc xử trí nhiễm ceton do đường huyết
3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm ceton
4. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng hạ đường huyết
5. Trình bày được các nguyên tắc xử trí hạ đường huyết
6. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh hạ đường huyết
7. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng suy đa phủ tạng
8. Trình bày được phương pháp xử trí và điều trị suy đa phủ tạng
9. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh suy đa phủ tạng

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc người bệnh nhiễm ceton do tiểu đường
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng nhiễm ceton do tiểu đường
 - 2.1.3. Nguyên tắc xử trí nhiễm ceton tiểu đường
 - 2.1.4. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm ceton do tiểu đường
- 2.2. Chăm sóc người bệnh hạ đường huyết
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Triệu chứng nhiễm ceton do tiểu đường
 - 2.2.3. Nguyên tắc xử trí nhiễm ceton tiểu đường
 - 2.2.4. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm ceton do tiểu đường
- 2.3. Chăm sóc hội chứng suy đa phủ tạng
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Nguyên nhân
 - 2.3.3. Triệu chứng
 - 2.3.4. Xử trí suy đa phủ tạng
 - 2.3.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh suy đa phủ tạng

Chương 2: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về tiêu hoá

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và phân loại xuất huyết tiêu hoá cao.
2. Trình bày được triệu chứng, xử trí khi người bệnh bị xuất huyết tiêu hoá cao.
3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh bị xuất huyết tiêu hoá cao.

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân và phân loại
 - 2.1.3. Triệu chứng
 - 2.1.4. Xử trí xuất huyết tiêu hoá cao
 - 2.1.5. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hoá cao

Chương 3: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về thận, tiết niệu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và phân loại suy thận cấp
2. Trình bày được triệu chứng, xử trí khi người bệnh suy thận cấp
3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh suy thận cấp

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc người bệnh suy thận cấp
 - 2.1.1. Định nghĩa, nguyên nhân và phân loại suy thận cấp
 - 2.1.2. Triệu chứng, xử trí khi người bệnh suy thận cấp
 - 2.1.3. Kế hoạch chăm sóc người bệnh suy thận cấp

Chương 4: Chăm sóc người bệnh cấp cứu ngộ độc

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và phân loại gây ngộ độc cấp
2. Trình bày được triệu chứng, xử trí khi người bệnh bị ngộ độc cấp
3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh bị ngộ độc cấp

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc ngộ độc cấp
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân và phân loại
 - 2.1.3. Các nguyên tắc xử trí trong ngộ độc
 - 2.1.4. Các hội chứng trong ngộ độc
 - 2.1.5. Ngộ độc các chất thường dùng trong đời sống
 - 2.1.5. Ngộ độc tác nhân động vật, thực vật, vật lý
 - 2.1.7. Kế hoạch chăm sóc người bệnh ngộ độc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, máy tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp
2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp
3. Trình bày được các nguyên tắc người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp
4. Trình bày được cách xử trí người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

- Kỹ năng

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp
2. Lập và thực hiện được quy trình chăm sóc người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện thái độ thận trọng, chính xác, nhẹ nhàng và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học tự chọn

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực
- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm...

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về hồi sức cấp cứu và kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Nhuận (2007), Điều dưỡng cấp cứu hồi sức. Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
2. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3. Bộ Y tế, Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2003.
4. Đại học Y Hà Nội, Triệu chứng học nội khoa (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
5. Đại học Y Hà Nội, Nội khoa cơ sở (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
6. The Wasington Manual of Medical The Bentes 30th Edition, 2002.
7. Giáo trình môn học Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực nâng cao của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 47

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NỘI (Da liễu - Lao)

Mã môn học: MH6147

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện học kỳ VI

2. Tính chất: Chăm sóc chuyên khoa hệ nội (da liễu, lao); Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực chuyên khoa hệ nội; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực chuyên khoa hệ nội; lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh da liễu, lao thường gặp.
2. Kể được những đặc điểm cơ bản, các yếu tố chẩn đoán chăm sóc một số thể lao thường gặp và xử lý được một số biến chứng của bệnh.
3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân mắc bệnh da liễu, lao.
4. Tuyên truyền và giáo dục được cách phòng bệnh một số bệnh da liễu, lao thường gặp.

- **Về kỹ năng:** Thực hiện một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh da liễu, lao thường gặp.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Điều dưỡng da liễu	12	12		
1.1	Các tổn thương cơ bản ở da và chăm sóc bệnh nhân viêm da do dị ứng thuốc	2	2		
1.2	Chăm sóc bệnh nhân chàm, bệnh nhân vẩy nến	2	2		
1.3	Chăm sóc bệnh nhân chốc và bệnh nhân hắc bào	2	2		
1.4	Chăm sóc bệnh nhân ghẻ và bệnh nhân viêm da mủ do tụ cầu	2	2		
1.5	Chăm sóc bệnh nhân phong và bệnh nhân giang mai	1	1		
1.6	Chăm sóc bệnh nhân zona và bệnh nhân trứng cá	2	2		
1.7	Chăm sóc bệnh nhân lậu và các loại thuốc ngoài da thường dùng trong da liễu	1	1		
2	Chương 2: Điều dưỡng lao	8	7		1

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2.1	Đại cương về bệnh lao	2	2		
2.2	Chăm sóc bệnh nhân lao phổi	1	1		
2.3	Chăm sóc bệnh nhân lao sơ nhiễm	1	1		
2.4	Chăm sóc bệnh nhân lao màng phổi, cấp cứu ho ra máu	2	1		1
2.5	Thuốc điều trị lao	1	1		
2.6	Lao ngoài phổi	1	1		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Điều dưỡng da liễu

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng của một số bệnh thường gặp: chàm, bệnh nhân vẩy nến, ghẻ, bệnh nhân viêm da mủ do tụ cầu, zona và bệnh nhân trứng cá...
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân mắc bệnh da liễu.

2. Nội dung

- 2.1. Các tổn thương cơ bản ở da và chăm sóc bệnh nhân viêm da do dị ứng thuốc.
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Thương tổn căn bản
 - 2.1.3. Các thương tổn thứ phát
 - 2.1.4. Các thương tổn loại đặc biệt
 - 2.1.5. Một số thể lâm sàng dị ứng thuốc
- 2.2. Chăm sóc bệnh nhân chàm, bệnh nhân vẩy nến.
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Các giai đoạn lâm sàng
 - 2.2.3. Tiến triển
 - 2.2.4. Nguyên nhân
 - 2.2.5. Các dạng lâm sàng
 - 2.2.6. Chẩn đoán
 - 2.2.7. Điều trị
- 2.3. Chăm sóc bệnh nhân chốc và bệnh nhân hắc bào.
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.3. Nguyên nhân
 - 2.3.4. Chẩn đoán
 - 2.3.5. Biến chứng
 - 2.3.6. Điều trị
- 2.4. Chăm sóc bệnh nhân ghẻ và bệnh nhân viêm da mủ do tụ cầu.
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.3. Chẩn đoán

- 2.4.4. Tiến triển và biến chứng
- 2.4.5. Điều trị
- 2.4.6. Phòng ngừa
- 2.5. Chăm sóc bệnh nhân phong và bệnh nhân giang mai.
 - 2.5.1. Những dấu hiệu nhận biết
 - 2.5.2. Phân loại
 - 2.5.3. Điều trị
- 2.6. Chăm sóc bệnh nhân zona và bệnh nhân trứng cá.
 - 2.6.1. Đại cương
 - 2.6.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.6.3. Di chứng và biến chứng
 - 2.6.4. Chẩn đoán
 - 2.6.5. Điều trị
- 2.7. Chăm sóc bệnh nhân lậu và các loại thuốc ngoài da thường dùng trong da liễu.
 - 2.7.1. Nguyên nhân
 - 2.7.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.7.3. Điều trị

Chương 2: Điều dưỡng lao

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của một số bệnh: lao phổi, lao sơ nhiễm, lao màng phổi...
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân mắc bệnh lao.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về bệnh lao.
 - 2.1.1. Đặc điểm vi khuẩn lao
 - 2.1.2. Sự lây lan
 - 2.1.3. Diễn tiến bệnh
 - 2.1.4. Phòng ngừa
- 2.2. Chăm sóc bệnh nhân lao phổi
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Giải phẫu bệnh
 - 2.2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.4. Cận lâm sàng
 - 2.2.5. Các thể lâm sàng
 - 2.2.6. Chẩn đoán
 - 2.2.7. Tiến triển và biến chứng
 - 2.2.8. Điều trị
 - 2.2.9. Chăm sóc
- 2.3. Chăm sóc bệnh nhân lao sơ nhiễm
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Nguyên nhân
 - 2.3.3. Đường lây

- 2.3.4. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3.5. Cận lâm sàng
- 2.3.6. Chẩn đoán
- 2.3.7. Tiến triển và biến chứng
- 2.3.8. Điều trị
- 2.3.9. Dự phòng
- 2.4. Chăm sóc bệnh nhân lao màng phổi, cấp cứu ho ra máu
- 2.4.1. Đại cương
- 2.4.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4.3. Cận lâm sàng
- 2.4.4. Chẩn đoán
- 2.4.5. Điều trị
- 2.4.6. Tiến triển
- 2.5. Thuốc điều trị lao
- 2.5.1. Cơ sở vi khuẩn học
- 2.5.2. Cơ chế tác dụng của thuốc
- 2.5.3. Các thuốc thường gặp
- 2.5.4. Các phác đồ điều trị
- 2.6. Lao ngoài phổi
- 2.6.1. Đại cương
- 2.6.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.6.3. Cận lâm sàng
- 2.6.4. Chẩn đoán
- 2.6.5. Điều trị
- 2.6.6. Tiến triển

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết

2. Trang thiết bị: Máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thông và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ .

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh da liễu, lao thường gặp.
- + Kể được những đặc điểm cơ bản, các yếu tố chẩn đoán chăm sóc một số thể lao thường gặp và xử lý được một số biến chứng của bệnh.
- + Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân mắc bệnh da liễu, lao.

+ Tuyên truyền và giáo dục được cách phòng bệnh một số bệnh da liễu, lao thường gặp.

- **Kỹ năng:** Thực hiện một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh da liễu, lao thường gặp.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về da liễu, lao; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội, nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

2. Bộ Y tế (1994), Bài giảng Da liễu, nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

3. Bộ Y tế (1990), Bệnh Da Liễu, nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

4. Giáo trình môn học Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (Da liễu – Lao) của Trường Cao đẳng Y tế Đông Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 48

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NGOẠI

(Mắt - Răng hàm mặt - Tai mũi họng)

Mã môn học: MH6148

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành/Thực tập: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện học kỳ VI.

2. Tính chất: Trang bị Cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Chăm sóc chuyên khoa hệ ngoại (Mắt; Răng hàm mặt; Tai mũi họng); Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực chuyên khoa hệ ngoại; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực chuyên khoa hệ ngoại.

II. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức:** Trình bày được: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và phương pháp dự phòng một số bệnh thông thường Tai mũi họng, Mắt và Răng hàm mặt.

- **Về kỹ năng**

1. Thực hiện đúng quy định một số kỹ thuật chăm sóc về Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt thông thường.

3. Tuyên truyền giáo dục nhân dân tại cộng đồng về cách phòng các bệnh thông thường thuộc các chuyên ngành TMH, Mắt, RHM.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	I. Điều dưỡng Tai mũi họng	6	6		
1.1	Sơ lược giải phẫu - sinh lý tai mũi họng và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tai mũi họng.	1	1		
1.2	Chăm sóc bệnh nhân viêm tai giữa và chăm sóc bệnh nhân viêm tai xương chũm.	1	1		
1.3	Chăm sóc bệnh nhân viêm mũi và chăm sóc bệnh nhân viêm xoang	1	1		
1.4	Chăm sóc bệnh nhân viêm V.A, viêm họng - Amydan	1	1		
1.5	Chăm sóc bệnh nhân viêm thanh quản, bệnh nhân chảy máu mũi và dị vật đường ăn - dị vật đường thở.	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.6	Phát hiện sớm và chăm sóc bệnh nhân ung thư tai, mũi, họng, đầu, cổ và các loại thuốc thường dùng trong TMH	1	1		
2	II. Điều dưỡng Mắt	8	7		1
2.1	Giải phẫu và sinh lý mắt	2	1		1
2.2	Chăm sóc bệnh nhân viêm kết mạc và chăm sóc bệnh nhân viêm giác mạc, viêm loét giác mạc.	1	1		
2.3	Chăm sóc bệnh nhân glacom và bệnh nhân viêm màng bồ đào.	1	1		
2.4	Chăm sóc bệnh các bộ phận phụ thuộc của mắt và bệnh nhân đục thủy tinh thể.	1	1		
2.5	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương mắt	1	1		
2.6	Cách khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa	1	1		
2.7	Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa và các tiểu phẫu trong nhãn khoa	1	1		
3	III Điều dưỡng Răng hàm mặt	6	6		
3.1	Giải phẫu sinh lý và tổ chức học của răng, sâu răng và dự phòng	1	1		
3.2	Viêm tuỷ, viêm quanh cuống, viêm quanh răng	1	1		
3.3	Chỉ định, chống chỉ định nhổ răng, chăm sóc bệnh nhân sau nhổ răng và cấp cứu răng miệng: giảm đau, cầm máu	1	1		
3.4	Chăm sóc răng miệng ban đầu ở tuyến y tế cơ sở	1	1		
3.5	Các chấn thương vùng hàm mặt	1	1		
3.6	Viêm mô tế bào vùng hàm mặt và các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt	1	1		
Tổng cộng		20	19	0	1

2. Nội dung chi tiết

I. ĐIỀU DƯỠNG TAI MŨI HỌNG

Bài 1: Sơ lược giải phẫu - sinh lý tai mũi họng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được cấu tạo cơ bản của tai, mũi, họng..
2. Nêu được các hoạt động chính của tai, mũi, họng

2. Nội dung

- 2.1. Sơ lược giải phẫu tai, mũi, họng.
- 2.2. Chức năng sinh lý của tai, mũi, họng.
 - 2.2.1. Sinh lý tai.
 - 2.2.2. Sinh lý mũi.
 - 2.2.3. Sinh lý họng.

Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân viêm tai giữa và chăm sóc bệnh nhân viêm tai xương chũm.

Thời gian: 1 giờ

A. VIÊM TAI GIỮA

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm tai giữa.
2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị bệnh viêm tai giữa.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm tai giữa.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm tai giữa cấp tính
 - 2.2.2. Viêm tai giữa mãn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. VIÊM TAI XƯƠNG CHŨM

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm tai xương chũm.
2. Mô tả được các biến chứng nội sọ do tai.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm tai xương chũm hoặc có biến chứng nội sọ do tai.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm tai xương chũm mãn tính
 - 2.2.2. Viêm tai xương chũm mãn tính hồi viêm
 - 2.2.3. Viêm tai xương chũm mãn tính hồi viêm xuất ngoại
- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Viêm màng não do tai
 - 2.3.2. Áp xe não do tai
 - 2.3.3. Viêm tĩnh mạch bên do tai
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Nội khoa
 - 2.4.2. Ngoại khoa
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc bệnh nhân viêm mũi và chăm sóc bệnh nhân viêm xoang

Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM MŨI

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm mũi.

2. Trình bày và phân tích được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm mũi theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm mũi cấp tính
 - 2.2.2. Viêm mũi mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM XOANG

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm xoang.

2. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm xoang theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm xoang cấp tính
 - 2.2.2. Viêm xoang mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc bệnh nhân viêm V.A, viêm họng - Amydan Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM V.A

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị của bệnh viêm V.A.

2. Nêu được cách phòng bệnh viêm V.A.

3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm V.A theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Viêm nhiễm
 - 2.1.2. Điều kiện thuận lợi
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm V.A cấp tính
 - 2.2.2. Viêm V.A mạn tính
- 2.3. Biến chứng

- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM HỌNG – AMIDAN

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm họng – amidan.
2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị bệnh viêm họng – amidan.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm hong – amidan theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm họng - amidan cấp tính
 - 2.2.1.1. Do virus
 - 2.2.1.2. Do vi khuẩn
 - 2.2.1.3. Viêm họng bạch hầu
 - 2.2.2. Viêm họng - amidan mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc bệnh nhân viêm thanh quản, bệnh nhân chảy máu mũi và dị vật đường ăn - dị vật đường thở.

Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM THANH QUẢN

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm thanh quản.
2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm thanh quản.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm thanh quản theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm thanh quản cấp tính
 - 2.2.1.1. Viêm thanh quản cấp tính thông thường
 - 2.2.1.2. Viêm thanh quản bạch hầu
 - 2.2.1.3. Viêm thanh quản rít trẻ em
 - 2.2.2. Viêm thanh quản mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH DỊ VẬT ĐƯỜNG THỞ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng dị vật đường thở.

2. Trình bày được cách cấp cứu ban đầu dị vật thanh quản bằng thủ thuật Heimlich.

3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh dị vật đường thở theo đúng qui trình.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Hội chứng xâm nhập

2.2.2. Dị vật thanh quản

2.2.3. Dị vật khí quản

2.2.4. Dị vật phế quản

2.2.5. Cận lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.4. Hướng điều trị

2.5. Phòng bệnh

2.6. Chăm sóc

C. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH DỊ VẬT ĐƯỜNG ĂN

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và các biến chứng do dị vật đường ăn gây nên.

2. Nêu được các biện pháp đề phòng dị vật đường ăn.

3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh dị vật đường ăn theo đúng qui trình.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Giai đoạn đầu (24 giờ đầu)

2.2.2. Giai đoạn viêm nhiễm

2.3. Biến chứng

2.3.1. Viêm tấy quanh thực quản cổ

2.3.2. Viêm trung thất

2.3.3. Viêm màng phổi mũ

2.3.4. Rò khí thực quản

2.3.5. Thủng mạch máu lớn

2.4. Hướng điều trị

2.5. Phòng bệnh

2.6. Chăm sóc

D. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHẢY MÁU MŨI

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị 3 thể chảy máu mũi.

2. Nêu được cách phòng bệnh chảy máu mũi.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh chảy máu mũi theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại chảy máu mũi
 - 2.1.1. Chảy máu điểm mạch Kisselbach
 - 2.1.2. Chảy máu động mạch
 - 2.1.3. Chảy máu tỏa lan do mao mạch
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Cầm máu tại chỗ
 - 2.4.2. Điều trị toàn thân
 - 2.4.3. Tìm nguyên nhân điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 6: Phát hiện sớm và chăm sóc bệnh nhân ung thư tai, mũi, họng, đầu, cổ

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các yếu tố nguy cơ, các biểu hiện sớm ung thư TMH và đầu cổ.
2. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh ung thư TMH và đầu cổ theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Các yếu tố nguy cơ
- 2.2. Biểu hiện sớm khả năng bị ung thư ở vùng tai mũi họng và đầu cổ
 - 2.2.1. Ung thư vòm mũi họng
 - 2.2.2. Ung thư thanh quản – hạ họng
 - 2.2.3. Ung thư hạ họng – thanh quản
 - 2.2.4. Cận lâm sàng
- 2.3. Hướng điều trị
- 2.4. Phòng bệnh
- 2.5. Chăm sóc

II. ĐIỀU DƯỠNG MẮT

Bài 1: Giải phẫu và sinh lý mắt

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cấu tạo của mắt và các bộ phận phụ cận.
2. Nêu được tác dụng sinh lý cơ bản của mắt.

2. Nội dung

- 2.1. Nhãn cầu
 - 2.1.1. Vỏ nhãn cầu
 - 2.1.2. Màng bồ đào
 - 2.1.3. Võng mạc
- 2.2. Các môi trường trong suốt

- 2.2.1. Giác mạc
- 2.2.2. Thủy dịch
- 2.2.3. Thể thủy tinh
- 2.2.4. Dịch kính
- 2.3. Các cơ vận động nhãn cầu
- 2.3.1. Cơ nội nhãn
- 2.3.2. Cơ ngoại nhãn
- 2.4. Các bộ phận phụ thuộc của mắt
- 2.4.1. Hốc mắt
- 2.4.2. Mi mắt
- 2.4.3. Kết mạc
- 2.4.4. Tuyến lệ và lệ đạo
- 2.5. Các đường dẫn truyền thần kinh thị giác và trung tâm thị giác
- 2.5.1. Các đường thần kinh thị giác
- 2.5.2. Trung tâm thị giác

Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân viêm kết mạc và chăm sóc bệnh nhân viêm giác mạc, viêm loét giác mạc. Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC BỆNH NHÂN VIÊM KẾT MẠC

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, đặc điểm của các thể bệnh viêm kết mạc.
2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh viêm kết mạc.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm kết mạc.

2. Nội dung

- 2.1. Các thể viêm kết mạc sắp xếp dựa theo tiết tổ
 - 2.1.1. Viêm kết mạc cấp tính có tiết tổ nhày
 - 2.1.2. Viêm kết mạc có tiết tổ mũ đặc
 - 2.1.3. Viêm kết mạc có màng do liên cầu
 - 2.1.4. Viêm kết mạc mùa xuân
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Đặc điểm
- 2.4. Triệu chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM LOÉT GIÁC MẠC

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh viêm loét giác mạc.
2. Trình bày được biến chứng và hướng xử trí bệnh viêm loét giác mạc.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm loét giác mạc.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Điều kiện thuận lợi

- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng xử trí
 - 2.5.1. Nguyên tắc
 - 2.5.2. Cụ thể
- 2.6. Chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc bệnh nhân glôcôm và bệnh nhân viêm màng bồ đào

Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM MÓNG MẮT

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh viêm màng mắt.
2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm màng mắt.
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm màng mắt.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Tiến triển và biến chứng
- 2.4. Hướng xử trí
 - 2.4.1. Điều trị chống dính
 - 2.4.2. Chống viêm
 - 2.4.3. Kháng sinh
 - 2.4.4. Điều trị theo nguyên nhân
 - 2.4.5. Giảm đau, an thần, giảm phù nề nội nhãn
- 2.5. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH GLÔCÔM GÓC ĐÓNG CON CẤP

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh glôcôm góc đóng con cấp
2. Trình bày được hướng xử trí và phòng bệnh glôcôm góc đóng con cấp
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh glôcôm góc đóng con cấp

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng xử trí
- 2.4. Phòng bệnh
- 2.5. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc bệnh các bộ phận phụ thuộc của mắt và bệnh nhân đục thủy tinh thể.

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được cách phân loại bệnh đục thủy tinh thể
2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí bệnh đục thủy tinh thể tuổi già
3. Trình bày được KHCS người bệnh đục thủy tinh thể

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng xử trí
- 2.4. Chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc bệnh nhân chấn thương mắt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng, cách xử trí vết thương xuyên thấu ở mắt
2. Trình bày cách xử trí và theo dõi được xuất huyết tiền phòng
3. Trình bày được KHCS người bệnh chấn thương mắt

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Phân loại
 - 2.2.1. Chấn thương xuyên thấu
 - 2.2.2. Chấn thương đục dấp
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Đề phòng chấn thương mắt
- 2.5. Chăm sóc

Bài 6: Cách khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được qui trình khám các chức năng thị giác
2. Đọc được kết quả bình thường của chức năng thị giác
3. Mô tả được ác bước tiến hành thử thị lực, đo nhãn áp, đo thị trường

2. Nội dung

- 2.1. Thị lực
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên tắc đo thị lực
 - 2.1.3. Phương pháp đo thị lực
- 2.2. Nhãn áp
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Chỉ định – chống chỉ định
 - 2.2.3. Phương pháp đo nhãn áp
- 2.3. Thị trường
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Chỉ định
 - 2.3.3. Phương pháp đo
 - 2.3.4. Kết quả

Bài 7: Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa và các tiểu phẫu trong nhãn khoa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được các thuốc thường dùng trong nhãn khoa.
2. Mô tả được các tiểu phẫu trong nhãn khoa

2. Nội dung

- 2.1. Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa
- 2.2. Các tiêu phẫu trong nhãn khoa.

III. ĐIỀU DƯỠNG RĂNG HÀM MẶT

Bài 1: Giải phẫu sinh lý và tổ chức học của răng, sâu răng và dự phòng

Thời gian: 1 giờ

A. GIẢI PHẪU SINH LÝ RĂNG MIỆNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được số lượng, tên của răng sữa và răng vĩnh viễn
- 1.2. Mô tả được hình thể giải phẫu, cấu tạo của răng và vùng quanh răng
- 1.3. So sánh được sự khác biệt giữa răng sữa và răng vĩnh viễn
- 1.4. Trình bày được sinh lý mọc – tha răng và gọi được tên răng

2. Nội dung

- 2.1. Số lượng răng
 - 2.1.1. Răng sữa
 - 2.1.2. Răng vĩnh viễn
- 2.2. Hình thể giải phẫu của răng
 - 2.2.1. Hình thể ngoài
 - 2.2.2. Số lượng chân răng
 - 2.2.3. Phân biệt rang sữa và răng vĩnh viễn
- 2.3. Cấu tạo vùng quanh răng
- 2.4. Cấu tạo răng
 - 2.4.1. Men răng
 - 2.4.2. Ngà răng
 - 2.4.3. Tủy răng
- 2.5. Cách gọi tên răng
- 2.6. Sinh lý răng
 - 2.6.1. Tuổi mọc răng sữa
 - 2.6.2. Tuổi mọc răng vĩnh viễn

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SÂU RĂNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Vẽ và giải thích được sơ đồ Keyes
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và các biện pháp phòng bệnh sâu răng
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh sâu răng

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân gây sâu răng và diễn biến quá trình sâu răng
 - 2.2.1. Răng
 - 2.2.2. Vi khuẩn
 - 2.2.3. Chất nền
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Sâu men

- 2.3.2. Sâu ngà
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Chăm sóc

Bài 2: Viêm tủy, viêm quanh cuống, viêm quanh răng Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM TỦY VÀ VIÊM QUANH CUỐNG RĂNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được các nguyên nhân dẫn đến viêm tủy
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị cho người bệnh viêm tủy và viêm quanh cuống răng
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm tủy và viêm quanh cuống răng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Viêm tủy răng
 - 2.1.2. Viêm quanh cuống răng
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Tiến triển và biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM LỢI – VIÊM QUANH RĂNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được các nguyên nhân viêm lợi – viêm quanh răng
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị viêm lợi – viêm quanh răng
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm lợi – viêm quanh răng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Tại chỗ
 - 2.1.2. Toàn thân
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Tiến triển và biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

Bài 3: Chỉ định, chống chỉ định nhổ răng, chăm sóc bệnh nhân sau nhổ răng và cấp cứu răng miệng: giảm đau, cầm máu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu và phân tích được chỉ định và chống chỉ định nhổ răng
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng một số tai biến thường gặp khi nhổ răng

1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh nhổ răng

2. Nội dung

2.1. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng

2.2. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng, nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí

2.2.1. Ngất xỉu

2.2.2. Chảy máu kéo dài

2.2.3. Viêm ổ răng

2.3. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc răng miệng ban đầu ở tuyến y tế cơ sở

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nội dung công tác chăm sóc răng miệng ban đầu, công tác nha học đường và các biện pháp phòng bệnh răng miệng

1.2. Nêu được các tổn thương nghi ngờ ung thư ở vùng miệng

2. Nội dung

2.1. Nội dung

2.1.1. Giáo dục nha khoa

2.1.2. Hoạt động phòng bệnh

2.1.3. Hoạt động điều trị

2.2. Các biện pháp dự phòng bệnh răng miệng

2.2.1. Phòng bệnh sâu răng

2.2.2. Phòng bệnh vùng quanh răng

2.2.3. Phòng các bệnh ung thư vùng miệng

2.2.4. Phát hiện được các biểu hiện của HIV/AIDS tại vùng miệng và hàm mặt

2.3. Các hoạt động điều trị

2.4. Công tác chăm sóc răng miệng ban đầu ở cơ sở nha học đường

2.4.1. Lý do thực hiện công tác nha học đường

2.4.2. Nội dung công tác nha học đường

2.4.3. Các hình thức của công tác nha học đường

Bài 5: Các chấn thương vùng hàm mặt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân loại được các chấn thương phần mềm vùng hàm mặt

1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị gãy xương hàm

1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh chấn thương hàm mặt

2. Nội dung

2.1. Phân loại chấn thương phần mềm

2.2. Gãy xương

2.2.1. Gãy xương hàm dưới

2.2.2. Gãy xương hàm trên

2.3. Hướng điều trị

2.4. Chăm sóc

Bài 6: Viêm mô tế bào vùng hàm mặt và các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được các nguyên nhân gây viêm mô tế bào vùng hàm mặt
- 1.2. Mô tả được triệu chứng của các giai đoạn viêm mô tế bào vùng hàm mặt
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm mô tế bào vùng hàm mặt

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Do răng
 - 2.1.2. Không do răng
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Viêm tụ
 - 2.2.2. Viêm tấy
- 2.3. Một số thể định khu
 - 2.3.1. Áp xe vùng má
 - 2.3.2. Áp xe vùng cơ cắn
 - 2.3.3. Áp xe vùng mang tai
 - 2.3.4. Áp xe dưới hàm
 - 2.3.5. Áp xe vùng dưới cằm
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Toàn thân
 - 2.4.2. Tại chỗ
- 2.5. Chăm sóc

IV. Điều kiện thực hiện môn học**1. Phòng học:** lý thuyết**2. Trang thiết bị:** Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thông và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá**1. Nội dung**

- **Kiến thức:** Trình bày được: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và phương pháp dự phòng một số bệnh thông thường Tai mũi họng, Mắt và Răng hàm mặt.

- Kỹ năng

+ Thực hiện đúng quy định một số kỹ thuật chăm sóc về Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt thông thường.

+ Tuyên truyền giáo dục nhân dân tại cộng đồng về cách phòng các bệnh thông thường thuộc các chuyên ngành TMH, Mắt, RHM.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: thi lý thuyết, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

3. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường

4. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về giải phẫu sinh lý, kiểm soát nhiễm khuẩn, nhu cầu dinh dưỡng; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại, Bộ Y tế, Y học 2007.

2. Giáo trình môn học Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (Mắt – Răng hàm mặt Tai mũi họng) của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 43

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học: MH6143

Thời gian thực hiện: 180 giờ (Lý thuyết: 00 giờ; Thực tập bệnh viện: 176 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện học kỳ VI.

2. Tính chất: Đợt thực tế tốt nghiệp vào cuối khoá học, trước khi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được qui trình vô khuẩn, tiết khuẩn tại bệnh viện.

II. Mục tiêu môn học

1. Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật chăm sóc trên bệnh nhân.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng bệnh nhân.
3. Tham gia công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện.
4. Thực hiện các kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu.
5. Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng và tại cơ sở khám, chữa bệnh.

III. Nội dung môn học

Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Bệnh viện huyện, Bệnh viện tỉnh và chức trách, nhiệm vụ của người điều dưỡng Cao đẳng tại các cơ sở đó.	Mỗi Sinh viên (hoặc 1 nhóm sinh viên) có 1 bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Bệnh viện huyện, Bệnh viện tỉnh và chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng viên Cao đẳng tại các cơ sở đó.
Thực hiện chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng tại khoa nội, khoa Ngoại, khoa Nhi, khoa Sản - Phụ, khoa Truyền nhiễm	Hàng ngày sinh viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng thực tập tại Khoa theo sự phân công và giám sát của Điều dưỡng trưởng khoa.
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa	10 Lần
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc ngoại khoa	10 Lần
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nhi khoa	10 Lần
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc sản - phụ khoa	10 Lần
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc bệnh truyền nhiễm.	10 Lần
Ghi chép bệnh án, mẫu biểu chăm sóc của các khoa lâm sàng Bệnh viện huyện và Bệnh viện tỉnh (hoặc Trung Ương)	2 lần x 5 khoa

Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám chữa bệnh tại Bệnh viện.	5 Lần
Tham gia trực tại bệnh viện huyện, bệnh viện tỉnh.	10 Lần

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Thực tập bệnh viện

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4. Hình thức: Quy trình điều dưỡng/kỹ thuật điều dưỡng.

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức: Chấm bài báo cáo.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

- Địa điểm: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại Bệnh viện huyện, Bệnh viện tỉnh. Hàng ngày Sinh viên được bố trí thực tập tại các khoa lâm sàng, chủ yếu tại các khoa Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, Cấp cứu, Hồi sức tích cực chống độc, PT - GMHS.

- Sinh viên thực tập tốt nghiệp tại Bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát giúp đỡ của giảng viên nhà trường và giảng viên kiêm nhiệm của các của các khoa lâm sàng. Chủ yếu là hướng dẫn sinh viên ôn luyện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo.

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng nội khoa, NXB Y học, Hà Nội - 2007
2. Điều dưỡng các bệnh nội khoa, NXB Giáo dục Việt Nam - 2017
3. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.
4. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.
5. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.
6. Hoàng Trọng Thăng (2002), Bệnh tiêu hóa gan mật, NXB Y học.
7. Điều dưỡng ngoại 1, Điều dưỡng ngoại 2, Nhà xuất bản giáo dục Hà nội 2008.
8. Đại học Y Hà Nội, Bệnh Học Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), Nhà xuất bản Y học, 2003.
9. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), NXB Y học, 1997
10. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Nội- Ngoại khoa (tập 1, 2, 3), NXB Y học, 1996.
11. Đại học Y khoa Huế, Điều dưỡng ngoại khoa.
12. Bài giảng bệnh học ngoại khoa, NXB Y học, 2001.
13. Bài giảng ngoại khoa cơ sở, Triệu chứng học ngoại khoa. Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. NXB Y học, 2001.
14. Phạm Văn Ruân (2007), Điều dưỡng cấp cứu hồi sức. Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
15. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

16. Bộ Y tế, Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2003.
17. Đại học Y Hà Nội, Triệu chứng học nội khoa (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
18. Đại học Y Hà Nội, Nội khoa cơ sở (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
19. The Wasington Manual of Medical The Bentes 30th Edition, 2002.
20. Đinh Ngọc Đệ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, NXB Giáo dục Việt Nam - 2015
21. Nhiều tác giả. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
22. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
23. Trường Đại học y Hà Nội. Bài giảng Nhi khoa, (tập I, II) (2009). Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
24. Bệnh viện Nhi Đồng I. (2009). Phác đồ điều trị Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội
25. Đại học Y Dược Tp.HCM. (2004). Bài giảng nhi khoa - chương trình đại học. Nhà xuất bản Y Học.
26. Điều dưỡng nhi khoa, sách đào tạo cử nhân điều dưỡng. (2008). Nhà xuất bản Y Học.
27. Donna L. Wong, Mairilyn Hockenry - Eaton. (2001). Wrong's Essentials of Pediatric Nursing. Mosby.
28. Bệnh viện Nhi đồng I. (2000). Cấp cứu - hồi sức nhi.
29. Đại học Y Dược Tp.HCM. (1998). Bài giảng nhi khoa chương trình đào tạo bác sĩ tuyến cơ sở. Nhà xuất bản Đà Nẵng.
30. Tổ chức Y tế thế giới - ban sức khỏe trẻ em và phát triển. Xử trí lồng ghép các bệnh ở trẻ em (1996). UNICEF.
31. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
32. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
33. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
34. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
35. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe trẻ em của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 44

Tên môn học: BẢO CÁO TỐT NGHIỆP

Mã môn học: MH6144

Thời gian thực hiện: 135 giờ (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành/Thực tập: 135 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ VI.

2. Tính chất: Đánh giá sinh viên các kiến thức cơ bản về: nhận định sức khỏe bệnh nhân; nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực; thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. So sánh lý thuyết và lâm sàng về triệu chứng và diễn biến của các loại bệnh lý nội, ngoại, nhi, nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực.
2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng của các bệnh lý thường gặp.
3. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh mắc bệnh.

- Kỹ năng

1. Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực thường gặp
2. Lập và thực hiện được quy trình chăm sóc người bệnh.
3. Theo dõi, phát hiện và xử trí các biến chứng trong quá trình chăm sóc

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học tự rèn luyện các bước nhận định và thực hiện qui trình chăm sóc hiệu quả và an toàn cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
Quy trình điều dưỡng (Sinh viên làm quy trình điều dưỡng trên bệnh nhân tại các khoa thực tập tốt nghiệp)					
1	Quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa	30		30	
2	Quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa	30		30	
3	Quy trình chăm sóc bệnh nhi	25		25	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
4	Quy trình chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	25		25	
5	Quy trình chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực.	25		25	
Tổng cộng		135		135	

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học:** lý thuyết, các khoa thực tập tốt nghiệp .
2. **Trang bị:** máy chiếu, mô hình, dụng cụ thực hành.
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thông và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
- + Nhận định triệu chứng một số bệnh lý thường gặp.
- + Lập và thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực.

- Kỹ năng:

- + Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan thường gặp
- + Theo dõi, phát hiện và xử trí các biến chứng trong quá trình chăm sóc

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học tự rèn luyện các bước nhận định và thực hiện qui trình chăm sóc hiệu quả và an toàn cho người bệnh. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.
- Điểm thi kết thúc học phần: 1 cột điểm báo cáo tốt nghiệp. Đánh giá dựa vào quy trình điều dưỡng/ bệnh án theo biểu mẫu kết hợp hỏi vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. **Phạm vi áp dụng môn học:** toàn trường.

2. **Hướng dẫn về giảng dạy, học tập môn học:**

Sinh viên thực tập tại các Khoa Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực của Bệnh viện tỉnh. Làm quy trình điều dưỡng trên bệnh nhân tại các khoa thực tập tốt nghiệp. Sinh viên trình bày báo cáo khóa luận hoặc quy trình chăm sóc trên bệnh nhân trước hội đồng

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng nội khoa, NXB Y học, Hà Nội - 2007
2. Điều dưỡng các bệnh nội khoa, NXB Giáo dục Việt Nam - 2017
3. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.
4. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.
5. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.
6. Hoàng Trọng Thăng (2002), Bệnh tiêu hóa gan mật, NXB Y học.
7. Điều dưỡng ngoại 1, Điều dưỡng ngoại 2, Nhà xuất bản giáo dục Hà nội 2008.
8. Đại học Y Hà Nội, Bệnh Học Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), Nhà xuất bản Y học, 2003.
9. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), NXB Y học, 1997
10. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Nội- Ngoại khoa (tập 1, 2, 3), NXB Y học, 1996.
11. Đại học Y khoa Huế, Điều dưỡng ngoại khoa.
12. Bài giảng bệnh học ngoại khoa,. NXB Y học, 2001.
13. Bài giảng ngoại khoa cơ sở, Triệu chứng học ngoại khoa. Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. NXB Y học, 2001.
14. Phạm Văn Ruân (2007), Điều dưỡng cấp cứu hồi sức. Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
15. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
16. Bộ Y tế, Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2003.
17. Đại học Y Hà Nội, Triệu chứng học nội khoa (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
18. Đại học Y Hà Nội, Nội khoa cơ sở (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
19. The Wasington Manual of Medical The Bentes 30th Edition, 2002.
20. Đinh Ngọc Đệ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, NXB Giáo dục Việt Nam - 2015
21. Nhiều tác giả. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
22. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
23. Trường Đại học y Hà Nội. Bài giảng Nhi khoa, (tập I, II) (2009). Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
24. Bệnh viện Nhi Đồng I. (2009). Phác đồ điều trị Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội
25. Đại học Y Dược Tp.HCM. (2004). Bài giảng nhi khoa - chương trình đại học. Nhà xuất bản Y Học.
26. Điều dưỡng nhi khoa, sách đào tạo cử nhân điều dưỡng. (2008). Nhà xuất bản Y Học.
27. Donna L. Wong, Marrison Hockenrry - Eaton. (2001). Wrong's Essentials of Pediatric Nursing. Mosby.
28. Bệnh viện Nhi đồng I. (2000). Cấp cứu - hồi sức nhi.

29. Đại học Y Dược Tp.HCM. (1998). Bài giảng nhi khoa chương trình đào tạo bác sĩ tuyến cơ sở. Nhà xuất bản Đà Nẵng.

30. Tổ chức Y tế thế giới - ban sức khỏe trẻ em và phát triển. Xử trí lồng ghép các bệnh ở trẻ em (1996). UNICEF.

31. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
32. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
33. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
34. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
35. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe trẻ em của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.